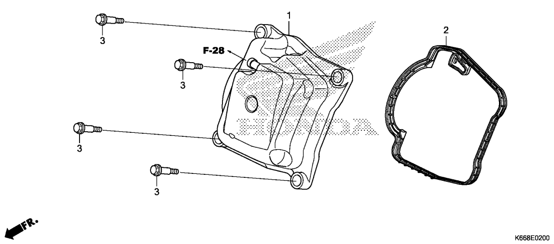
NHÓM PHỤ TÙNG ĐỘNG CƠ

C13

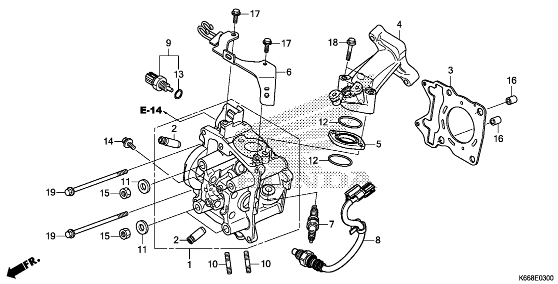
E-2 E 1

ỐP ĐẦU QUY LÁT



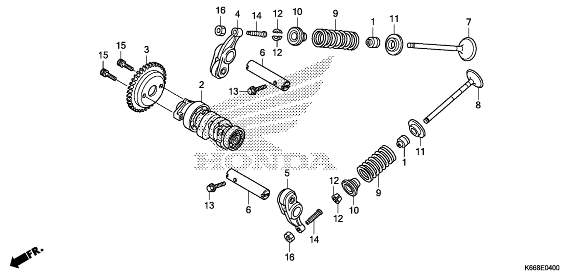
E-3 E 2

ĐẦU QUY LÁT



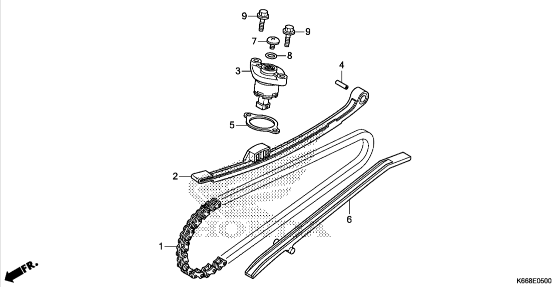
E-4 E 4

TRỤC CAM/XU PÁP



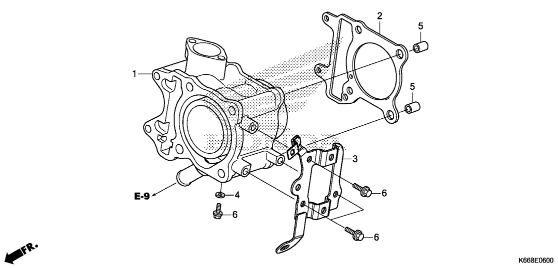
E-5 E 6

XÍCH CAM/BỘ TĂNG CAM



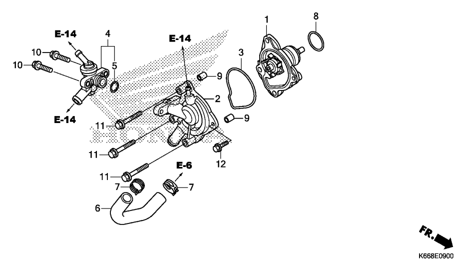
E-6 E 7

XY LANH



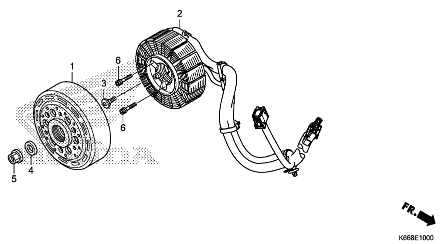
E-9 E 8

BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT



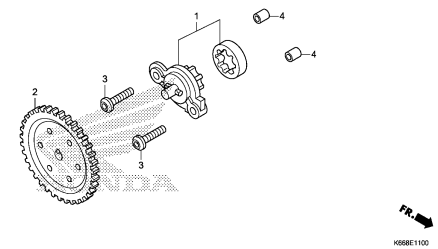
E-10 E 9

BỘ ĐỀ A.C.G



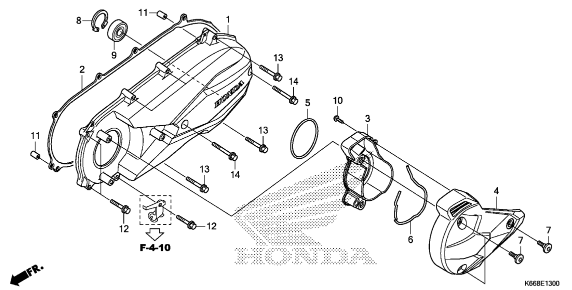
E-11 E10

BƠM DẦU



E-13 E11

ỐP SƯỜN TRÁI



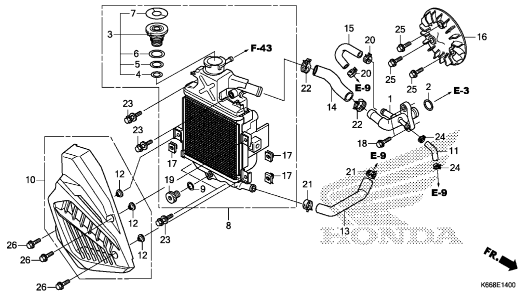
2

NHÓM PHỤ TÙNG ĐỘNG CƠ

C14

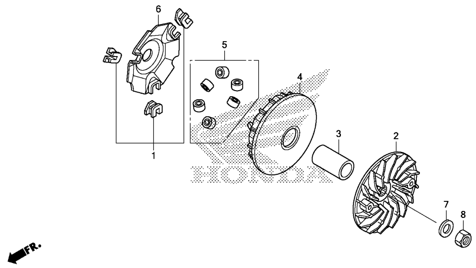
E-14 E12

KÉT LÀM MÁT



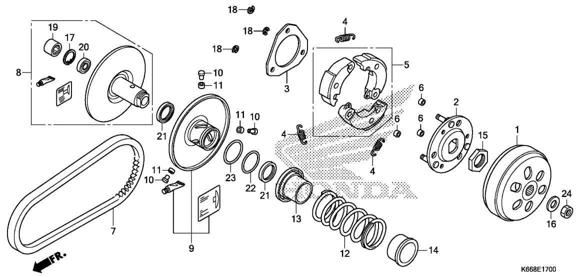
E-16 E14

MÁ PULY CHỦ ĐỘNG



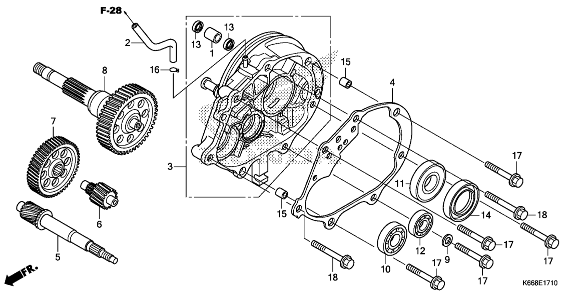
E-17 E15

MÁ PULY BỊ ĐỘNG



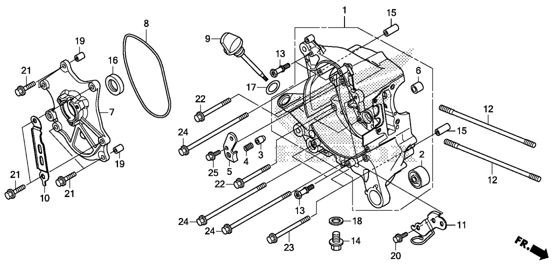
E-17-10 F 1

HỘP TRUYỀN ĐỘNG



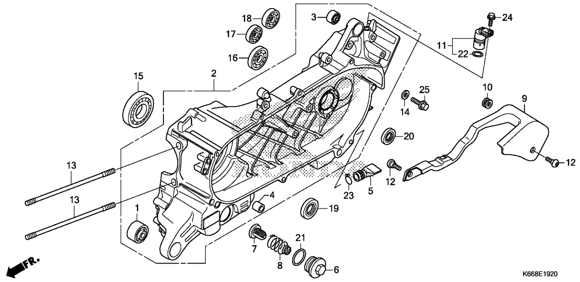
E-19-10 F 3

VÁCH MÁY PHẢI



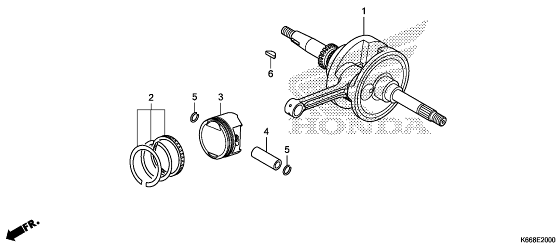
E-19-20 F 5

VÁCH MÁY TRÁI



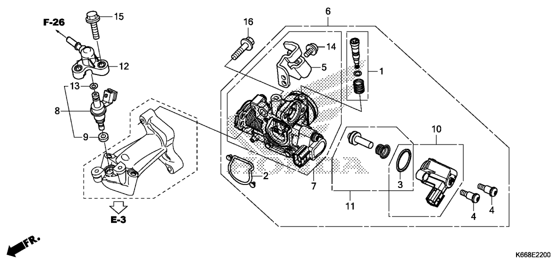
E-20 F 7

TRỤC CƠ/PÍT TÔNG



E-22 F 8

HỌNG GA

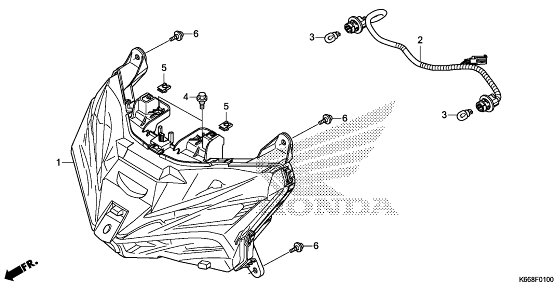


2

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

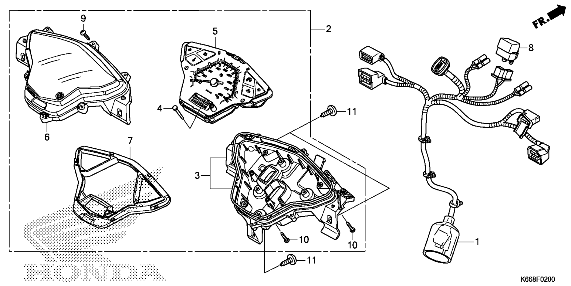
F-1 G 1

ĐÈN PHA



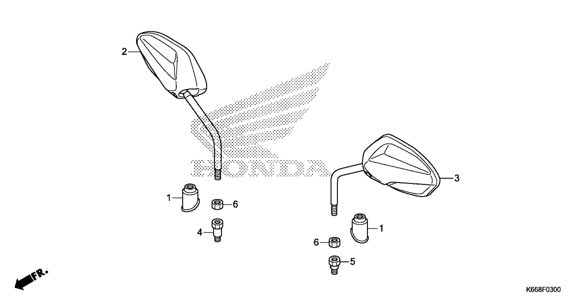
F-2 G 2

ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ



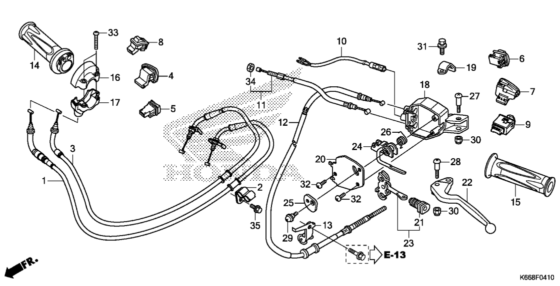
F-3 G 3

GƯƠNG



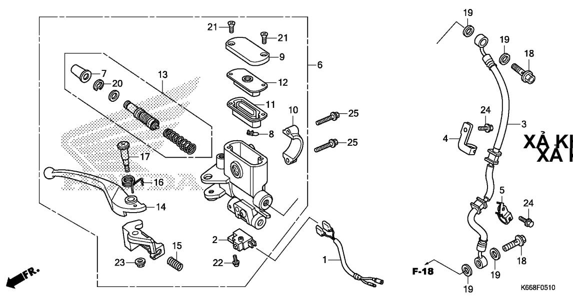
F-4-10 G 4

TAY PHANH/CÔNG TẮC/DÂY



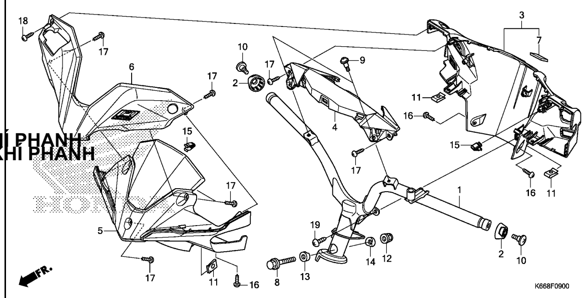
F-5-10 G 6

XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC



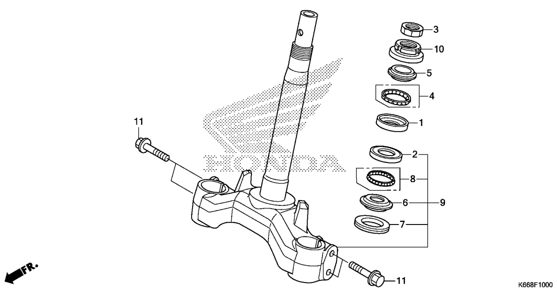
F-9 G 8

ỐNG TAY LÁI/ỐP ỐNG TAY LÁI



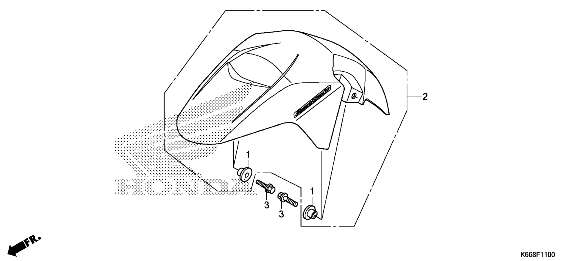
F-10 G10

CỔ LÁI



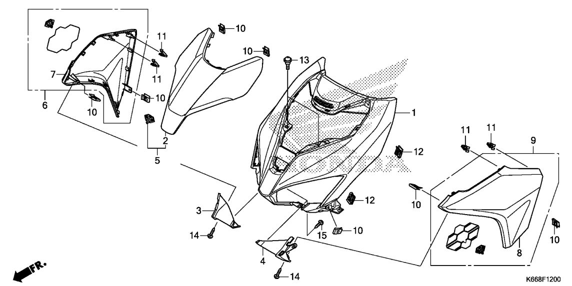
F-11 G11

CHẮN BÙN TRƯỚC



F-12 G12

ỐP TRƯỚC



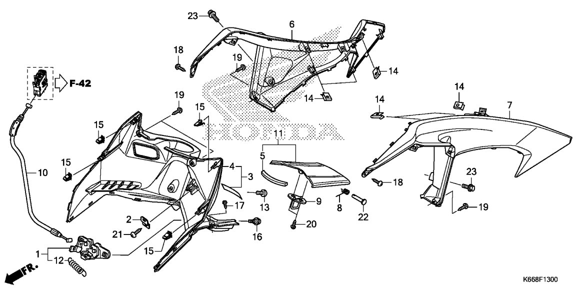
NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

C16

3

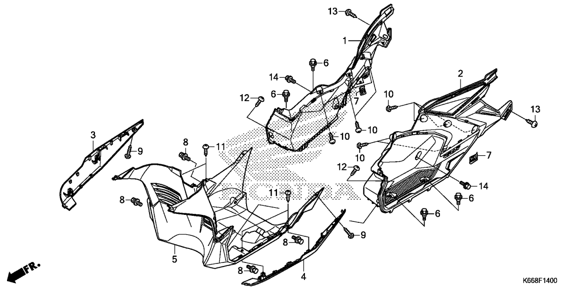
F-13 G14

ỐP ỐNG CHÍNH



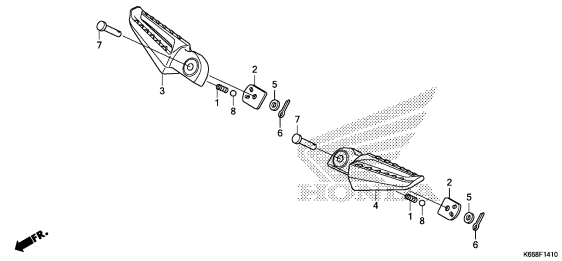
F-14 G16

SÀN ĐỂ CHÂN ỐP DƯỚI



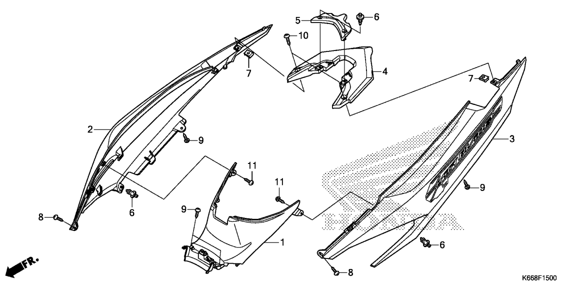
F-14-10 H 2

GÁC CHÂN SAU



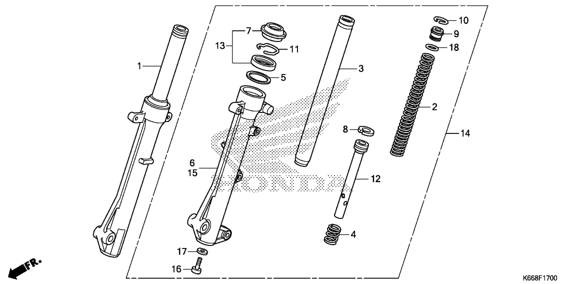
F-15 H 3

ỐP THÂN



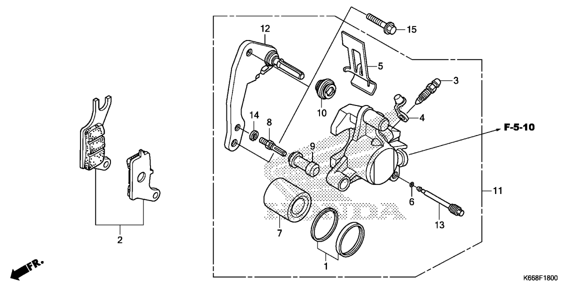
F-17 H 6

GIẢM XÓC TRƯỚC



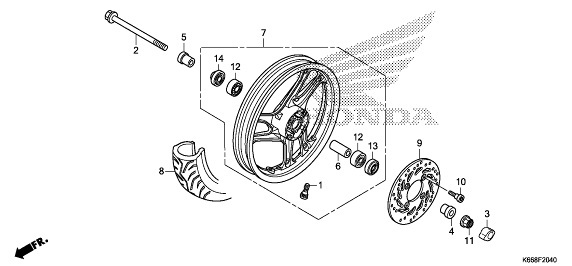
F-18 H 7

NGÀM PHANH TRƯỚC



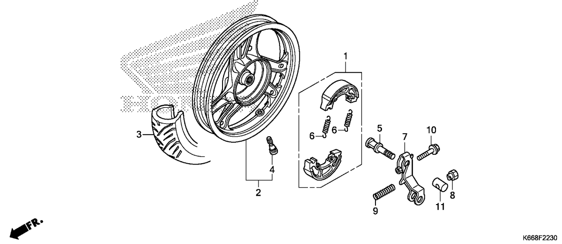
F-20-40 H 8

BÁNH TRƯỚC



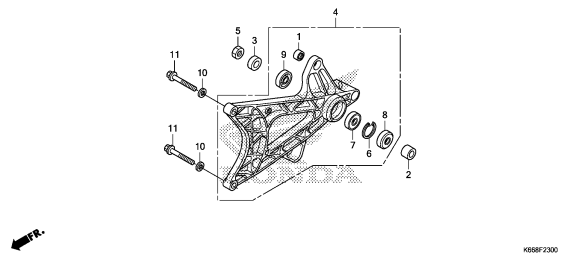
F-22-30 H10

BÁNH SAU



F-23 H11

CÀNG SAU

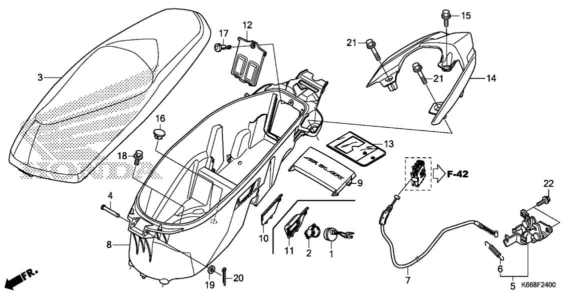


NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

D 1

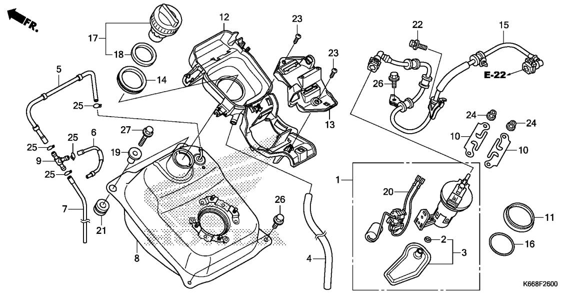
F-24 H12

YÊN XE/HỘP ĐỰNG ĐỒ



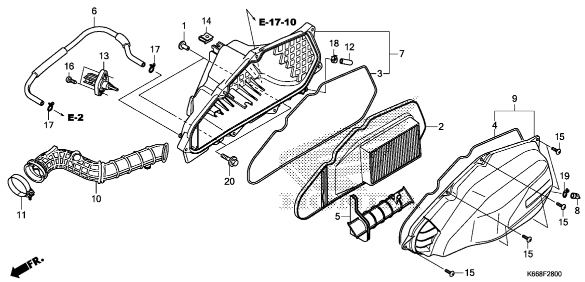
F-26 H14

BÌNH XĂNG



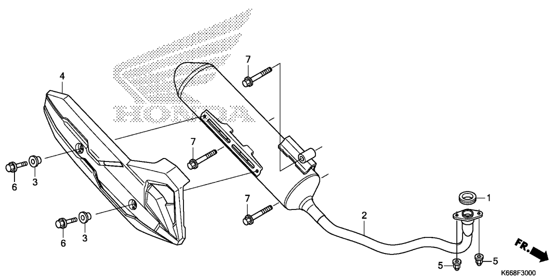
F-28 H16

LỌC GIÓ



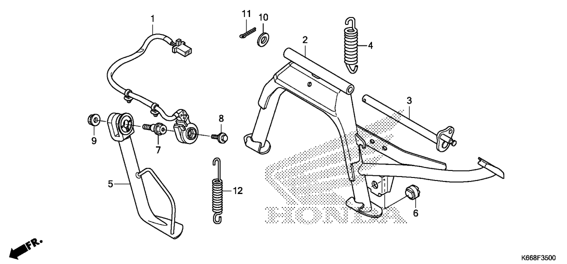
F-30 I 1

ỐNG XẢ



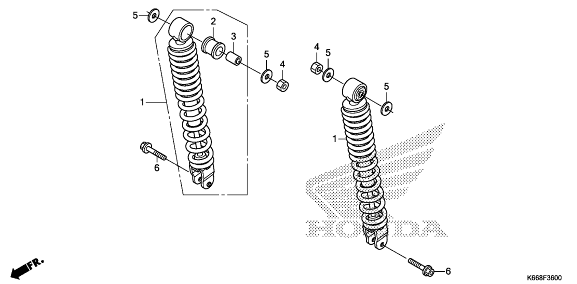
F-35 I 2

CHÂN CHỐNG



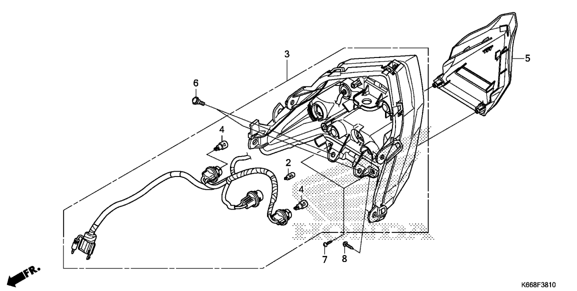
F-36 I 3

GIẢM XÓC SAU



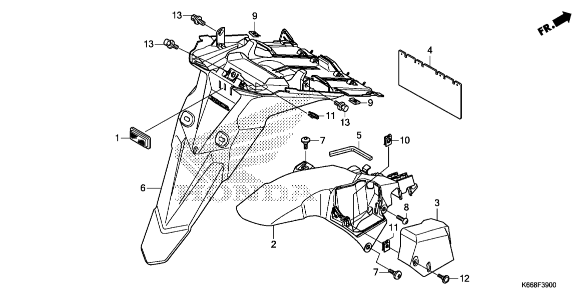
F-38-10 I 4

CỤM ĐÈN HẬU



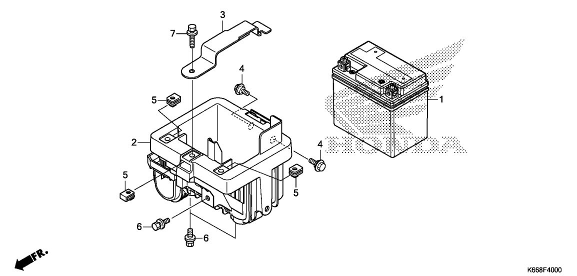
F-39 I 5

CHẮN BÙN SAU



F-40 I 6

BÌNH ĐIỆN

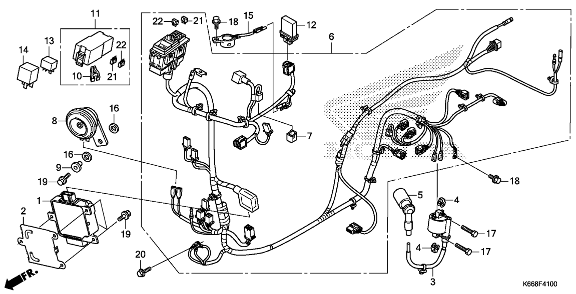


NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

D 2

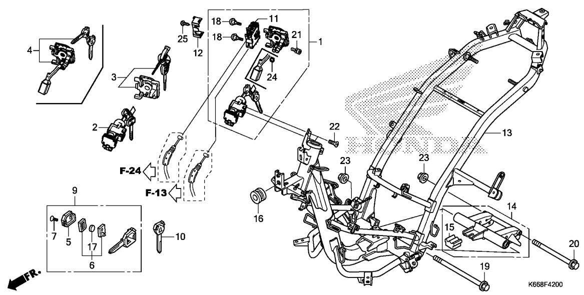
F-41 I 7

BÓ DÂY



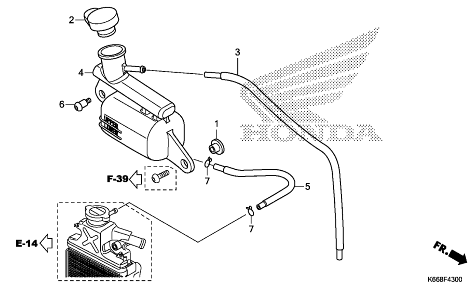
F-42 I 9

KHUNG XE



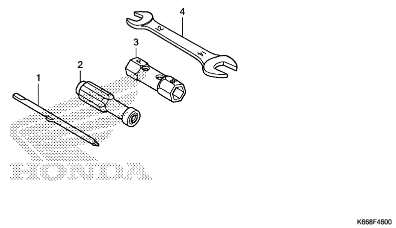
F-43 I11

BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT



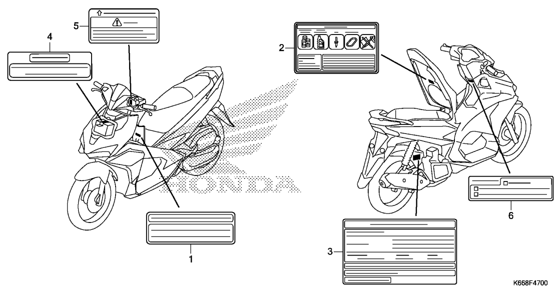
F-46 I12

DỤNG CỤ



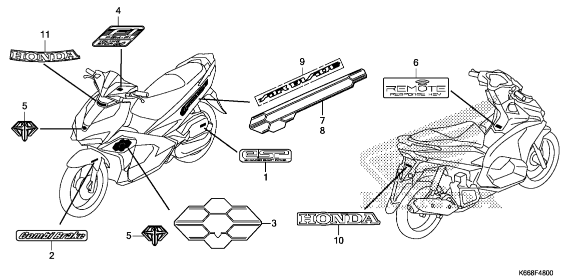
F-47 I13

NHÃN CẢNH BÁO



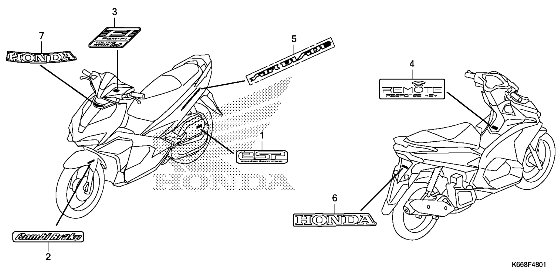
F-48 I14

TEM/MÁC XE (ACA125CBF-2V,7V)



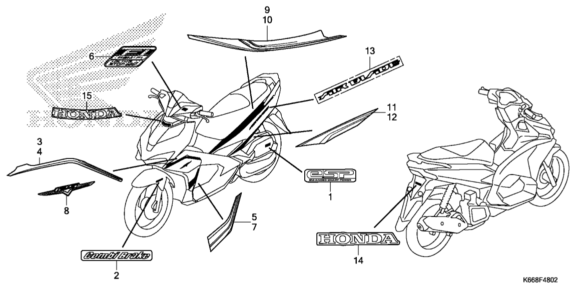
F-48-1 I16

TEM/MÁC XE(ACA125CBF-3V,8V)

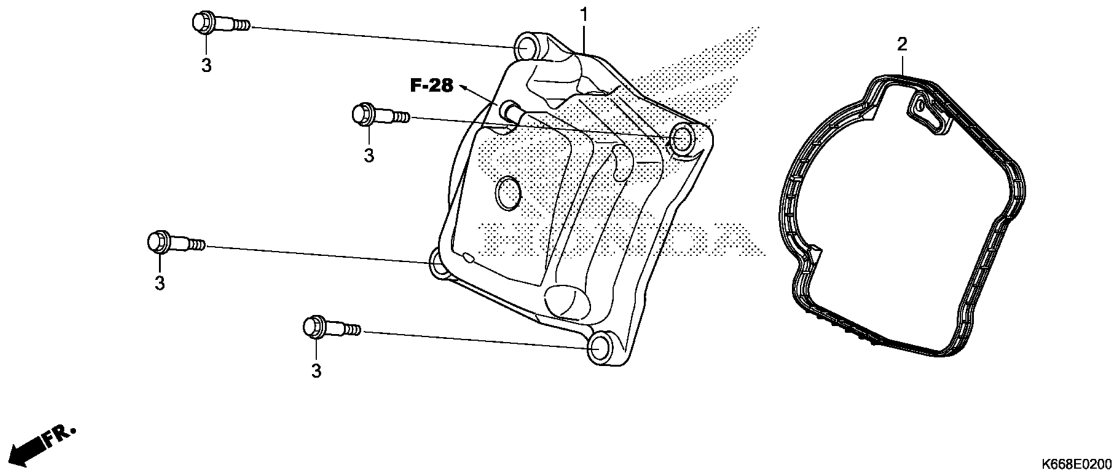


F-48-2 J 1

TEM/MÁC XE(ACA125CBF-6V,V)



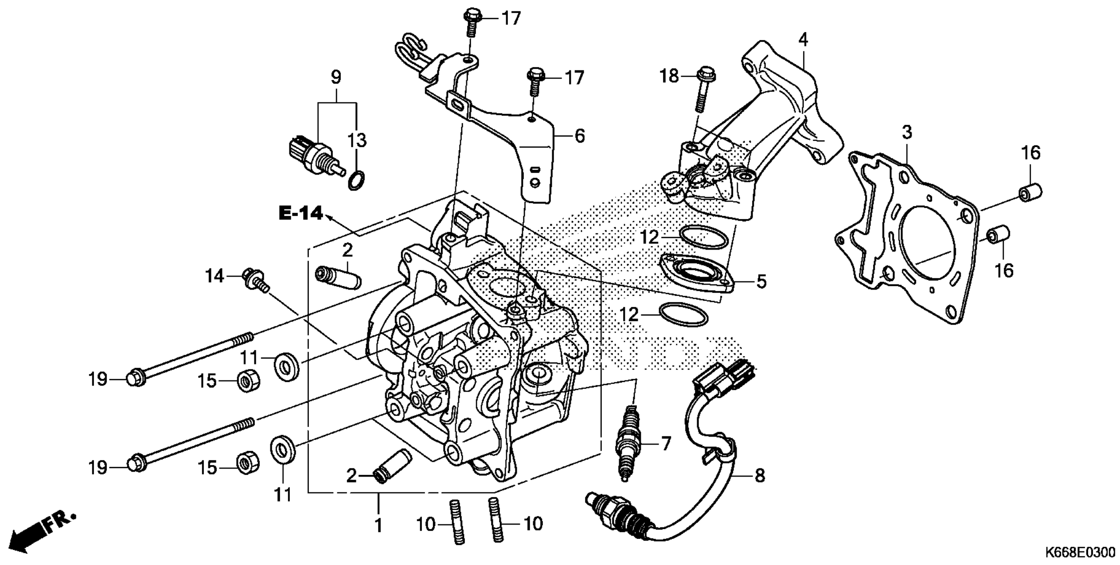
ỐP ĐẦU QUY LÁT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1111C4	ÓP ĐẦU QUY LÁT	0.3
2	1111D2	GIOĂNG ÓP ĐẦU QUY LÁT	0.3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	12310-K66-V00	COVER COMP., HEAD	1		BỘ ÓP ĐẦU QUY LÁT
2	12391-K66-V01	GASKET, HEAD COVER	1		GIOĂNG ÓP ĐẦU QUY LÁT
3	90013-K66-V00	BOLT, HEAD COVER	4		BU LÔNG ÓP ĐẦU QUY LÁT

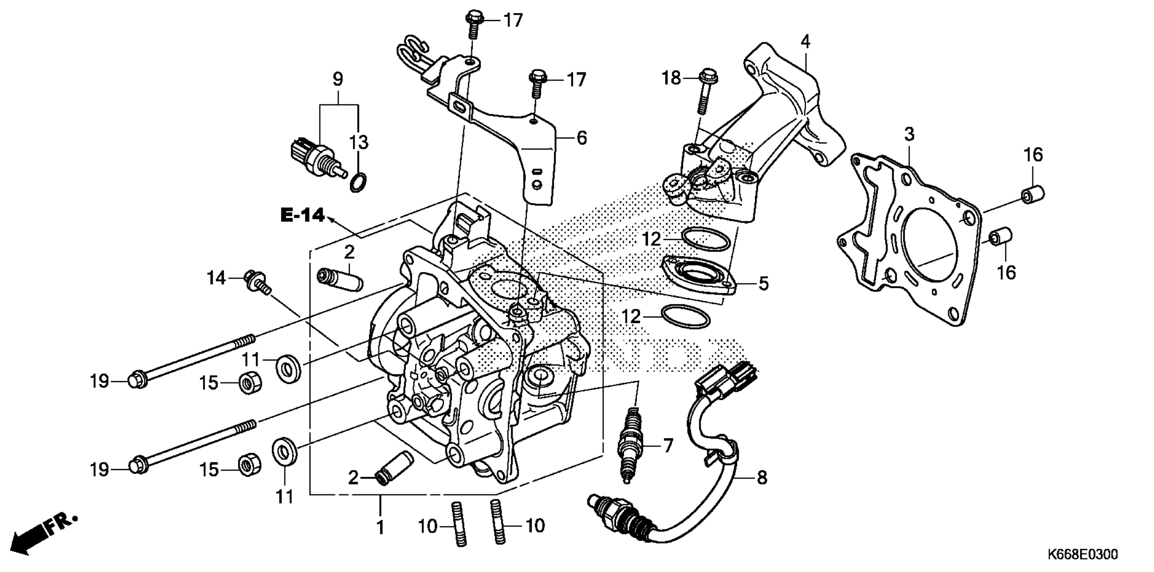
ĐẦU QUY LÁT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	111106	ĐẦU QUY LÁT .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	3.8
2	1111L9	DẪN HƯỚNG XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC) .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Doa xu páp .BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	3.8
	1111M0	DẪN HƯỚNG XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC) .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Doa xu páp .BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	3.8
	1111M9	DẪN HƯỚNG XU PÁP: ĐỐI VỚI 1 XE .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Doa xu páp .BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	4.1
+ 3	111115	GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT	3.0

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	12010-K66-V00	HEAD ASSY., CYLINDER	1		CỤM ĐẦU QUY LÁT
2	12204-KWN-P00	GUIDE, VALVE(O.S.)	2		DẪN HƯỚNG XU PÁP (O.S.)
3	12251-K12-901	GASKET, CYLINDER HEAD (STD./0.25/0.50)	1		GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT (STD./0,25/0,50)
	12251-KZR-601	(STD./0.25/0.50)	1		GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT
	12252-KWN-900	GASKET, CYLINDER HEAD(O.S.) (USE FOR 0.75/1.00)	(1)		GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT (O.S.) (STD./0,25/0,50)
4	17111-K66-V00	PIPE, IN.	1		ỐNG NẠP
5	17119-KWN-710	INSULATOR, IN. PIPE	1		ĐỆM CÁCH NHIỆT ỐNG NẠP
6	17570-K66-V00	STAY COMP., FUEL HOSE	1		CỤM GIÁ KẸP ỐNG NHIÊN LIỆU
7	31917-KPH-901	PLUG, SPARK(CPR7EA-9)(NGK)	1		BUGI (CPR7EA-9)(NGK)
	31927-KPH-901	PLUG, SPARK(U22EPR9)(DENSO)	1		BUGI (U22EPR9)(DENSO)
8	36532-K66-V01	SENSOR, OXYGEN	1		CẢM BIẾN Ô XY
9	37870-KZR-601	SENSOR ASSY., WATER TEMP	1		BỘ CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ DUNG DỊCH LÀM MÁT
10	90004-KGF-910	BOLT, STUD, 7X17	2		BU LÔNG 7X17
11	90483-KWN-900	WASHER, 8MM	4		VÒNG ĐỆM 8MM
12	91301-KRJ-901	O-RING, 29X2	2		PHỚT O, 29X2
13	91307-PLC-004	O-RING, 9.5X1.9(PANASONIC)	1		PHỚT O, 9,5X1,9(PANASONIC)
14	93404-06012-00	BOLT-WASHER, 6X12	1		BU LÔNG ĐỆM 6X12
15	94030-08280	NUT, HEX., 8MM	4		ỐC LỤC GIÁC 8MM
16	94301-10160	DOWEL PIN, 10X16	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 10X16
17	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14
18	95701-06040-00	BOLT, FLANGE, 6X40	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40
19	95701-06095-00	BOLT, FLANGE, 6X95	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X95

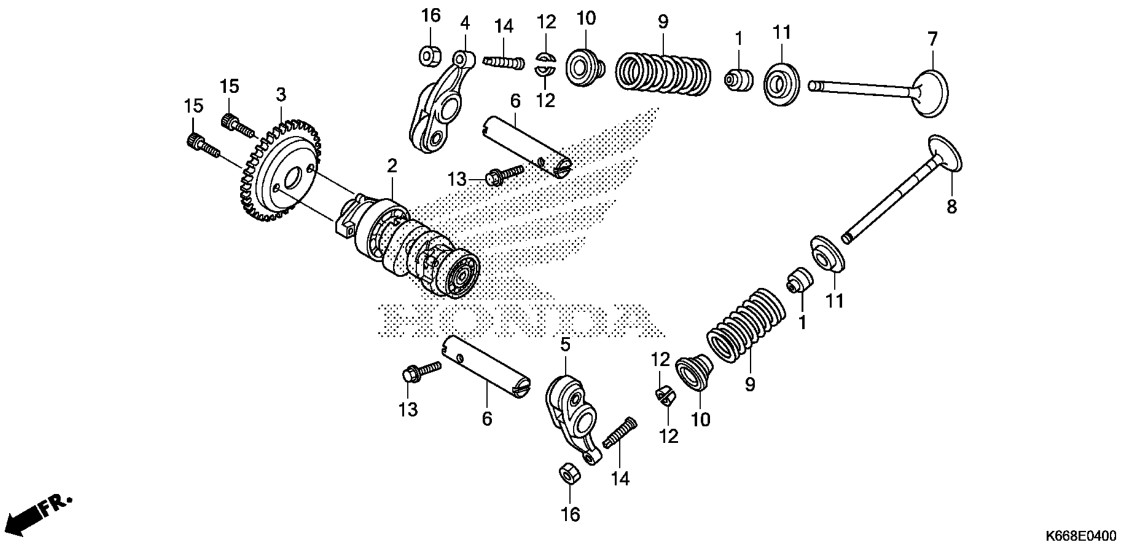
E-3 ĐẦU QUY LÁT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+ 3		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
4	111107	(5,12) ỐNG NẠP	0.8
7	614130	BUGI	0.5
8	617121	CẢM BIẾN ÔXY	0.7
9	6171A9	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ DUNG DỊCH LÀM MÁT	0.9

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt

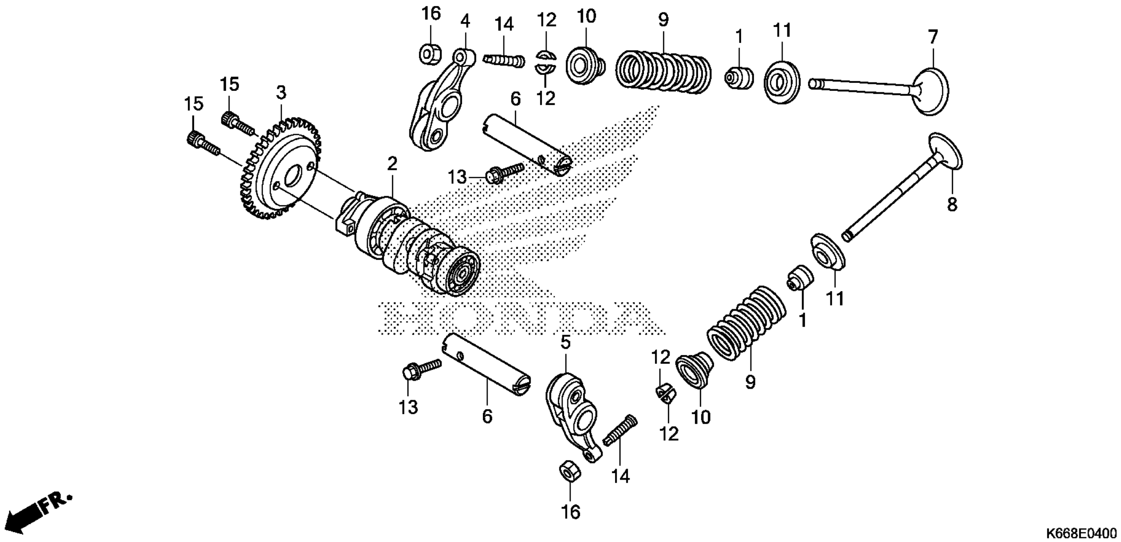
TRỤC CAM/XU PÁP



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	111118	TRỤC CAM .... .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	1.6
3	1111Q4	NHÔNG CAM .... (6)	1.4
4	1111K8	CÒ MỔ XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC) .... .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp (6)	1.5
5	1111K9	CÒ MỔ XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC) .... .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	1.5
	1111L8	CÒ MỔ XU PÁP :ĐỐI VỚI 1 XE .... .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	1.5
7	1111N0	XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC) .... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Rà xu páp	3.4
8	1111N1	XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC) .... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Rà xu páp	3.4
	1111P0	XU PÁP: ĐỐI VỚI 1 XE .... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Rà xu páp	3.6

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	12209-GB4-681	SEAL, VALVE STEM(NOK) -------	2		PHỚT THÂN XU PÁP (NOK)
	12209-GB4-682	SEAL, VALVE STEM(ARAI) ------	2		PHỚT THÂN XU PÁP (ARAI)
2	14100-K35-J00	CAMSHAFT COMP. --------------	1		CỤM TRỤC CAM
3	14321-KWN-900	SPROCKET, CAM(34T) ----------	1		NHÔNG CAM (34 RĂNG)
4	14430-KZR-600	ARM COMP., IN. VALVE ROCKER -	1		BỘ CÒ MỔ XU PÁP HÚT
5	14440-KZR-600	ARM COMP., EX. VALVE ROCKER -	1		BỘ CÒ MỔ XU PÁP XẢ
6	14451-KZR-600	SHAFT, ROCKER ARM -----------	2		TRỤC CÒ MỔ
7	14711-KWN-900	VALVE, IN. ------------------	1		XU PÁP HÚT
8	14721-KWN-900	VALVE, EX. ------------------	1		XU PÁP XẢ
9	14751-KWN-900	SPRING, VALVE ---------------	2		LÒ XO XU PÁP
10	14771-KWN-900	RETAINER, VALVE SPRING ------	2		VÒNG GIỮ LÒ XO XU PÁP
11	14775-KZR-600	SEAT, VALVE SPRING ----------	2		ĐẾ LÒ XO XU PÁP
12	14781-MA6-000	COTTER, VALVE ---------------	4		MÓNG CHẶN XU PÁP
13	90002-KWB-600	BOLT, FLANGE, 5X12 ----------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 5X12
14	90012-KWB-600	SCREW, TAPPET ADJUSTING -----	2		VÍT CHỈNH XU PÁP
15	90083-KVB-900	BOLT, SOCKET KNOCK, 5MM -----	2		BU LÔNG GIÁC CHÌM 5MM
16	90206-001-000	NUT, TAPPET ADJUSTING -------	2		ỐC CHỈNH XU PÁP

TRỤC CAM/XU PÁP



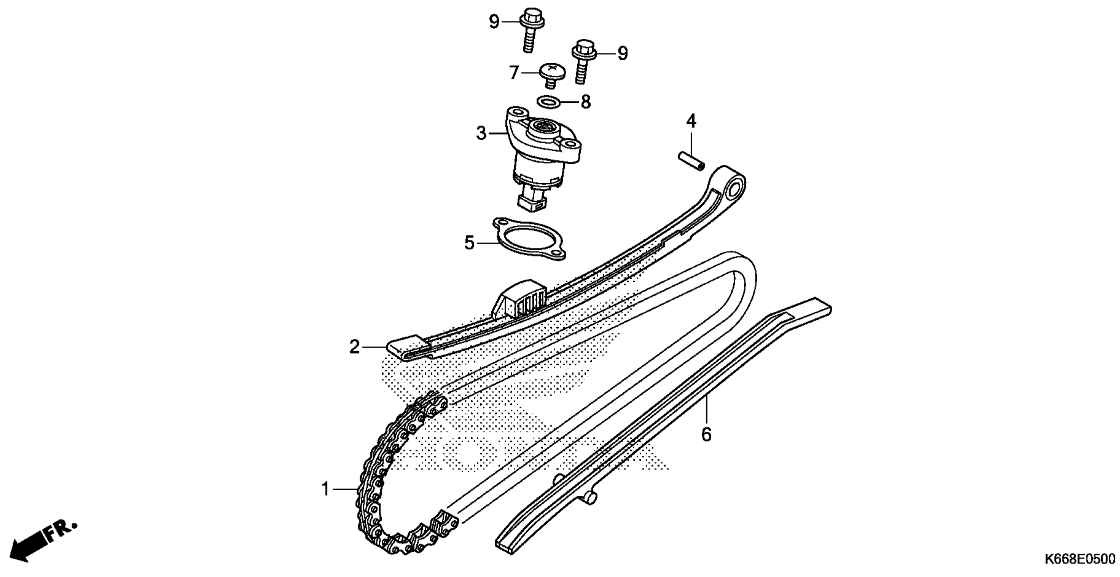
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
9		(1,10,11,12)	
	1111P2	LÒ XO VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC) .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.2
	1111P3	LÒ XO VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC) .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.2
	1111Q2	LÒ XO VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP :ĐỐI VỚI 1 XE .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt

2

E-5 XÍCH CAM/TĂNG XÍCH CAM

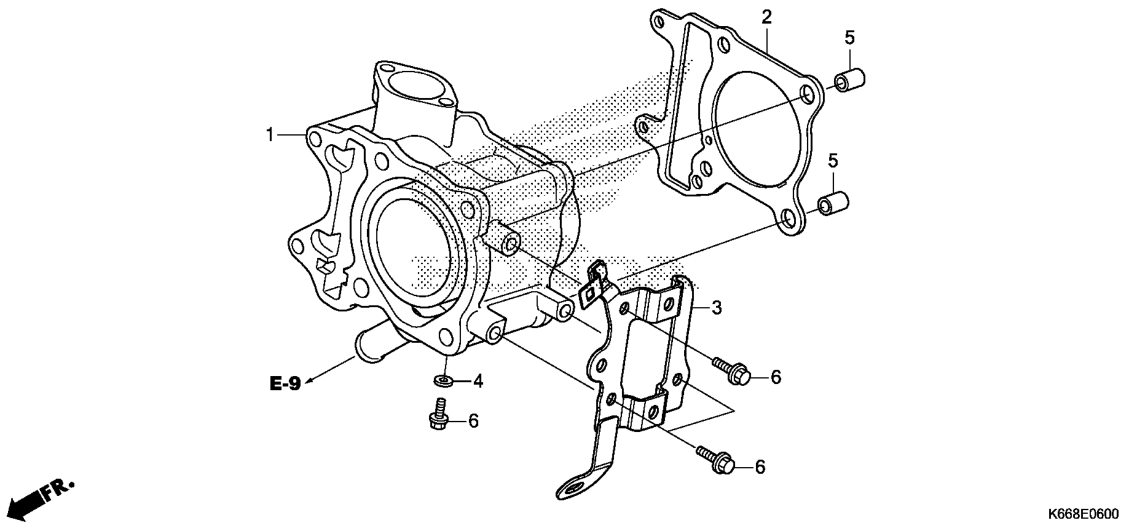
E 6



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	110140	XÍCH CAM .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.5
2	111130	CẦN TĂNG XÍCH CAM .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.5
3		(5)	
	111133	CẦN NÂNG CAM	0.7
6	111139	DẪN HƯỚNG XÍCH CAM .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.0

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	14401-K66-V01	CHAIN, CAM (DID SCZ-0404 SV-92LE)	1		XÍCH CAM
2	14510-KZR-600	TENSIONER ASSY., CAM CHAIN	1		BỘ TĂNG XÍCH CAM
3	14520-K60-T01	LIFTER ASSY., TENSIONER	1	-------- -------- 2V,7V	CẦN TĂNG CAM
	14520-KZR-602	----------------------------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	
4	14531-KZR-600	PIVOT, CAM CHAIN TENSIONER	1		CHỐT TĂNG XÍCH CAM
5	14560-KZR-600	GASKET, TENSIONER LIFTER	1		GIOĂNG CẦN TĂNG CAM
6	14611-K01-900	GUIDE, CAM CHAIN	1		DẪN HƯỚNG XÍCH CAM
7	90005-KY7-000	SCREW, PAN, 6X6	1		VÍT 6X6
8	91306-MG3-000	O-RING, 1.5X9.5	1		PHỚT O 1,5X9,5
9	95701-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22

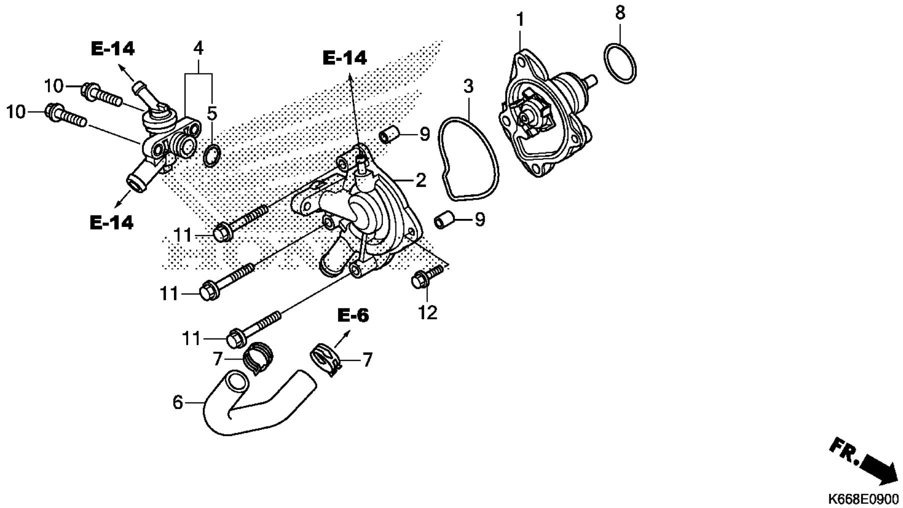
XY LANH



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1111A5	XY LANH .... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.4
2	111102	GIOĂNG XY LANH .... BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.3
3	6141C2	GIÁ CUỘN ĐÁNH LỬA	0.5

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	12100-KZR-600	CYLINDER COMP.	1		CỤM XY LANH
2	12191-KZR-600	GASKET, CYLINDER	1		GIOĂNG XY LANH
3	30515-K35-V00	STAY COMP., IGNITION COIL ···	1		CỤM GIÁ CUỘN ĐÁNH LỬA
4	90463-ML7-000	WASHER, SEALING, 6.5MM ······	1		ĐỆM KÍN 6,5MM
5	94301-10160	DOWEL PIN, 10X16	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 10X16
6	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14

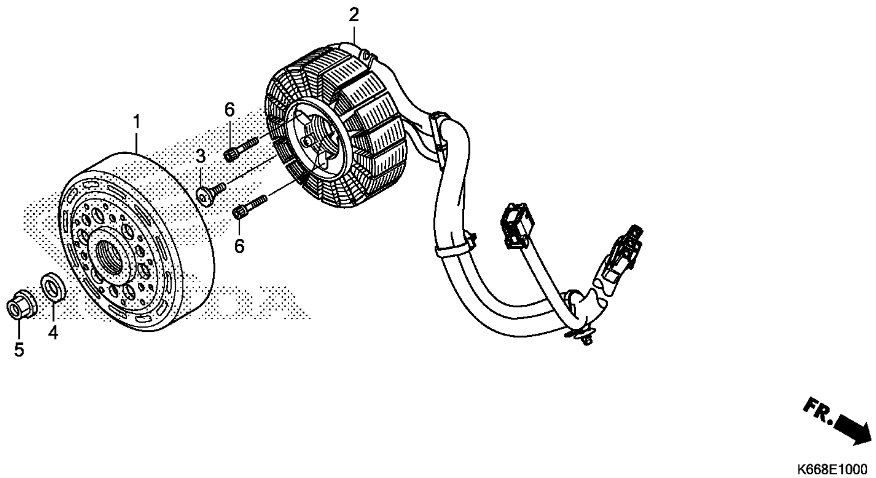
BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1141Q0	BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT	0.9
2	1141B0	ÓP BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT	0.9
3	1141B1	GIOĂNG ÓP BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT	0.9
4	114116	BỘ ỔN NHIỆT	0.9
6	114132	ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT C	0.6

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	19210-K66-V00	PUMP COMP., WATER	1		CỤM BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT
2	19220-KWN-901	COVER COMP., WATER PUMP	1		CỤM ÓP BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT
3	19226-KWN-900	GASKET, WATER PUMP COVER	1		GIOĂNG ÓP BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT
4	19300-K35-V01	THERMOSTAT ASSY.	1		BỘ ỔN NHIỆT
5	19310-K35-V01	O-RING	1		PHỚT O
6	19503-KWN-900	HOSE C, WATER	1		ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT C
7	90701-KWN-901	CLAMP, WATER HOSE, 24MM	2		KẸP ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT 24MM
8	91302-KWN-900	O-RING, 34X2	1		PHỚT O 34X2
9	94301-08100	DOWEL PIN, 8X10	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 8X10
10	95701-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22
11	95701-06040-00	BOLT, FLANGE, 6X40	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40
12	96001-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16

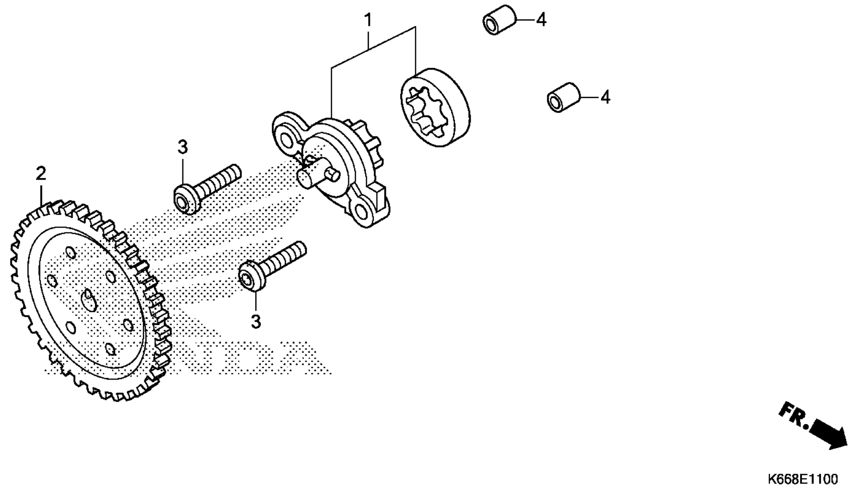
KHỞI ĐỘNG A.C.G



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	613105	RÔ TO HOẶC VÔ LĂNG ĐIỆN	0.6
2	6131A3	STATO	1.6

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	31210-KZR-601	FLYWHEEL COMP.	1		CỤM VÔ LĂNG ĐIỆN
2	31220-K66-V01	STATOR COMP.(MITSUBA)	1		CỤM STATO (MITSUBA)
3	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18	1		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
4	90439-KWZ-900	WASHER, 12X24X2.3	1		VÒNG ĐỆM 12X24X2,3
5	94050-12000	NUT, FLANGE, 12MM	1		ÓC CÓ BÍCH 12MM
6	96700-06025-00	BOLT, SOCKET, 6X25	3		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X25

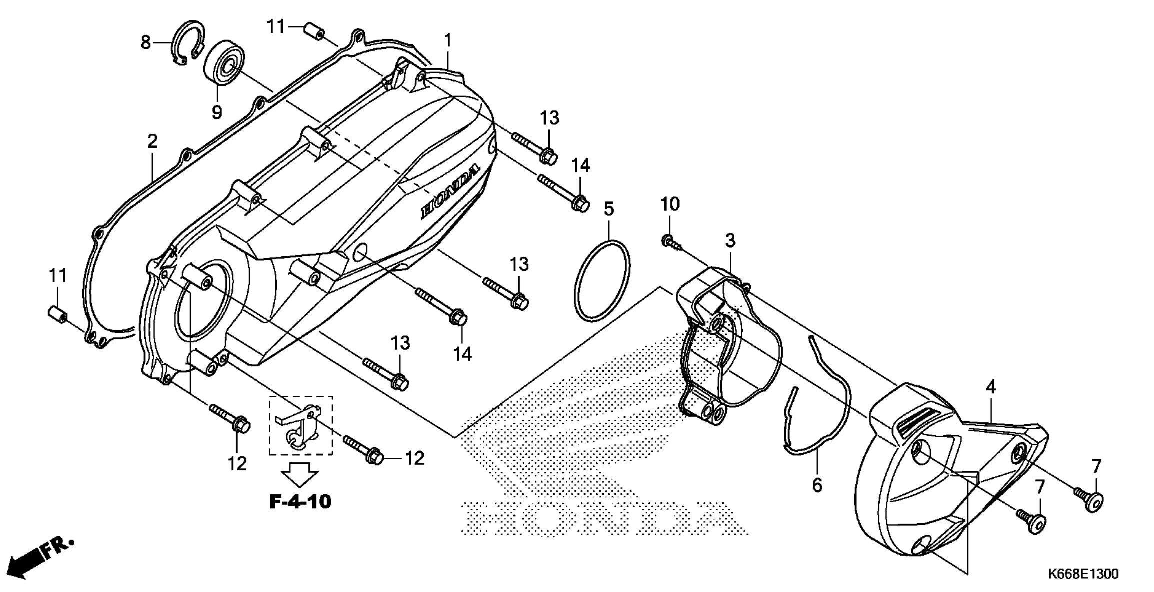
BƠM DẦU



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	113105	BỘ BƠM DẦU	1.0
2	1131C4	BÁNH RĂNG BỊ ĐỘNG BƠM DẦU	0.9

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	15010-KWN-900	PUMP SET, OIL	1		BỘ BƠM DẦU
2	15133-KWN-900	GEAR, OIL PUMP DRIVEN(35T)	1		BÁNH RĂNG BỊ ĐỘNG BƠM DẦU (35 RĂNG)
3	90003-KWN-900	BOLT, SPECIAL, 6X23.5	2		BU LÔNG ĐẶC BiỆT 6X23,5
4	94301-08100	DOWEL PIN, 8X10	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 8X10

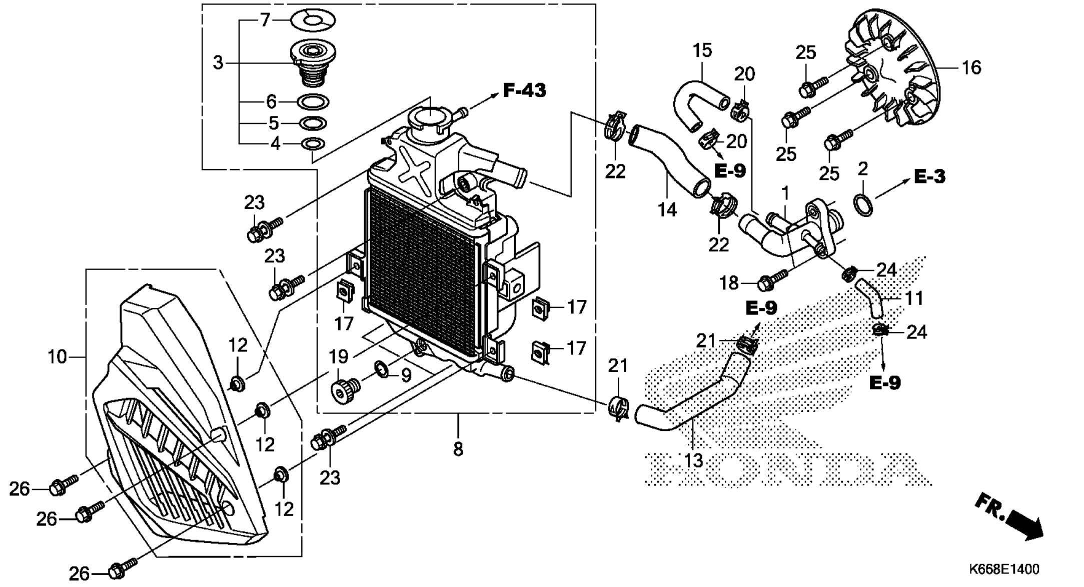
VÁCH MÁY TRÁI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1101A6	ỐP VÁCH MÁY TRÁI	0.5
2	1101A3	GIOĂNG ỐP VÁCH MÁY TRÁI	0.2
4		(3,5,6)	
	1101H4	ỐNG ỐP HỘP DÂY ĐAI	0.1
9	2101H8	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN :ỐP CẠNH TRÁI	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	11341-K66-V00	COVER, L. SIDE	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	VÁCH MÁY TRÁI
	11341-K66-V10		1	-------- -------- 6V,V	
2	11395-KZR-600	GASKET, L. COVER	1		GIOĂNG VÁCH MÁY TRÁI
3	19641-K66-V00	DUCT, L. COVER	1		ỐNG ỐP VÁCH MÁY TRÁI
4	19642-K66-V00	CAP, L. COVER	1		NẮP ỐNG ỐP VÁCH MÁY TRÁI
5	19645-KWN-900	SEAL, BELT COVER DUCT	1		PHỚT ỐNG ỐP VÁCH MÁY TRÁI
6	19748-K66-V00	SEAL, DUCT	1		PHỚT ỐNG ỐP VÁCH MÁY TRÁI
7	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18	3		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
8	90652-KVB-900	CIRCLIP, INTERNAL, 32MM	1		PHE CÀI TRONG 32MM
9	91005-KVB-900	BEARING COMP.(6002UU)(NTN)	1		CỤM VÒNG BI (6002UU)(NTN)
10	93903-34220	SCREW, TAPPING, 4X10	1		VÍT TỰ REN 4X10
11	94301-08140	DOWEL PIN, 8X14	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 8X14
12	96001-06028-00	BOLT, FLANGE, 6X28	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X28
13	96001-06040-00	BOLT, FLANGE, 6X40	5		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40
14	96001-06065-00	BOLT, FLANGE, 6X65	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X65

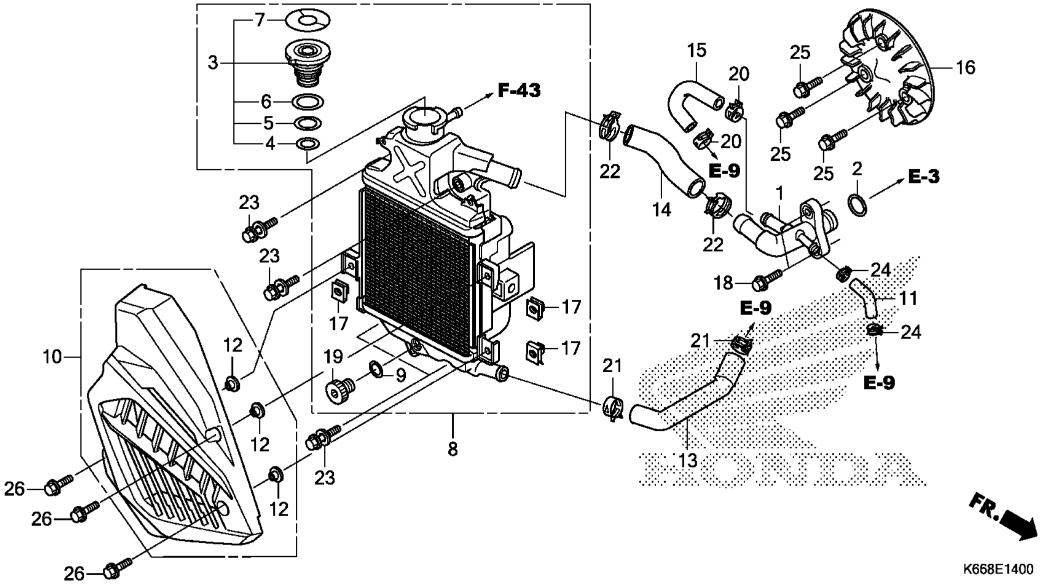
BỘ TẢN NHIỆT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1151L2	ỐNG NỐI 3 CHẠC	0.7
3	1151B8	NẮP KÉT TẢN NHIỆT	0.1
8	1151C3	KÉT TẢN NHIỆT	0.4
10	115115	ỐP KÉT TẢN NHIỆT	0.1
11	1141H9	ỐNG THÔNG HƠI VÁCH MÁY	0.6
13	114130	ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT A	0.4
14	114131	ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT B	0.6
15	1141B4	ỐNG PHỤ	0.6
16	1151A6	QUẠT LÀM MÁT	0.5

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	12206-K66-V00	JOINT COMP., WATER HOSE	1		CỤM ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT
2	12207-KWN-900	O-RING, 15.4X2	1		PHỚT O 15,4X2
3	19037-K27-V51	CAP COMP., RADIATOR	1		CỤM NẮP KÉT TẢN NHIỆT
4	19049-K27-V51	O-RING A	1		PHỚT-O A
5	19051-K27-V51	O-RING B	1		PHỚT-O B
6	19052-K27-V51	O-RING C	1		PHỚT-O C
7	19055-K27-V51	LABEL, RADIATOR CAP	1		NHÃN NẮP KÉT TẢN NHIỆT
8	19100-K66-V00	RADIATOR ASSY.	1		BỘ TẢN NHIỆT
9	19109-GET-003	SEAL, DRAIN	1		PHỚT XẢ KÉT TẢN NHIỆT
10	19150-K66-V00	COVER COMP., RADIATOR	1		BỘ ỐP KÉT TẢN NHIỆT
11	19332-KWN-900	TUBE, AIR BREATHER	1		ỐNG THÔNG HƠI
12	19416-KEY-900	COLLAR	3		VÒNG ĐỆM
13	19501-KZR-600	HOSE A, WATER	1		ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT A
14	19502-KZR-600	HOSE B, WATER	1		ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT B
15	19504-KZR-600	HOSE, BYPASS	1		ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT PHỤ
16	19510-K60-B00	FAN COMP., COOLING	1		CỤM QUẠT LÀM MÁT
17	84601-HA7-670	NUT, FENDER SETTING	3		ĐAI ỐC KẸP ĐỊNH VỊ CHẮN BÙN
18	90004-GHB-660	BOLT, FLANGE, 6X22(NSHF)	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22(NSHF)
19	90103-GET-003	BOLT, DRAIN	1		BU LÔNG XẢ
20	90601-K27-V01	CLAMP, HOSE(D15.5)	2		KẸP ỐNG (D15,5)
21	90602-K27-V01	CLAMP, HOSE(D20)	2		KẸP ỐNG (D20)
22	90701-KWN-901	CLAMP, WATER HOSE, 24MM	2		KẸP ỐNG DUNG DỊCH LÀM MÁT 24MM
23	93401-06025-08	BOLT-WASHER, 6X25	4		BU LÔNG ĐỆM, 6X25
24	95002-41050-08	CLAMP, TUBE(D10.5)	2		KẸP ỐNG(D10,5)

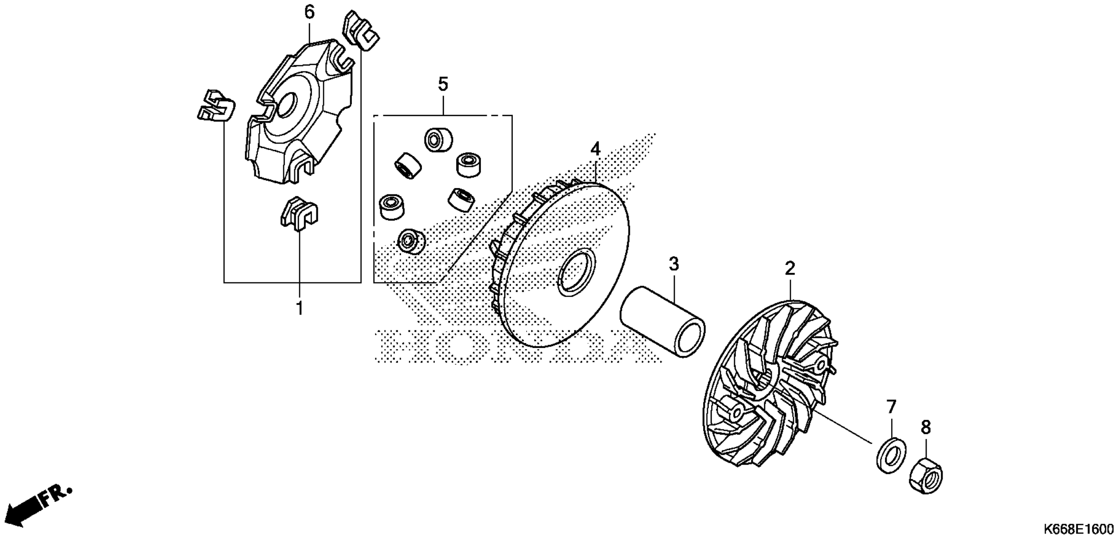
KÉT TẢN NHIỆT



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
25	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16 ··········	3		BU LÔNG MẶT BÍCH, 6X16
26	96001-06016-07	BOLT, FLANGE, 6X16 ··········	3		BU LÔNG MẶT BÍCH, 6X16

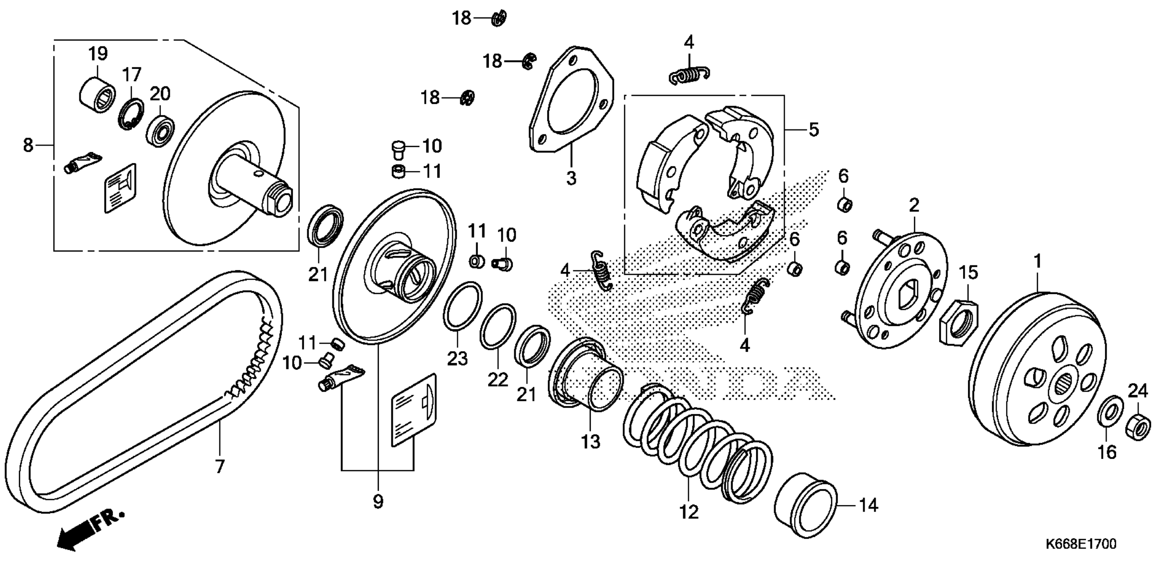
MÁ PULY CHỦ ĐỘNG



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	2111A0	MÁ TĨNH PULY CHỦ ĐỘNG	0.4
4	2111A1	MÁ ĐỘNG PULY CHỦ ĐỘNG	0.4
5		(1,6)	
	2111A4	BI VĂNG	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	22011-KWN-900	PIECE SET, SLIDE ------------	1		BỘ KẸP GIỮ BI
2	22102-K35-V00	FACE, DRIVE -----------------	1		MÁ TĨNH PULY CHỦ ĐỘNG
3	22105-KWN-900	BOSS, DRIVE FACE ------------	1		LỖI TRƯỢT
4	22110-K35-V00	FACE COMP., MOVABLE DRIVE ---	1		BỘ MÁ ĐỘNG PULY CHỦ ĐỘNG
5	22123-KWN-900	ROLLER SET, WEIGHT ----------	1		BỘ BI VĂNG
6	22131-KWN-900	PLATE, RAMP -----------------	1		TẤM GIỮ BI VĂNG
7	90401-KWN-900	WASHER, 15X29X7 -------------	1		VÒNG ĐỆM 15X29X7
8	94030-14200	NUT, HEX., 14MM -------------	1		ỐC LỤC GIÁC 14MM

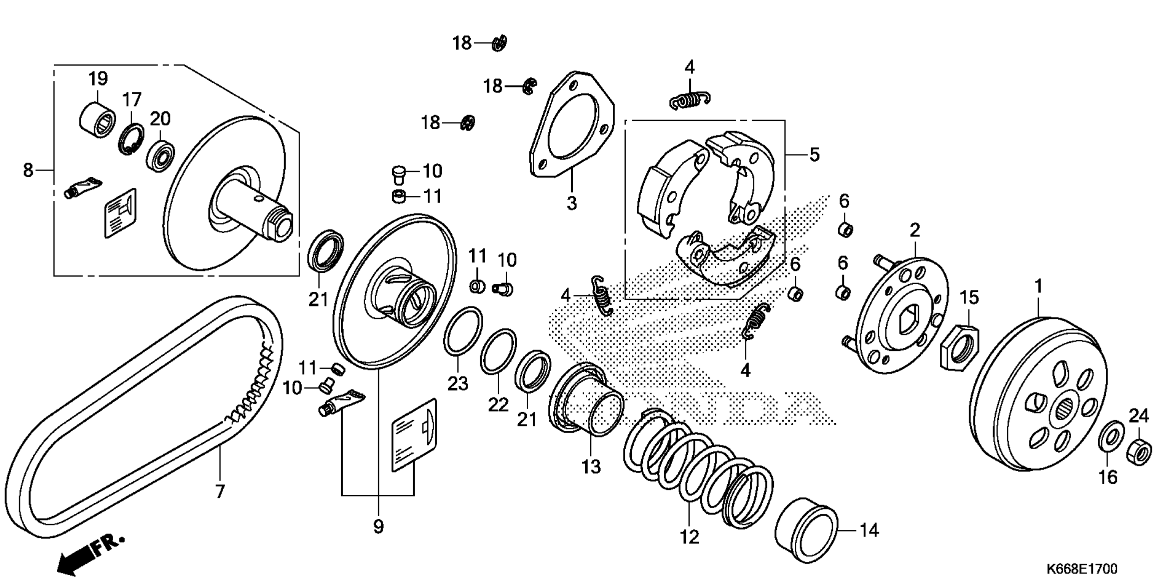
MÁ PULY BỊ ĐỘNG



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	2121A0	VỎ LY HỢP	0.3
5	2121A6	(2,4) BỘ GUỐC VĂNG LY HỢP	0.8
7	2111B2	DÂY ĐAI	0.4
8	2111A2	(10,11,13) MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG	0.7
9	2111A3	(21,22,23) MÁ ĐỘNG PULY BỊ ĐỘNG	0.8
12	2111A7	(14) LÒ XO MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG	0.6
19	2111A8	(20) VÒNG BI MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG	0.9
	2111A8A	.Thay thế bổ sung một vòng bi	0.1

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	22100-K27-V02	OUTER COMP., CLUTCH(EXEDY) --	1	-------- -------- 2V,7V	BỘ VỎ LY HỢP (EXEDY)
	22100-KWN-900	OUTER COMP., CLUTCH ---------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	BỘ VỎ LY HỢP
2	22350-K66-V02	PLATE COMP., DRIVE(EXEDY) ---	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM ĐĨA TRUYỀN ĐỘNG (EXEDY)
	22350-GFM-900	PLATE COMP., DRIVE ----------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM ĐĨA TRUYỀN ĐỘNG
	22350-KVB-900	-----------------------------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	
3	22361-K66-V02	PLATE, CLUTCH SIDE(EXEDY) ---	1	-------- -------- 2V,7V	ĐĨA BÊN LY HỢP (EXEDY)
	22361-KVB-900	PLATE, CLUTCH SIDE ----------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	ĐĨA BÊN LY HỢP
4	22401-K66-V02	SPRING, CLUTCH(EXEDY) -------	3	-------- -------- 2V,7V	LÒ XO LY HỢP (EXEDY)
	22401-KVB-900	SPRING, CLUTCH --------------	3	-------- -------- 3V,6V,8V,V	LÒ XO LY HỢP
5	22534-K66-V00	WEIGHT SET, CLUTCH(EXEDY) ---	1	-------- -------- 2V,7V	BỘ GUỐC VĂNG LY HỢP (EXEDY)
	22535-K35-V00	WEIGHT SET, CLUTCH ----------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	BỘ GUỐC VĂNG LY HỢP
6	22804-148-000	RUBBER, CLUTCH DAMPER -------	3		CAO SU GIẢM CHẤN LY HỢP
7	23100-K35-V01	BELT, DRIVE -----------------	1		ĐAI TRUYỀN
8	23204-K66-V00	FACE SET, DRIVEN(EXEDY) -----	1	-------- -------- 2V,7V	BỘ MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG (EXEDY)
	23205-K66-V00	FACE SET, DRIVEN(F.C.C.) ----	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	BỘ MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG (F.C.C.)
9	23223-K66-V00	FACE SET, MOVABLE DRIVEN (EXEDY)	1	-------- -------- 2V,7V	BỘ MÁ ĐỘNG PULY BỊ ĐỘNG (EXEDY)
	23224-K35-V00	FACE SET, MOVABLE DRIVEN ----	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	BỘ MÁ ĐỘNG PULY BỊ ĐỘNG
10	23225-KSY-900	PIN, ROLLER GUIDE -----------	3		CHỐT CON LĂN DẪN HƯỚNG
11	23226-K27-V02	ROLLER, GUIDE ---------------	3	-------- -------- 2V,7V	CON LĂN DẪN HƯỚNG
	23226-KVB-900	-----------------------------	3	-------- -------- 3V,6V,8V,V	
12	23233-K35-V00	SPRING, DRIVEN FACE ---------	1		LÒ XO MÁ TĨNH PULY BỊ ĐỘNG
13	23237-KWN-900	COLLAR, SEAL ----------------	1	-------- -------- 2V,7V	BẠC LÀM KÍN
	23237-K35-V00	-----------------------------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	
14	23238-K66-V02	COLLAR, SPRING(EXEDY) -------	1	-------- -------- 2V,7V	BẠC LÓT LÒ XO (EXEDY)
	23238-KVB-900	COLLAR, SPRING --------------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	BẠC LÓT LÒ XO

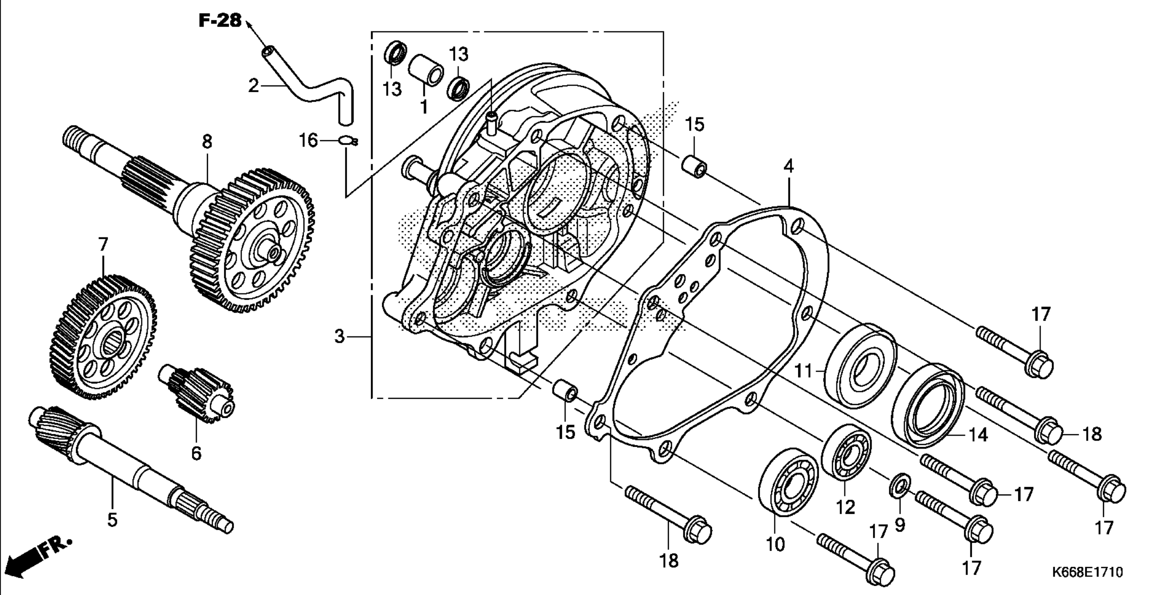
MÁ PULY BỊ ĐỘNG



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
15	90202-KN7-670	NUT, SPECIAL, 28MM ----------	1		ÓC ĐẠC BIỆT 28MM
16	90441-GY6-940	WASHER, 12.2X29X2.5 ---------	1		VÒNG ĐỆM 12,2X29X2,5
17	90464-K27-V02	CIRCLIP, INTERNAL, 28MM(EXEDY)	1	-------- -------- 2V,7V	PHE CÀI TRONG 28MM (EXEDY)
	94520-28000	CIRCLIP, INTERNAL, 28MM -----	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	PHE CÀI TRONG 28MM
18	90605-166-720	CIRCLIP, 7MM --------------	3		PHE CÀI 7MM
19	91109-KVY-902	BEARING, NEEDLE, 20X29X18 (SCHAEFFLER)	1		VÒNG BI KIM 20X29X18 (SCHAEFFLER)
	91001-KCW-003	BEARING, NEEDLE, 20X29X18(NTN)	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	VÒNG BI KIM 20X29X18(NTN)
20	91009-KVY-961	BEARING, RADIAL BALL, 6902U (NSK)	1		VÒNG BI 6902U (NSK)
	91002-GA7-701	BEARING, RADIAL BALL, 6902U (NTN)	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	VÒNG BI 6902U (NTN)
21	91211-KN7-671	SEAL, DRIVEN FACE, 34X41X4 --	2		PHỚT MÁ PULY BỊ ĐỘNG 34X41X4
22	91351-642-000	O-RING, PINION CAP ----------	1	-------- -------- 2V,7V	PHỚT O NẮP BÁNH RĂNG
	91384-KVB-900	O-RING, 38.8X1.9 -----------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	PHỚT O 38,8X1,9
23	91351-GR1-000	O-RING, 38.5X2 -------------	1	-------- -------- 2V,7V	PHỚT O 38,5X2
	91384-KVB-900	O-RING, 38.8X1.9 -----------	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	PHỚT O 38,8X1,9
24	94030-12200	NUT, HEX., 12MM -------------	1		ĐAI ÓC LỤC GIÁC 12MM

BỘ TRUYỀN ĐỘNG

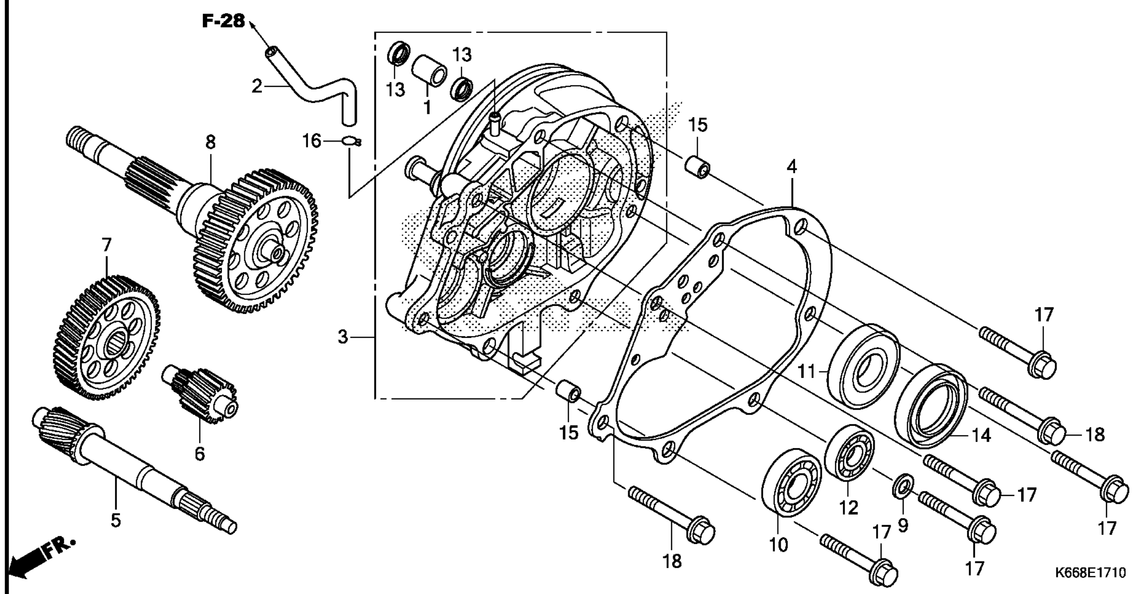


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
3	2101A2	HỘP TRUYỀN ĐỘNG	1.5
4	2101A3	GIOĂNG HỘP TRUYỀN ĐỘNG	1.1
5	2101E9	TRỤC TRUYỀN	1.4
6	210142	TRỤC TRUNG GIAN	1.1
7	2101A5	BÁNH RĂNG TRUNG GIAN	1.1
8	210170	TRỤC BÁNH RĂNG CUỐI	1.1
10	2101F1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN: BÊN PHẢI	1.3
	2101J1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN: CẢ HAI BÊN	1.5
11		(14)	
	2101E6	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG CUỐI :BÊN PHẢI	1.3
	2101J0	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG CUỐI :CẢ HAI	1.4
12	2101C8	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: BÊN PHẢI	1.3
	2101C9	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: BÊN TRÁI	1.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	11204-KGF-900	SLEEVE, RR. BRAKE CAM -------	1		ỐNG LÓT CAM PHANH SAU
2	11211-KWN-980	TUBE, MISSION BREATHER ------	1		ỐNG THÔNG HƠI BỘ TRUYỀN ĐỘNG
3	21200-KZR-600	CASE COMP., TRANSMISSION ----	1		HỘP TRUYỀN ĐỘNG
4	21395-KZR-600	GASKET, TRANSMISSION CASE ---	1		GIOĂNG HỘP TRUYỀN ĐỘNG
5	23411-KZR-601	SHAFT, DRIVE(17T) -----------	1		TRỤC TRUYỀN (17 RĂNG)
6	23421-KZR-600	COUNTERSHAFT(13T) -----------	1		~~TRUNG~~ TRUNG GIAN (13 RĂNG)
7	23422-K66-V00	GEAR, COUNTER(53T) ----------	1		BÁNH RĂNG TRUNG GIAN (53 RĂNG)
8	23430-K66-V00	GEAR COMP., FINAL(44T) ------	1		CỤM BÁNH RĂNG CUỐI (44 RĂNG)
9	90495-MN5-000	WASHER, SEALING, 8MM --------	1		VÒNG ĐỆM KÍN 8MM
10	91004-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6202 (NTN)	1		VÒNG BI 6202 (NTN)
	91004-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL, 6202 (FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6202 (FUJIKOSHI)
11	91006-KAB-004	BEARING, RADIAL BALL, 6205-2NSG(FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6205-2NSG(FUJIKOSHI)
	91009-KWN-901	BEARING, RADIAL BALL, 6205 UU (NTN)	1		VÒNG BI 6205 UU (NTN)
12	91006-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6201 (NTN)	1		VÒNG BI 6201 (NTN)
	91006-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL, 6201 (FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6201 (FUJIKOSHI)
13	91201-434-003	OIL SEAL, 14X20X3.2 ---------	2		PHỚT DẦU 14X20X3,2
14	91204-K59-A11	OIL SEAL, 34X52X7(NOK) ------	1		PHỚT DẦU 34X52X7 (NOK)
15	94301-10120	DOWEL PIN, 10X12 ------------	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 10X12
16	95002-50000	CLIP, TUBE(C9) --------------	1		KẸP ỐNG (C9)

E-17-10 BỘ TRUYỀN ĐỘNG

F 2

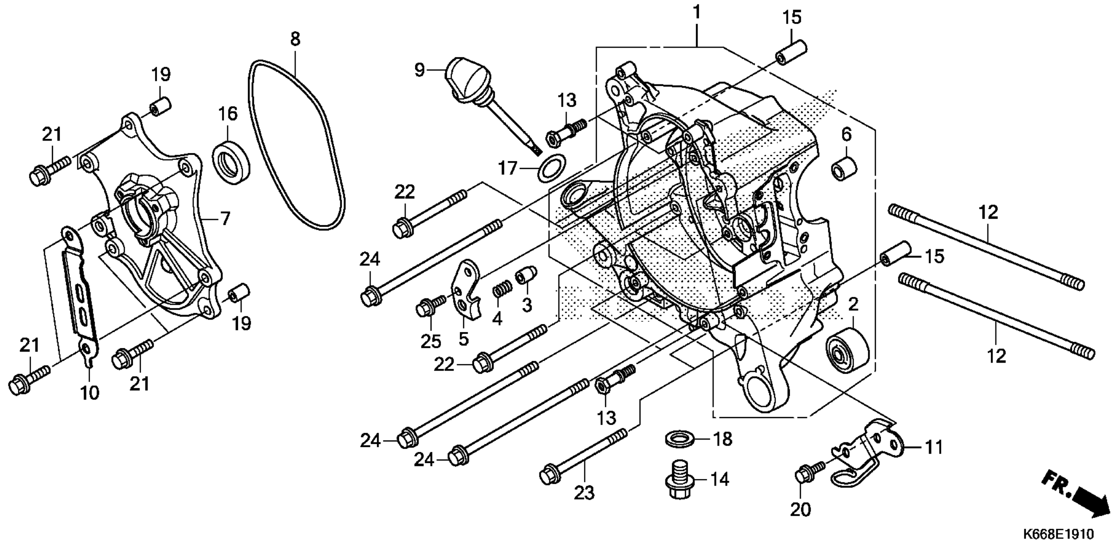


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
17	95701-08045-00	BOLT, FLANGE, 8X45 ----------	5		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X45
18	95701-08055-00	BOLT, FLANGE, 8X55 ----------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X55

2

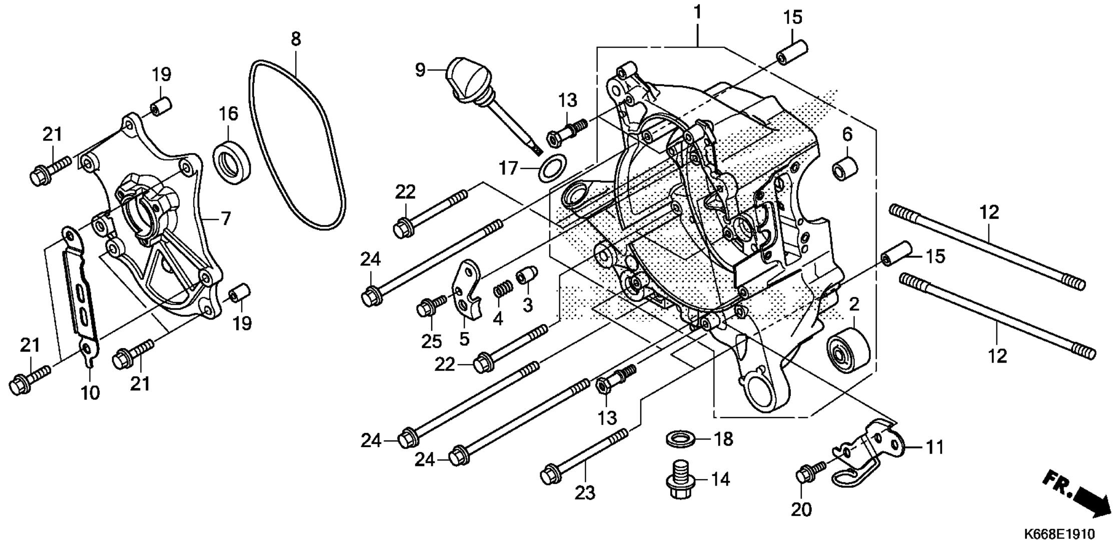
VÁCH MÁY PHẢI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	110120	VÁCH MÁY: BÊN PHẢI .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.3
	1101A2	VÁCH MÁY: HAI BÊN .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	5.4
7	6131A4	BỆ STATO	0.9
8	6131B5	PHỚT O BỆ STATO	0.8
16	110132	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: BÊN PHẢI	0.9
	1101H3	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: HAI BÊN .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.6

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	11100-KZR-601	CRANKCASE COMP., R.	1		CỤM VÁCH MÁY PHẢI
2	11103-KVB-901	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER (HOKUSHIN)	1		BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ (HOKUSHIN)
	11103-KVB-930	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER	1		BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
3	11114-KWN-900	PLUG, BEARING PUSH	1		CHỐT ĐẨY VÒNG BI
4	11116-KZR-600	SPRING, BEARING PUSH	1		LÒ XO CHỐT ĐẨY VÒNG BI
5	11117-KWN-901	PLATE, BEARING PUSH	1		TẤM ĐẨY VÒNG BI
6	11205-GBC-300	BUSH, MAINSTAND	1		BẠC LÓT CHÂN CHỐNG ĐỨNG
7	11361-KWN-901	BASE, STATOR	1		BỆ STATO
8	11363-KWN-900	GASKET, STATOR BASE	1		GIOĂNG BỆ STATO
9	15651-KZR-600	GAUGE, OIL LEVEL	1		QUE THĂM DẦU
10	32961-K29-910	CLAMPER, A.C. GENERATOR CORD	1		KẸP DÂY MÁY PHÁT ĐIỆN XOAY CHIỀU
11	32962-K27-V00	STAY, ENGINE HARNESS	1		GIÁ GIỮ BÓ DÂY ĐỘNG CƠ
12	90031-KWN-900	BOLT A, STUD, 8X200.5	2		BU LÔNG A 8X200,5
13	90036-KZR-600	BOLT, RADIATOR DISTANCE	4		BU LÔNG CÁCH KÉT TẢN NHIỆT
14	90131-883-000	BOLT, DRAIN PLUG, 12X15	1		BU LÔNG XẢ DẦU 12X15
15	90702-KWN-900	DOWEL PIN, SPECIAL, 6.3X10X30	2		CHỐT ĐẶC BIỆT 6,3X10X30
16	91201-K59-A11	OIL SEAL, 20.8X32X6(NOK)	1		PHỚT DẦU 20,8X32X6 (NOK)
17	91307-035-000	O-RING, 18X3	1		PHỚT O 18X3
18	94109-12000	WASHER, DRAIN PLUG, 12MM	1		ĐỆM BU LÔNG XẢ DẦU 12MM
19	94301-08100	DOWEL PIN, 8X10	2		CHỐT ĐỊNH VỊ 8X10
20	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14
21	95701-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	6		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25
22	95701-06065-00	BOLT, FLANGE, 6X65	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X65

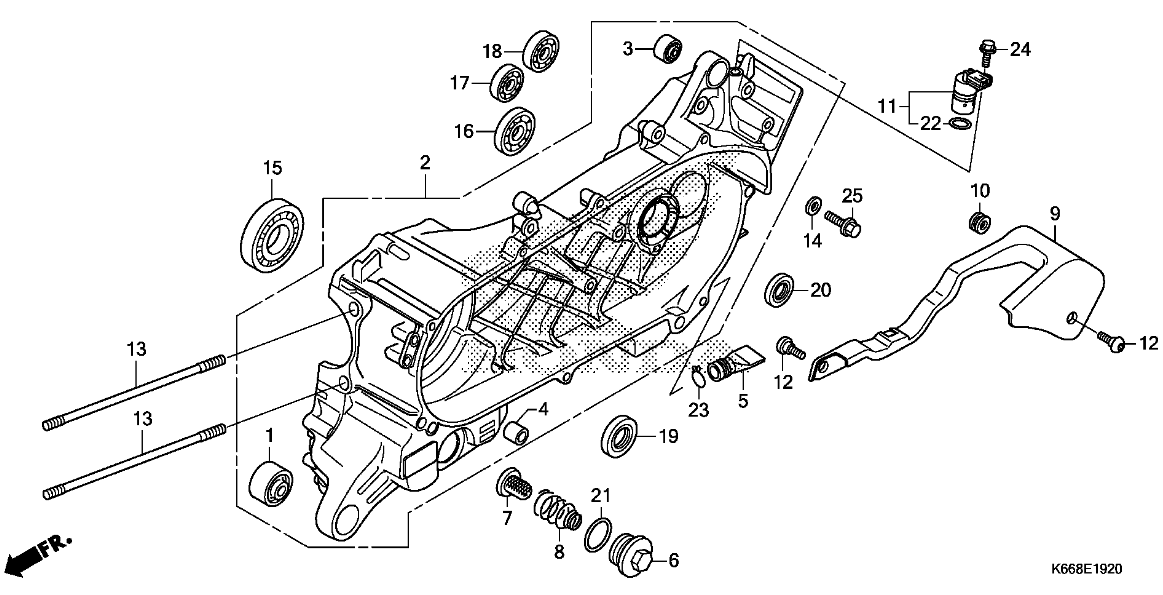
VÁCH MÁY PHẢI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
23	95701-06080-00	BOLT, FLANGE, 6X80 ----------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X80
24	95701-06130-00	BOLT, FLANGE, 6X130 ---------	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X130
25	96001-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16 ----------	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16

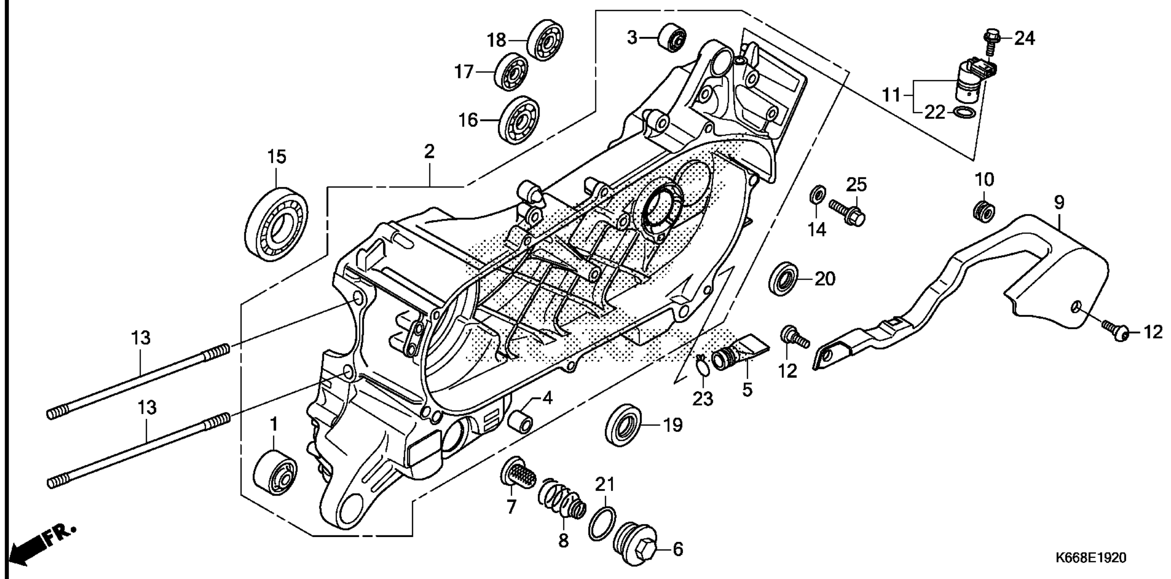
VÁCH MÁY TRÁI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	110115	VÁCH MÁY: BÊN TRÁI .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	5.2
	1101A2	VÁCH MÁY: 2 BÊN .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	5.4
7		(6,8,21)	
	1131B5	~~LƯỚI LỌC DẦU~~	0.2
11	617197	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH SAU	0.5
15	1101B6	VÒNG BI TRỤC CƠ: BÊN TRÁI .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.5
16	2101F0	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: BÊN TRÁI	1.4
	2101J1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: HAI BÊN	1.5
17	2101C7	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: BÊN TRÁI	1.3
	2101C9	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: HAI BÊN	1.4
18	2101E5	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG CUỐI :BÊN TRÁI	1.3
	2101J0	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG CUỐI :CẢ HAI	1.4
19	110131	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: BÊN TRÁI .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.5
+	1101H3	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: HAI BÊN	4.6

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	11103-KVB-901	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER (HOKUSHIN)	1		BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ (HOKUSHIN)
	11103-KVB-930	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER --	1		BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
2	11200-K35-J00	CRANKCASE COMP., L. ---------	1		CỤM VÁCH MÁY TRÁI
3	11203-K35-J00	BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER	1		BẠC CAO SU BẮT PHÍA DƯỚI GIẢM XÓC SAU
	11203-KVB-901	BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER (HOKUSHIN)	1		~~BẠC CAO SU BẮT PHÍA DƯỚI GIẢM XÓC SAU~~
4	11205-GBC-300	BUSH, MAINSTAND -------------	1		BẠC LÓT CHÂN CHỐNG ĐỨNG
5	11343-KVG-900	TUBE, DRAIN -----------------	1		ỐNG XẢ CẶN
6	12361-035-000	CAP, TAPPET ADJUSTING HOLE --	1		NẮP LỖ ĐIỀU CHỈNH XU PÁP
7	15421-KPL-900	SCREEN, OIL FILTER ----------	1		LƯỚI LỌC DẦU
8	15426-KVB-900	SPRING, OIL FILTER SCREEN ---	1		LÒ XO LƯỚI LỌC DẦU
9	32112-KZR-600	PROTECTOR, SPEED SENSOR -----	1		ỐP BẢO VỆ CẢM BIẾN TỐC ĐỘ
10	32113-KWN-900	GROMMET, SPEED SENSOR PROTECTOR	1		ĐỆM ỐP BẢO VỆ CẢM BIẾN TỐC ĐỘ
11	37700-K66-V01	SENSOR ASSY., SPEED ---------	1		BỘ CẢM BIẾN TỐC ĐỘ
12	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18 ----------	2		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
13	90032-KWN-900	BOLT B, STUD, 8X206 ---------	2		GU DÔNG B 8X206
14	90495-MN5-000	WASHER, SEALING, 8MM --------	1		VÒNG ĐỆM KÍN 8MM
15	91002-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL SPECIAL, 6207(FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI ĐẶC BIỆT 6207 (FUJIKOSHI)
16	91003-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL, 6204 (FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6204 (FUJIKOSHI)
17	91005-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6301 (NTN)	1		VÒNG BI 6301 (NTN)

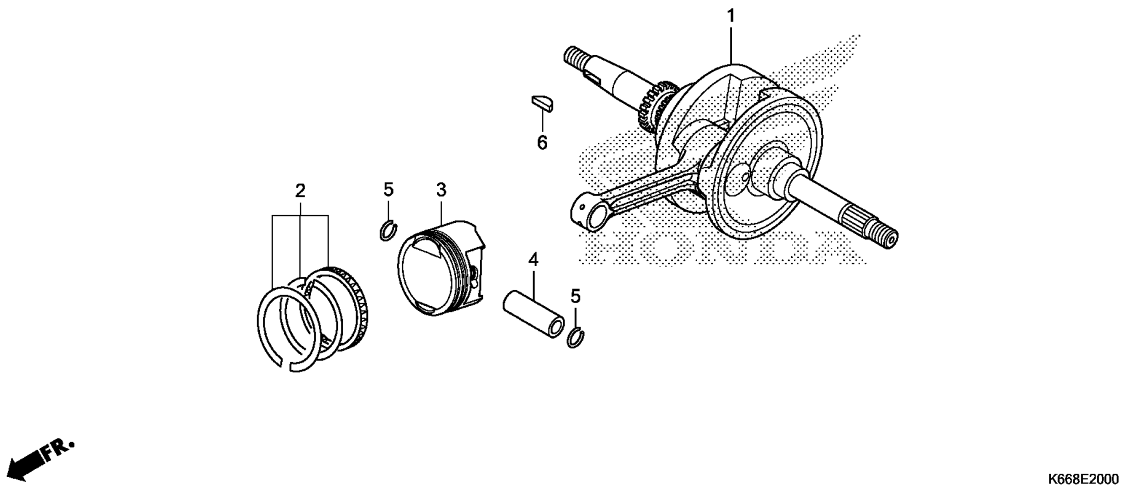
VÁCH MÁY TRÁI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+19		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
20	2101E7	PHỚT DẦU TRỤC TRUYỀN	1.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
17	91005-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL, 6301 (FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6301 (FUJIKOSHI)
18	91008-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6302 (NTN)	1		VÒNG BI 6302 (NTN)
	91008-KZR-602	BEARING, RADIAL BALL, 6302 (FUJIKOSHI)	1		VÒNG BI 6302 (FUJIKOSHI)
19	91202-KWN-901	OIL SEAL, 26X45X6 -----------	1		PHỚT DẦU 26X45X6
20	91203-K50-T01	OIL SEAL, 20X32X6(NOK) ------	1		PHỚT DẦU 20X32X6 (NOK)
21	91302-001-020	O-RING, 30.8MM --------------	1		PHỚT O 30,8MM
22	91303-K27-V01	O-RING, 14.8X2.4 ------------	1		PHỚT O 14,8X2,4
23	95002-80000	CLIP, TUBE(C12) -------------	1		KẸP ỐNG (C12)
24	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16 ----------	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16
25	95701-08016-00	BOLT, FLANGE, 8X16 ----------	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X16

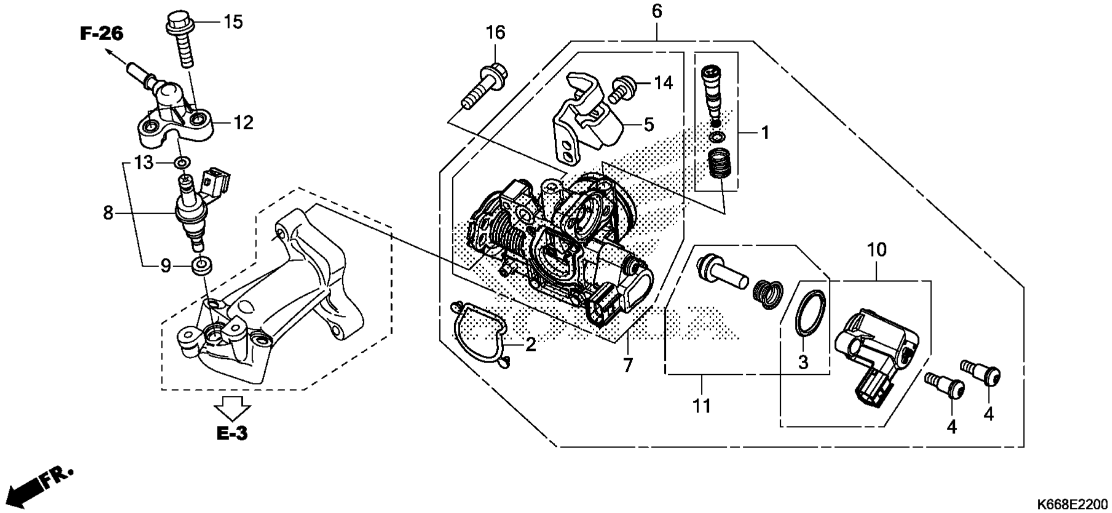
TRỤC CƠ/PISTON



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1101B5	TRỤC CƠ .... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.7
3	111103	(2,4,5) XÉC MĂNG VÀ/HOẶC PISTON (MỘT CHIẾC) .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	13000-K66-V00	CRANKSHAFT COMP. ------------	1		CỤM TRỤC CƠ
2	13011-KWN-900	RING SET, PISTON(STD.)(RIKEN)	1		BỘ XÉC MĂNG TIÊU CHUẨN (RIKEN)
	13011-KZR-600	RING SET, PISTON(STD.)(TPR) -	1		BỘ XÉC MĂNG TIÊU CHUẨN (TPR)
	13021-KWN-900	RING SET, PISTON(0.25)(RIKEN)	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 1 (RIKEN)
	13021-KZR-600	RING SET, PISTON(0.25)(TPR) -	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 1 (TPR)
	13031-KWN-900	RING SET, PISTON(0.50)(RIKEN)	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 2 (RIKEN)
	13031-KZR-600	RING SET, PISTON(0.50)(TPR) -	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 2 (TPR)
	13041-KWN-900	RING SET, PISTON(0.75)(RIKEN)	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 3 (RIKEN)
	13041-KZR-600	RING SET, PISTON(0.75)(TPR) -	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 3 (TPR)
	13051-KWN-900	RING SET, PISTON(1.00)(RIKEN)	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 4 (RIKEN)
	13051-KZR-600	RING SET, PISTON(1.00)(TPR) -	(1)		BỘ XÉC MĂNG CỐT 4 (TPR)
3	13101-KWN-902	PISTON(STD.) ----------------	1		PISTON TIÊU CHUẨN
	13102-KWN-903	PISTON(O.S. 0.25) -----------	(1)		PISTON CỐT 1
	13103-KWN-903	PISTON(O.S. 0.50) -----------	(1)		PISTON CỐT 2
	13104-KWN-903	PISTON(O.S. 0.75) -----------	(1)		PISTON CỐT 3
	13105-KWN-903	PISTON(O.S. 1.00) -----------	(1)		PISTON CỐT 4
4	13111-KWN-900	PIN, PISTON -----------------	1		CHỐT PÍT TÔNG
5	13115-GN5-910	CLIP, PISTON PIN, 13MM ------	2		KẸP CHỐT PÍT TÔNG 13MM
6	90741-003-010	KEY, WOODRUFF, 4MM ----------	1		THEN BÁN NGUYỆT 4MM

BỘ HỌNG GA

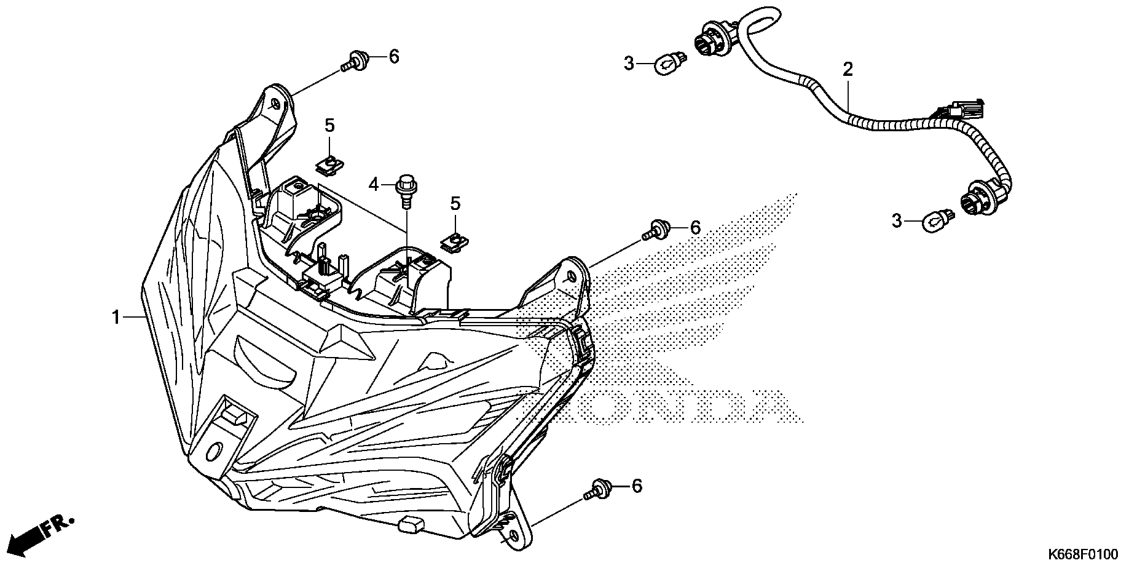


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
6		(2)	
	311132	BỘ HỌNG GA	0.9
7	311130	HỌNG GA	1.0
8		(9,12,13)	
	311145	KIM PHUN XĂNG	0.7
10		(3,11)	
	311125	VAN KHỞI ĐỘNG	0.3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	16016-K03-H11	SCREW SET	1		BỘ VÍT
2	16075-KZR-601	O-RING, THROTTLE BODY	1		PHỚT O BỘ HỌNG GA
3	16077-KVB-S51	O-RING, 1.9X20.4	1		PHỚT O 1,9X20,4
4	16081-KYJ-901	SCREW, TORX, 5X8.7	2		VÍT 5X8,7
5	16169-GGZ-J01	STAY, WIRE	1		GIÁ GIỮ DÂY
6	16400-K66-V01	BODY ASSY., THROTTLE(GQY0B A)	1		BỘ HỌNG GA (GQY0B A)
7	16410-K66-V01	BODY SET	1		BỘ HỌNG GA
8	16450-K35-V01	INJECTOR ASSY., FUEL	1		BỘ KIM PHUN XĂNG
9	16472-KPC-D50	RING, SEAL	1		PHỚT LÀM KÍN
10	16480-KVB-S51	SOLENOID	1		VAN TỪ
11	16485-GGZ-J01	SEAT SET	1		BỘ ĐẾ VAN TỪ
12	17565-KZR-650	JOINT COMP., INJECTOR	1		KIM PHUN
13	91301-GGL-J01	O-RING, 6.3X2.2	1		PHỚT O 6,3X2,2
14	93892-05012-18	SCREW-WASHER, 5X12	1		VÍT CÓ ĐỆM 5X12
15	95701-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22
16	96001-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25

F-1 ĐÈN PHA

G 1

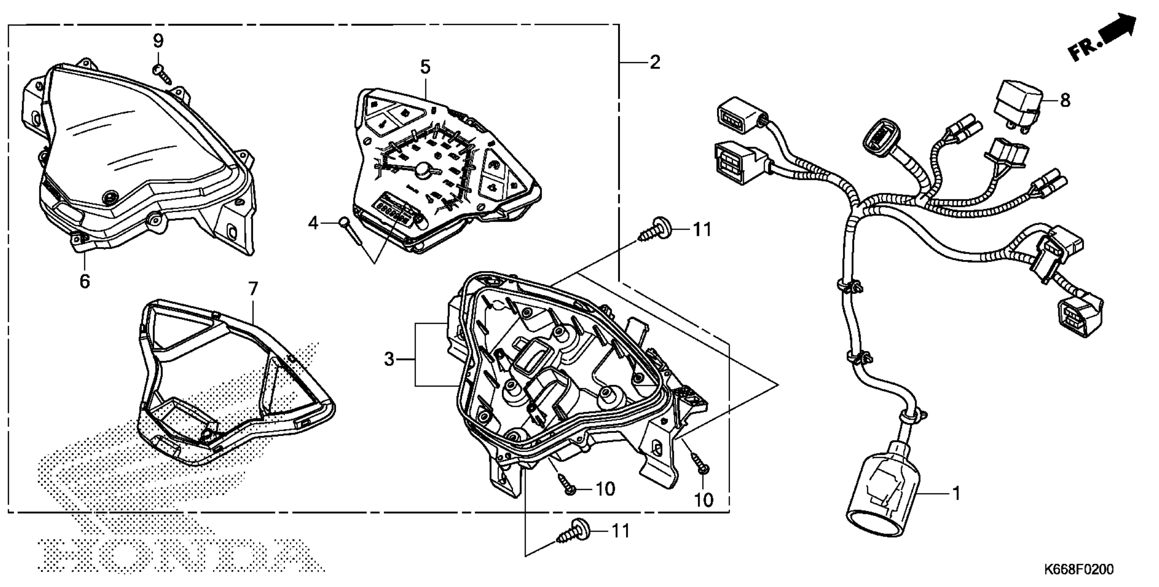


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6161A7	CỤM ĐÈN PHA	0.6
2	6161B1	ĐUI ĐÈN PHA	0.4
3	616133	BÓNG ĐÈN BÁO RẼ: TRƯỚC	0.1
		.LƯU Ý: thời gian tương tự đối với cả hai xe	
	6161G0	BÓNG ĐÈN BÁO RẼ: ĐỐI VỚI 1 XE	0.2

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	33110-K66-V01	HEADLIGHT UNIT	1		CỤM ĐÈN PHA
2	33150-K66-V01	SOCKET ASSY., FR. WINKER	1		CỤM ĐUI ĐÈN BÁO RẼ TRƯỚC
3	34905-KAN-W01	BULB, WINKER(12V 10W)(AMBER) (STANLEY)	2		BÓNG ĐÈN XI NHAN (12V 10W)(AMBER) (STANLEY)
4	90106-MM9-000	BOLT, FR. FENDER FIXING	2		BU LÔNG CỐ ĐỊNH CHẮN BÙN TRƯỚC
5	90677-KAN-T00	NUT, CLIP, 5MM	2		ĐAI ỐC KẸP 5MM
6	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5	4		VÍT NÓN CỤT 5X11,5

F-2 ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ

G 2

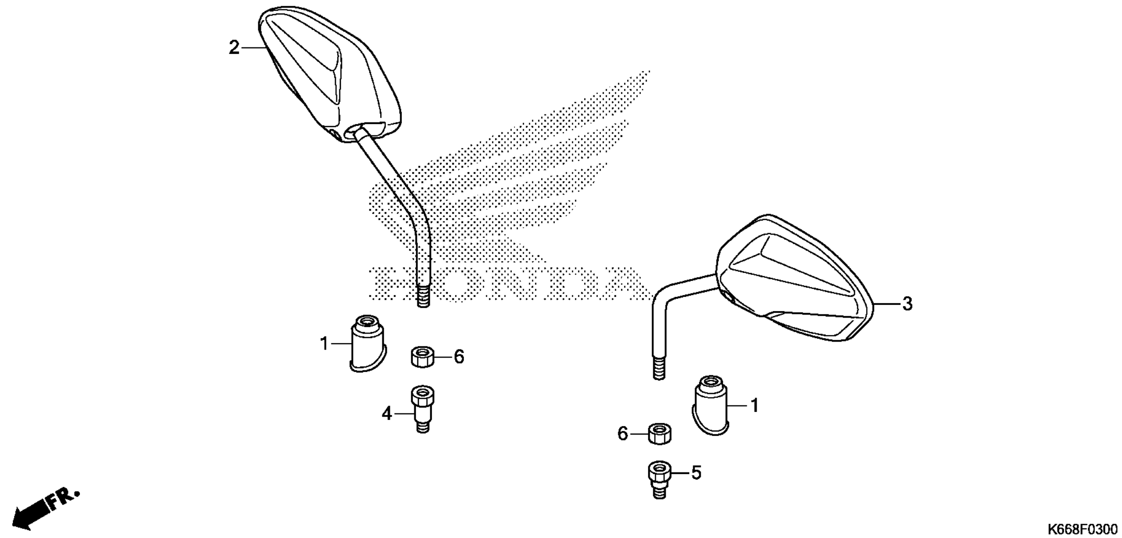


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	8121C6	BÓ DÂY PHỤ ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	1.2
2	8121A1	CỤM ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	0.4
3	8121B3	HỘP ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	0.4
5	8121A2	CỤM ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	0.5
6	8121B7	NẮP TRÊN ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	0.4
7	4131A3	TẤM PHẢN QUANG	0.4
8	6111C3	RƠ LE XI NHAN	0.5

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	32101-K66-V00	SUB HARNESS, SPEEDOMETER ----	1		BÓ DÂY PHỤ ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ
2	37100-K66-V01	METER ASSY., COMBINATION(KPH)	1		CỤM ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ (KPH)
3	37112-K66-V01	CASE ASSY., UNDER -----------	1		NẮP DƯỚI HỘP ĐỒNG HỒ
4	37202-K27-V01	ROD, SWITCH EXTENSION -------	1		NÚT ĐIỀU CHỈNH
5	37210-K66-V01	SPEEDOMETER COMP. -----------	1		CỤM ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ
6	37211-K66-V01	LENS ASSY. ------------------	1		NẮP TRÊN HỘP ĐỒNG HỒ
7	37212-K66-V01	PLATE ASSY., REFLECTING -----	1		TẤM PHẢN QUANG
8	38300-K66-V01	RELAY ASSY., WINKER(DENSO) --	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM RƠ LE ĐÈN BÁO RẼ (DENSO)
	38300-K31-901	-----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
9	90101-KY6-008	SCREW, TAPPING, 3X14 --------	6		VÍT TỰ REN 3X14
10	93903-22420	SCREW, TAPPING, 3X16 --------	4		VÍT TỰ REN 3X16
11	93903-35210	SCREW, TAPPING, 5X12 --------	3		VÍT TỰ REN 5X12

3

GƯƠNG



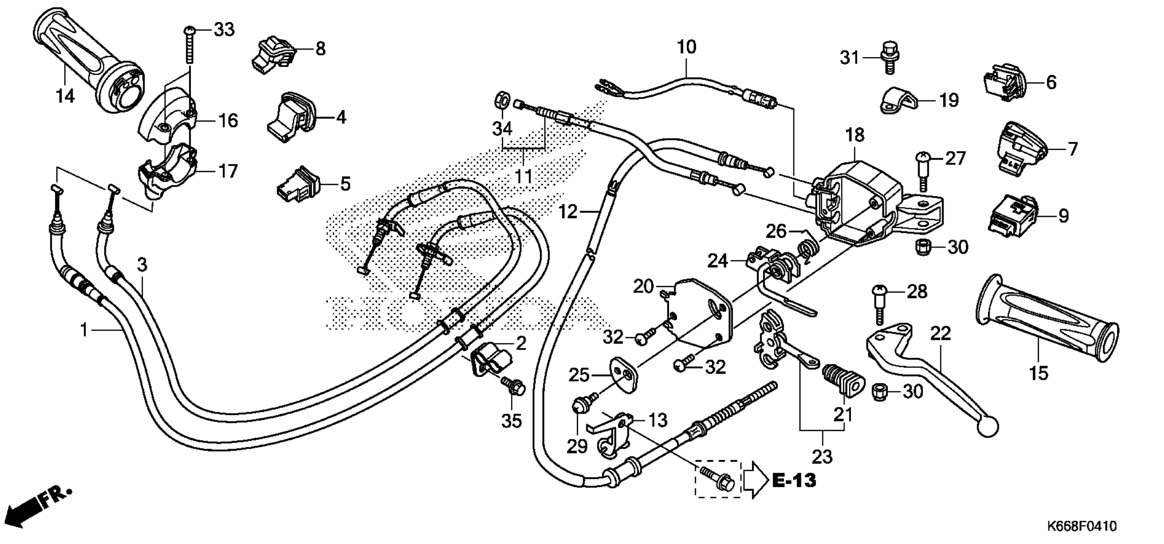
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
		KHÔNG CÓ THÔNG TIN	

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	88114-KVB-900	CAP, LOCK NUT	2		NẮP CHỤP ỐC KHÓA GƯƠNG
2	88210-K66-V01	MIRROR COMP., R.	1		CỤM GƯƠNG PHẢI
3	88220-K66-V01	MIRROR COMP., L.	1		CỤM GƯƠNG TRÁI
4	90003-KFL-710	BOLT, ADAPTER, 10MM	1		BU LÔNG NỐI CHÂN GƯƠNG 10MM
5	90003-MY5-720	BOLT, ADAPTER, 10MM	1		BU LÔNG NỐI CHÂN GƯƠNG 10MM
6	90301-KZR-600	NUT, HEX., 10MM (LEFT HAND THREAD)	2		ĐAI ỐC LỤC GIÁC 10MM (REN NGƯỢC)

3

F-4-10 DÂY GA/CÔNG TẮC/TAY PHANH

G 4

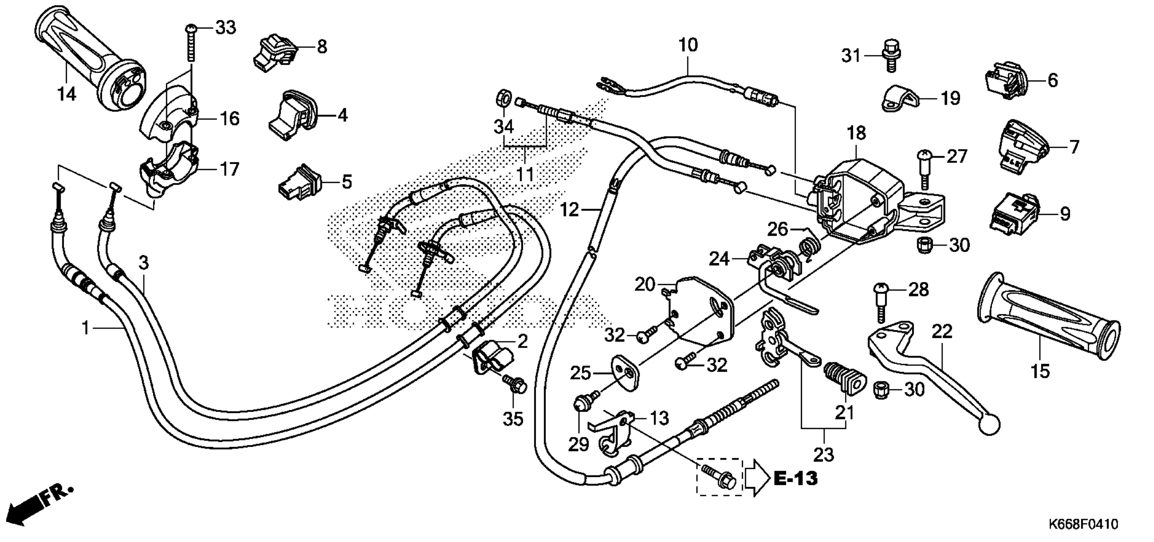


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(26)	
	811100	DÂY GA	1.5
		LƯU Ý: thời gian tương tự đối với cả ~~hai xe~~	
4	6151C1	CÔNG TẮC ĐÈN	0.4
5	615116	CÔNG TẮC ĐỀ	0.4
6	615117	CÔNG TẮC PHA/CỐT	0.4
7	6151A3	CÔNG TẮC CÒI	0.4
8	6151C4	CÔNG TẮC CẦM CHỪNG	0.4
9	615118	CÔNG TẮC ĐÈN BÁO RẼ	0.4
10	6151B3	CÔNG TẮC ĐÈN PHANH SAU: CẠNH TAY PHANH	0.3
	6151B6	CÔNG TẮC ĐÈN PHANH: CẢ HAI	0.4
11	8111B9	DÂY NỐI PHANH TRƯỚC	0.3
12	811130	DÂY PHANH SAU	1.5
14	810150	TAY NẮM GA	0.6
15	8101C0	TAY NẮM BÊN TRÁI	0.1
17	810155	ÓP TAY GA	0.6
18	8101C8	GIÁ BẮT TAY LÁI BÊN TRÁI	0.5
22	8101C6	CẦN PHANH: BÊN TRÁI	0.2
	8101F5	CẦN PHANH: HAI BÊN	0.4
23	8101D1	BỘ CÂN BẰNG DÂY PHANH	0.4
24		(26)	
	8101D2	CẦN KHÓA PHANH SAU	0.2

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	17910-K66-V01	CABLE COMP. A, THROTTLE -----	1		CỤM DÂY GA A
2	17913-K59-A10	CLAMPER, THROTTLE CABLE -----	1		KẸP DÂY GA
3	17920-K66-V01	CABLE COMP. B, THROTTLE -----	1		CỤM DÂY GA B
4	35150-K66-V11	SWITCH UNIT, LIGHTING(ASAHI)	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC ĐÈN (ASAHI)
	35150-K66-V01	SWITCH UNIT, LIGHTING(TOYO) -	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC ĐÈN (TOYO)
5	35160-K27-V01	SWITCH UNIT, STARTER(ASAHI) -	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC ĐỀ (ASAHI)
	35160-K20-T21	SWITCH UNIT, STARTER(TOYO) --	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC ĐỀ (TOYO)
6	35170-K60-B01	SWITCH UNIT, DIMMER(ASAHI) --	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC PHA/CỐT (ASAHI)
	35170-K59-A11	SWITCH UNIT, DIMMER(TOYO) ---	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC PHA/CỐT (TOYO)
7	35180-K47-N01	SWITCH UNIT, HORN(ASAHI) ----	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC CÒI (ASAHI)
	35180-K20-T21	SWITCH UNIT, HORN(TOYO) -----	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC CÒI (TOYO)
8	35190-K50-T01	SWITCH UNIT, IDLE(ASAHI) ----	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC CẦM CHỪNG (ASAHI)
	35190-K66-V11	SWITCH UNIT, IDLE(TOYO) -----	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC CẦM CHỪNG (TOYO)
9	35200-K66-V11	SWITCH UNIT, WINKER(ASAHI) --	1	-------- -------- 2V,7V	CỤM CÔNG TẮC ĐÈN BÁO RẼ (ASAHI)
	35200-K03-N31	SWITCH UNIT, WINKER(TOYO) ---	1	-------- -------- 3V,6V,8V,V	CỤM CÔNG TẮC ĐÈN BÁO RẼ (TOYO)
10	35340-K27-V01	SWITCH ASSY., FR. STOP ------	1		BỘ CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC
11	43440-K50-T01	CABLE COMP., FR. BRAKE CONNECTING	1		CỤM DÂY PHANH TRƯỚC
12	43450-K66-V01	CABLE COMP., RR. BRAKE ------	1		CỤM DÂY PHANH SAU
13	43455-KWN-900	CLAMPER B, RR. BRAKE CABLE --	1		KẸP DÂY PHANH SAU B
14	53140-K66-V00	GRIP COMP., THROTTLE --------	1		CỤM TAY NẮM GA
15	53166-K29-900	GRIP, L. HANDLE -------------	1		TAY GA BÊN TRÁI
16	53167-K44-V00	HOUSING, UPPER THROTTLE -----	1		~~ỐP DƯỚI TAY LÁI~~
17	53168-K44-V00	HOUSING, UNDER THROTTLE -----	1		~~ỐP TRÊN TAY LÁI~~
18	53172-K27-V00	BRACKET, L. BRAKE LEVER -----	1		GIÁ TAY PHANH BÊN TRÁI

3

DÂY GA/CÔNG TẮC/TAY PHANH

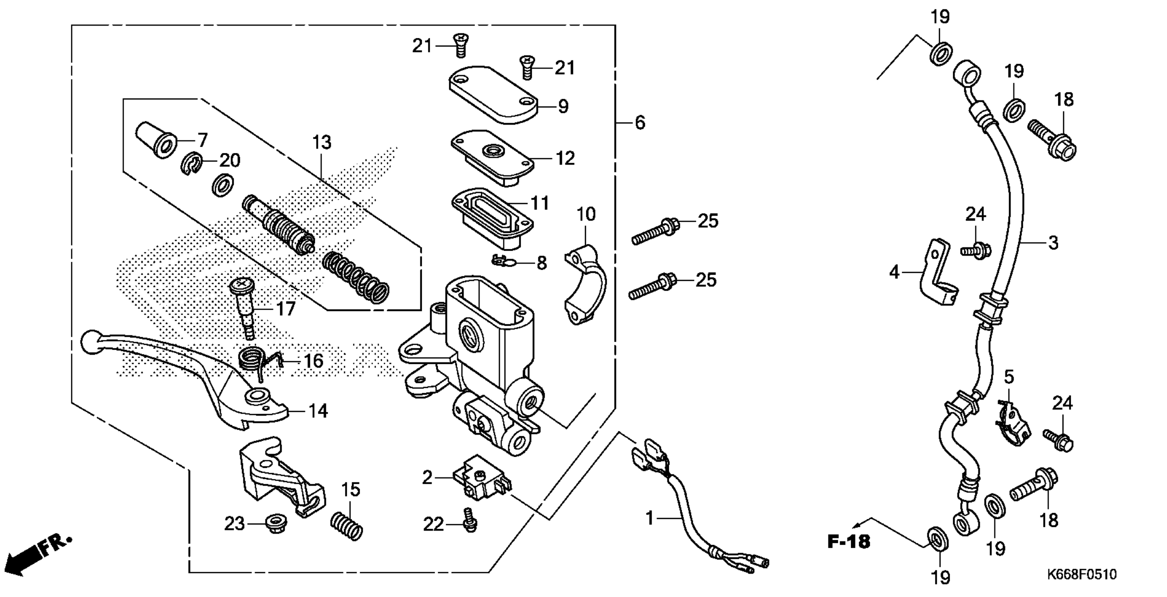


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
19	53173-KVB-920	BAND, HANDLE BRACKET --------	1		ĐAI KẸP GIÁ TAY PHANH TRÁI
20	53174-KVB-970	COVER, L. BRAKE LEVER BRACKET	1		ỐP GIÁ GIỮ TAY PHANH TRÁI
21	53176-GBL-870	BOOT, BRAKE LEVER ROD -------	1		CHỤP CHE BỤI TAY PHANH
22	53178-KVB-920	LEVER, L. STEERING HANDLE ---	1		TAY PHANH BÊN TRÁI
23	53180-K27-V00	EQUALIZER COMP. -------------	1		BỘ CÂN BẰNG
24	53185-KVB-920	ARM COMP., RR. BRAKE LOCK ---	1		CỤM CẦN KHÓA PHANH SAU
25	53186-GBL-870	COVER, RR. BRAKE LOCK LEVER -	1		ỐP CẦN KHÓA PHANH SAU
26	53188-KVB-920	SPRING, BRAKE LOCK ARM RETURN	1		LÒ XO HỒI VỊ CẦN KHÓA PHANH
27	90115-KWN-900	SCREW, HANDLE LEVER PIVOT ---	1		VÍT CHỐT TAY PHANH
28	90115-147-000	SCREW, HANDLE LEVER PIVOT, 5X26	1		VÍT CHỐT TAY PHANH 5X26
29	90117-MN5-000	SCREW, PAN, 5X13 ------------	1		VÍT 5X13
30	90302-435-761	NUT, HEX., 5MM --------------	2		ĐAI ỐC 5MM
31	93401-06020-00	BOLT-WASHER, 6X20 -----------	1		BU LÔNG ĐỆM 6X20
32	93500-05012-0H	SCREW, PAN, 5X12 ------------	2		VÍT 5X12
33	93500-05020-0G	SCREW, PAN, 5X20 ------------	2		VÍT 5X20
34	94002-08000-0S	NUT, HEX., 8MM --------------	1		ĐAI ỐC LỤC GIÁC 8MM
	94002-08080-0S	----------------------------	1		
35	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12

F-5-10 XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC

G 6

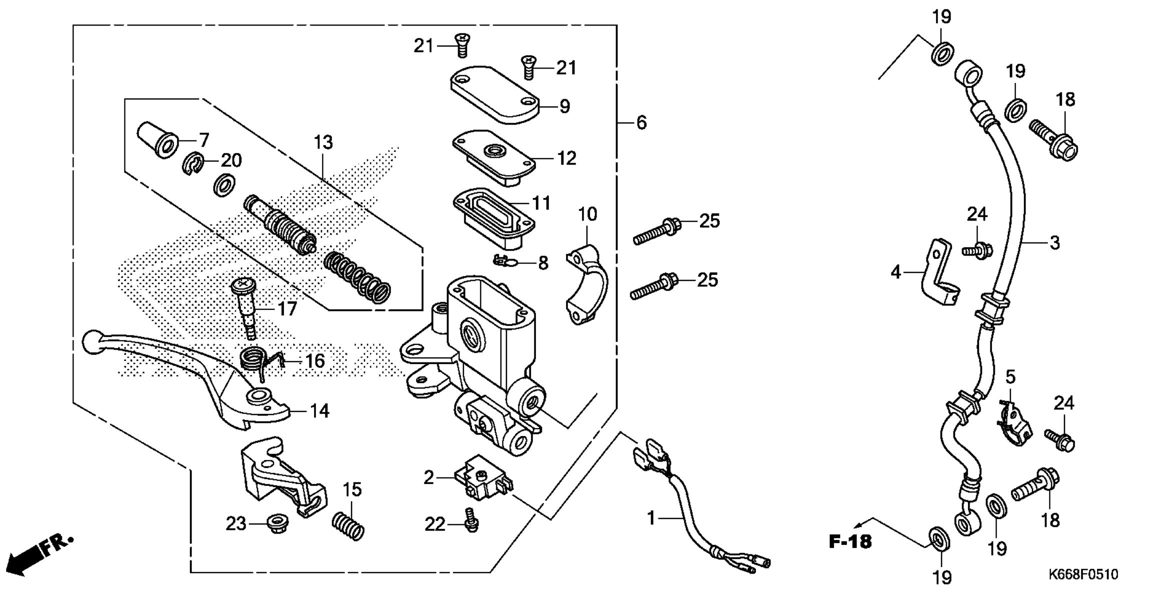


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6111B3	BÓ DÂY PHỤ CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC	0.1
2	6151B2	CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC	0.2
	6151B6	CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC: CẢ HAI....	0.4
3	7121A0	ỐNG PHANH TRƯỚC	0.8
		.BAO GỒM: xả khí phanh	
6	712105	XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC	0.6
		.BAO GỒM: xả khí phanh	
11	7121G6	MÀNG CAO SU XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC	0.1
13	7121G9	BỘ PISTON CHÍNH PHANH TRƯỚC...............	0.6
		.BAO GỒM: xả khí phanh	
14	8101C7	CẦN PHANH: BÊN PHẢI	0.2
	8101F5	CẦN PHANH: HAI BÊN	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	32105-K27-V00	SUB CORD, FR. STOP SWITCH ---	1		DÂY CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC
2	35340-MGS-D31	SWITCH ASSY., FR. STOP ------	1		CỤM CÔNG TẮC ĐÈN PHANH TRƯỚC
3	45126-K27-V01	HOSE COMP., FR. BRAKE -------	1		CỤM ỐNG PHANH TRƯỚC
4	45156-KYT-900	CLAMPER A, BRAKE HOSE -------	1		KẸP A ỐNG PHANH
5	45157-K66-V00	CLAMPER B, BRAKE HOSE -------	1		KẸP BỐNG PHANH
6	45500-K66-V01	CYLINDER ASSY., FR. BRAKE MASTER(NISSIN)	1		CỤM XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC (NISSIN)
7	45504-410-003	BOOT COMP. ------------------	1		CỤM CHỤP CAO SU
8	45512-MA6-006	PROTECTOR ------------------	1		ỐP BẢO VỆ
9	45513-GW0-911	CAP, MASTER CYLINDER --------	1		NẮP HỘP DẦU PHANH TRƯỚC
10	45517-GW0-751	HOLDER, MASTER CYLINDER -----	1		GIÁ GIỮ HỘP DẦU PHANH TRƯỚC
11	45520-GW0-911	DIAPHRAGM ------------------	1		MÀNG CAO SU
12	45521-GW0-911	PLATE, DIAPHRAGM -----------	1		TẤM CHẮN MÀNG CAO SU
13	45530-KVY-911	CYLINDER SET, MASTER --------	1		CỤM XY LANH CHÍNH
14	53175-KVB-921	LEVER, R. STEERING HANDLE ---	1		TAY PHANH BÊN PHẢI
15	53198-GBL-870	SPRING, RETURN -------------	1		LÒ XO HỒI VỊ
16	53199-KVG-910	SPRING, BRAKE LEVER RETURN --	1		LÒ XO HỒI VỊ TAY PHANH
17	90114-K44-V01	BOLT, HANDLE LEVER ----------	1		BU LÔNG TAY PHANH
18	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22(NISSIN) ----	2		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)
19	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT -----------	4		ĐỆM BU LÔNG DẦU
20	90651-MA5-671	CIRCLIP -------------------	1		PHANH CÀI
21	93600-04012-1G	SCREW, FLAT, 4X12 ----------	2		VÍT ĐẦU PHẲNG, 4X12
22	93893-04012-17	SCREW-WASHER, 4X12 ---------	1		VÍT ĐỆM, 4X12
23	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM -----------	1		ĐAI ỐC 6MM

F-5-10 XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC

G 7

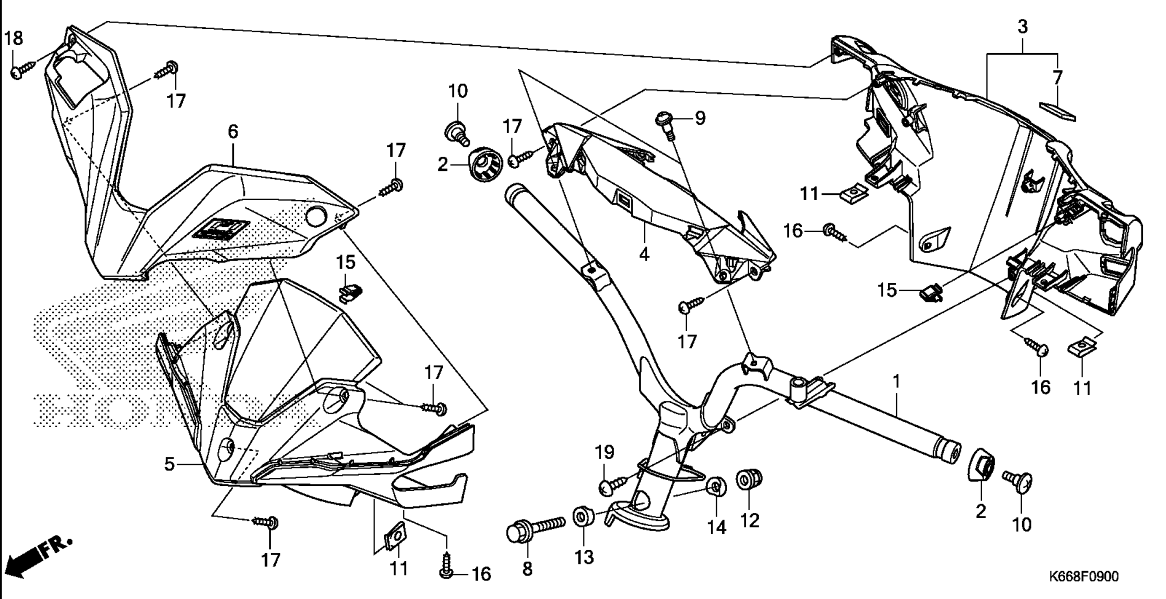


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
24	96001-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
25	96001-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22 ----------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22

3

ỐP TAY LÁI/CỔ LÁI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	810100	CỔ LÁI	1.3
3	4131B6	ỐP SAU TAY LÁI	0.4
4	8121E3	ỐP ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ	0.3
5	4131B5	ỐP TAY LÁI: TRƯỚC	0.2
	4131U1	ỐP TAY LÁI: TRƯỚC & SAU	0.5
6	4111U6	ỐP TRANG TRÍ	0.2

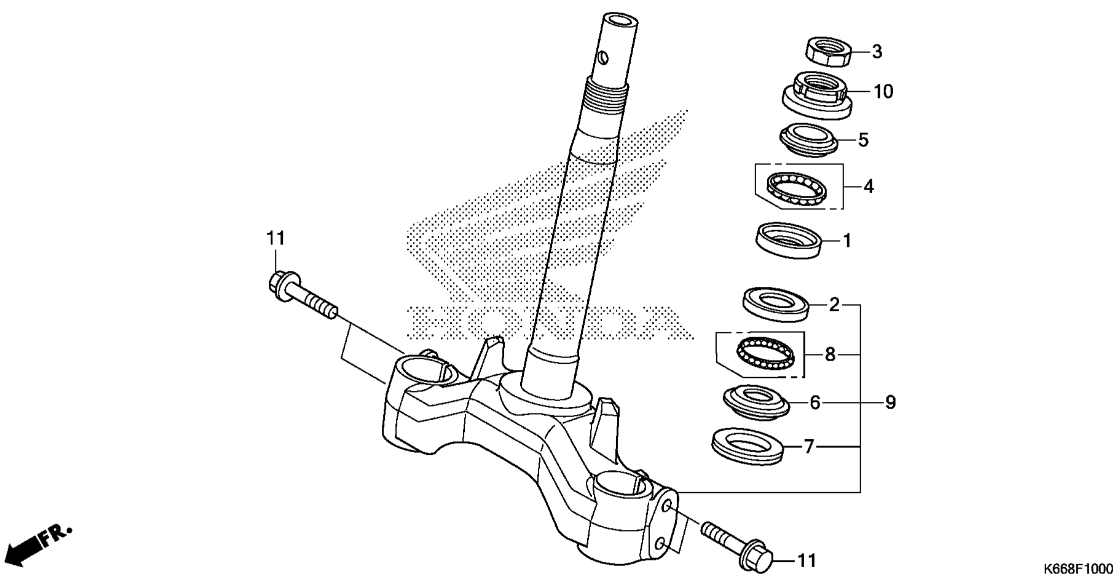
STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	53100-K66-V00	PIPE COMP., STEERING HANDLE ·	1		CỤM CỔ LÁI
2	53102-K66-V00	COVER, GRIP END ··············	2		ỐP ĐẦU TAY LÁI
3	53115-K66-V00ZC	COVER COMP., RR. HANDLE			CỤM ỐP SAU TAY LÁI
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*R340C*
	53115-K66-V00ZG	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB35P*
	53115-K66-V00ZD	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	53115-K66-V00ZH	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	
	53115-K66-V00ZK	*Y221M*.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	53115-K66-V00ZL	*NHB83M*			*NHB83M*
		PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53115-K66-V00ZM	*NHB56M*			*NHB56M*
		PHANTOM SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53115-K66-V00ZB	*YR322C*...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	53115-K66-V00ZJ	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
4	53204-K66-V00ZC	COVER, SPEEDOMETER			ỐP ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ
		NHB18M			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	
	53204-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53204-K66-V00ZD	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53204-K66-V00ZB	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
5	53205-K66-V00ZD	COVER, FR. HANDLE			ỐP TRƯỚC TAY LÁI
		NHB25M			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	

ỐP TAY LÁI/CỔ LÁI

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh		Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
(5)	53205-K66-V00ZE	COVER, FR. HANDLE			ỐP TRƯỚC TAY LÁI
		Y221M.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	53205-K66-V00ZF	*NHB83M*			*NHB83M*
		PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53205-K66-V00ZG	*NHB56M*			*NHB56M*
		PHANTOM SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
6	53225-K66-V00ZK	GARNISH SET, FR. HANDLE(WL)			CỤM ỐP TRANG TRÍ TAY LÁI TRƯỚC (CÓ TEM)
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*R340C*
	53225-K66-V00ZP	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB35P*
	53225-K66-V00ZN	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	53225-K66-V00ZQ	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	
	53225-K66-V00ZL	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53225-K66-V00ZR	*NHB18M*			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53225-K66-V00ZS	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	53225-K66-V00ZM	*YR322C*...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	53225-K66-V00ZT	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
7	86150-KTJ-C60	EMBLEM, PRODUCT(SHINKO) -----	1		TEM SẢN PHẨM (SHINKO)
8	90102-KZL-930	BOLT, FLANGE, 10X48 ---------	1		BU LÔNG 10X48
9	90105-MG9-000	SCREW, PAN, 5X17 ------------	2		VÍT 5X17
10	90164-K66-V00	SCREW, SPECIAL, 6MM ---------	2		VÍT ĐẶC BIỆT 6MM
11	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM ------------	4		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
12	90304-KGH-901	NUT, U, 10MM ----------------	1		ĐAI ỐC U 10MM
13	90501-KPH-880	COLLAR A, HANDLE SETTING ----	1		VÒNG ĐỆM A ĐỊNH VỊ TAY LÁI
14	90505-KPH-880	COLLAR B, HANDLE SETTING ----	1		VÒNG ĐỆM B ĐỊNH VỊ TAY LÁI
15	90666-K59-A11	CLIP, SNAP FITTING(PO) ------	2		KẸP PHE CÀI (PO)
16	93903-24380	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	4		VÍT TỰ REN 4X12
17	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	7		VÍT TỰ REN 4X12
18	93903-34380	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	1		VÍT TỰ REN 4X12
19	93903-35210	SCREW, TAPPING, 5X12 --------	1		VÍT TỰ REN 5X12

3

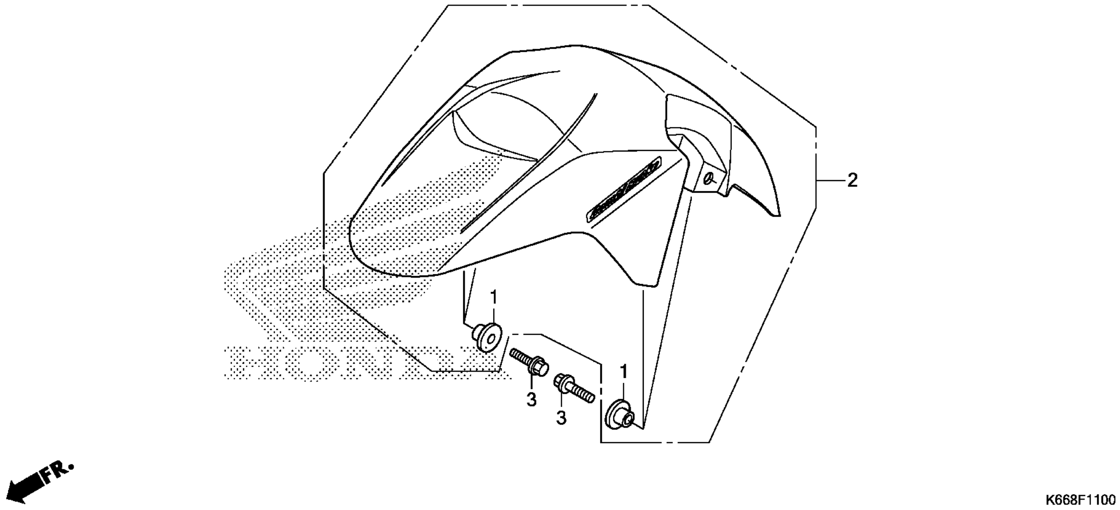
F-10 CỔ LÁI G10



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(4)	
	5101A0	VÒNG BI CỔ LÁI PHÍA TRÊN	2.0
2	5101A1	VÒNG BI CỔ LÁI PHÍA DƯỚI	2.2
	5101C9	VÒNG BI CỔ LÁI: CẢ HAI	2.2
5	5101A9	CÔN PHUỘC TRÊN	2.0
6		(7,8)	
	5101B0	CÔN PHUỘC DƯỚI	2.0
9	510100	CỔ LÁI HOẶC TRỤC CỔ LÁI	2.0
10	5101B2	RÊN TRÊN CỔ LÁI	1.8

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	50301-GN5-901	RACE, STEERING TOP BALL -----	1		VÒNG BI PHÍA TRÊN CỔ LÁI
2	50302-GN5-900	RACE, STEERING BOTTOM BALL --	1		VÒNG BI PHÍA DƯỚI CỔ LÁI
3	50306-GN5-900	NUT, STEERING STEM LOCK -----	1		ĐAI ỐC KHÓA CỔ LÁI
4	53210-KVR-C00	BALL ASSY., STEERING STEEL, #6X21	1		CỤM VÒNG BI CỔ LÁI #6x21
5	53211-GN5-900	RACE, STEERING TOP CONE -----	1		CÔN PHUỘC TRÊN
6	53212-GN5-900	RACE, STEERING BOTTOM CONE --	1		CÔN PHUỘC DƯỚI
7	53214-GN5-900	DUST SEAL, STEERING HEAD ----	1		PHỚT CHẮN BỤI CỔ LÁI
8	53215-KVR-C00	BALL ASSY., STEERING STEEL, #6X26	1		VÒNG BI CỔ LÁI #6x26
9	53219-K27-V00	STEM SUB ASSY., STEERING ----	1		CỤM THÂN CỔ LÁI
10	53220-GN5-850	THREAD COMP., STEERING HEAD TOP	1		ĐAI ỐC BẮT CỔ LÁI
11	95801-10040-08	BOLT, FLANGE, 10X40 ---------	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X40

CHẮN BÙN TRƯỚC

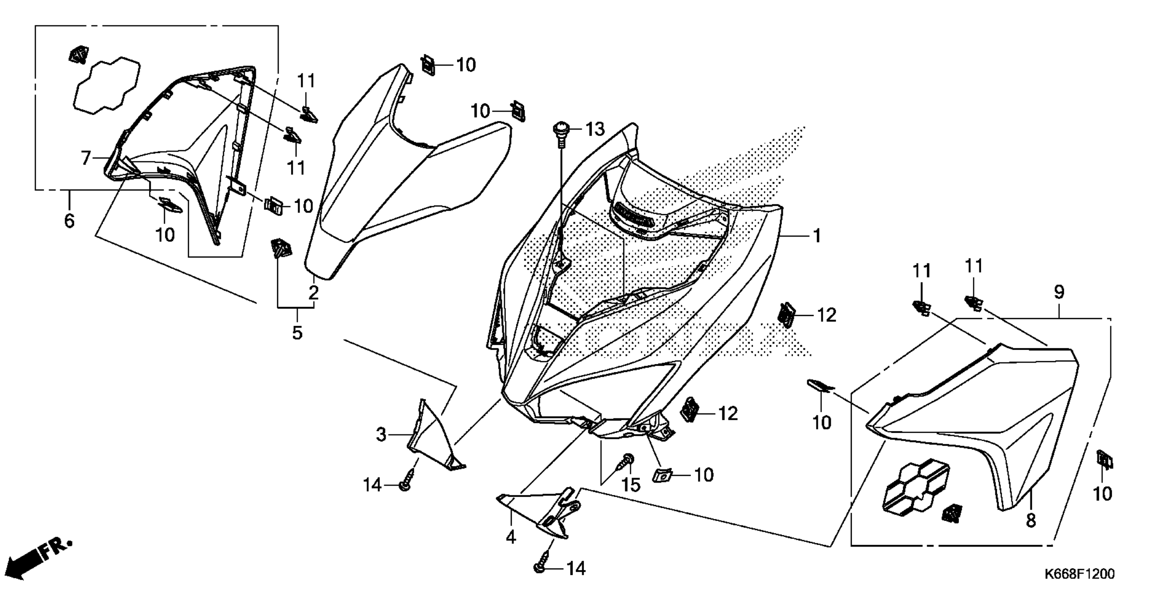


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	4131B7	CHẮN BÙN TRƯỚC	0.2

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	61104-KCC-940	COLLAR, FR. FENDER SETTING --	4		VÒNG ĐỆM ĐỊNH VỊ CHẮN BÙN TRƯỚC
2	61110-K66-V00ZP	FENDER SET, FR.(WL)			BỘ CHẮN BÙN TRƯỚC (CÓ TEM)
		NHB25M			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	
	61110-K66-V00ZL	*R340C*........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,7V	*R340C*
	61110-K66-V00ZM	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	61110-K66-V00ZN	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,7V	*NHB35P*
	61110-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	61110-K66-V00ZD	*NHB18M*			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	61110-K66-V00ZE	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
3	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16 ----------	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16

3

ỐP TRƯỚC



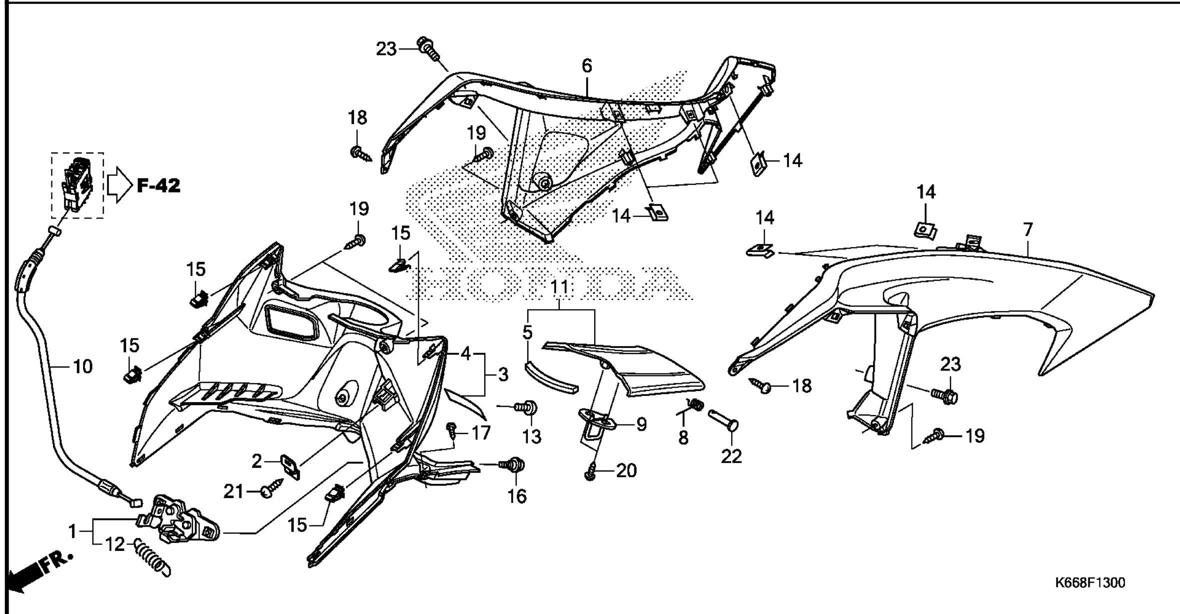
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	4111E3	ỐP TRƯỚC	0.0
3	4131FR	ỐP DƯỚI TRƯỚC: BÊN PHẢI	0.0
4	4131FQ	ỐP DƯỚI TRƯỚC: BÊN TRÁI	0.0
	4131FS	ỐP DƯỚI TRƯỚC: HAI BÊN	0.0
5	3101B6	ỐP TRÊN TRƯỚC	0.0
6	4111U8	ỐP TRƯỚC: BÊN PHẢI	0.0
9	4111U7	ỐP TRƯỚC: BÊN TRÁI	0.0
	4111U9	ỐP TRƯỚC: HAI BÊN	0.0

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	64300-K66-V00ZM	COVER SET, FR. TOP(WL)			BỘ ỐP TRÊN TRƯỚC (CÓ TEM)
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*R340C*
	64300-K66-V00ZP	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB35P*
	64300-K66-V00ZN	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	64300-K66-V00ZQ	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*NHB25M*
	64300-K66-V00ZK	*Y224M* MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y224M*
	64300-K66-V00ZR	*NHB18M* MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB18M*
	64300-K66-V00ZS	*NHA76M* MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHA76M*
	64300-K66-V00ZL	*YR322C*...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	64300-K66-V00ZT	*NHA62M* MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	*NHA62M*
2	64303-K66-V20ZA	COVER, FR. UPPER			ỐP TRÊN TRƯỚC
		*Y219M*MAGNETIC GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y219M*
	64303-K66-V20ZB	*NHB74M* MAGNETIC DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB74M*
	64303-K66-V20ZC	*NHB51M* MAGNETIC SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB51M*
	64303-K66-V00ZD	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	*NHB25M*
3	64304-K66-V00	GARNISH, R. HEADLIGHT -------	1		TẤM TRANG TRÍ ĐÈN PHA BÊN PHẢI
4	64305-K66-V00	GARNISH, L. HEADLIGHT -------	1		TẤM TRANG TRÍ ĐÈN PHA BÊN TRÁI
5	64305-K66-V10ZA	COVER SET, FR. UPPER(WL)			BỘ ỐP TRÊN TRƯỚC (CÓ TEM)
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU 4*
	64305-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU 3*

ỐP TRƯỚC

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
(5)	64305-K66-V10ZC	COVER SET, FR. UPPER(WL)			BỘ ỐP TRÊN TRƯỚC (CÓ TEM)
		TYPE2......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	64305-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
6	64500-K66-V10ZA	COVER SET, R. FR.(WL)			BỘ ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI (CÓ TEM)
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	64500-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	64500-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	64500-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
	64500-K66-V00ZA	*TYPE4*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	64500-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	64500-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	64500-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
7	64501-K66-V20ZA	COVER, R. FR.			ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI
		*Y219M*MAGNETIC GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y219M*
	64501-K66-V20ZB	*NHB74M* MAGNETIC DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB74M*
	64501-K66-V20ZC	*NHB51M* MAGNETIC SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB51M*
8	64502-K66-V20ZA	COVER, L. FR.			ỐP TRƯỚC BÊN TRÁI
		*Y219M*MAGNETIC GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y219M*
	64502-K66-V20ZB	*NHB74M* MAGNETIC DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB74M*
	64502-K66-V20ZC	*NHB51M* MAGNETIC SILVER METALLIC		3V,8V	*NHB51M*
9	64600-K66-V10ZA	COVER SET, L. FR.(WL)			BỘ ỐP TRƯỚC BÊN TRÁI (CÓ TEM)
		TYPE4......................	1	-------- --------	*KIỂU4*
	64600-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	64600-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	64600-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
	64600-K66-V00ZA	*TYPE4*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	64600-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	64600-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	64600-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
10	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM ············	8		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
11	90666-K59-A11	CLIP, SNAP FITTING(PO) ······	4		KẸP PHE CÀI (PO)
12	90677-KAN-T00	NUT, CLIP, 5MM ··············	4		ĐAI ỐC KẸP 5MM
13	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5 ··········	2		VÍT NÓN CỤT 5X11,5
14	93903-24480	SCREW, TAPPING, 4X16 ········	2		VÍT TỰ REN 4X16
15	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12 ········	2		VÍT TỰ REN 4X12

F-13 ỐP ỐNG CHÍNH G14



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1 3	4131V1	CHỐT KHÓA DÂY MỞ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG (4)	0.9
	4131T1	ỐP TRÊN ỐNG CHÍNH	0.9
6	4131S9	ỐP BÊN ỐNG CHÍNH: BÊN PHẢI	0.5
7	4131S8	ỐP BÊN ỐNG CHÍNH: BÊN TRÁI	0.5
	4131T0	ỐP BÊN ỐNG CHÍNH: CẢ HAI BÊN	0.7
10	8111B6	DÂY MỞ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG	1.0
11	3101B8	TẤM CHẮN BÌNH XĂNG	0.1

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	16530-K27-V00	CATCH COMP., FUEL LID -------	1		CỤM CHỐT KHÓA DÂY MỞ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
2	60180-K16-A20	STAY, RECEIVER --------------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	GIÁ GIỮ
3	64320-K66-V10ZJ	COVER SET, MAIN PIPE UPPER(WL)			BỘ ỐP TRÊN ỐNG CHÍNH (CÓ TEM)
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,7V	*R340C*
	64320-K66-V10ZK	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	64320-K66-V10ZN	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,7V	*NHB35P*
	64320-K66-V10ZP	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	
	64320-K66-V10ZH	*Y221M*.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	64320-K66-V10ZL	*NHB83M*			*NHB83M*
		PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64320-K66-V10ZM	*NHB56M*			*NHB56M*
		PHANTOM SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
4	64330-K66-V00ZB	COVER, MAIN PIPE UPPER			ỐP TRÊN ỐNG CHÍNH
		YR322C...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	64330-K66-V00ZC	*R340C*........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 6V,V	*R340C*
	64330-K66-V00ZG	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 6V,V	*NHB35P*
	64330-K66-V00ZJ	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
5	64406-K66-V00	SEAL, LID ------------------	1		PHỚT TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
6	64410-K66-V00ZB	COVER, R. MAIN PIPE SIDE			ỐP BÊN PHẢI ỐNG CHÍNH
		NHB18M			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	
	64410-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64410-K66-V00ZC	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	

F-13

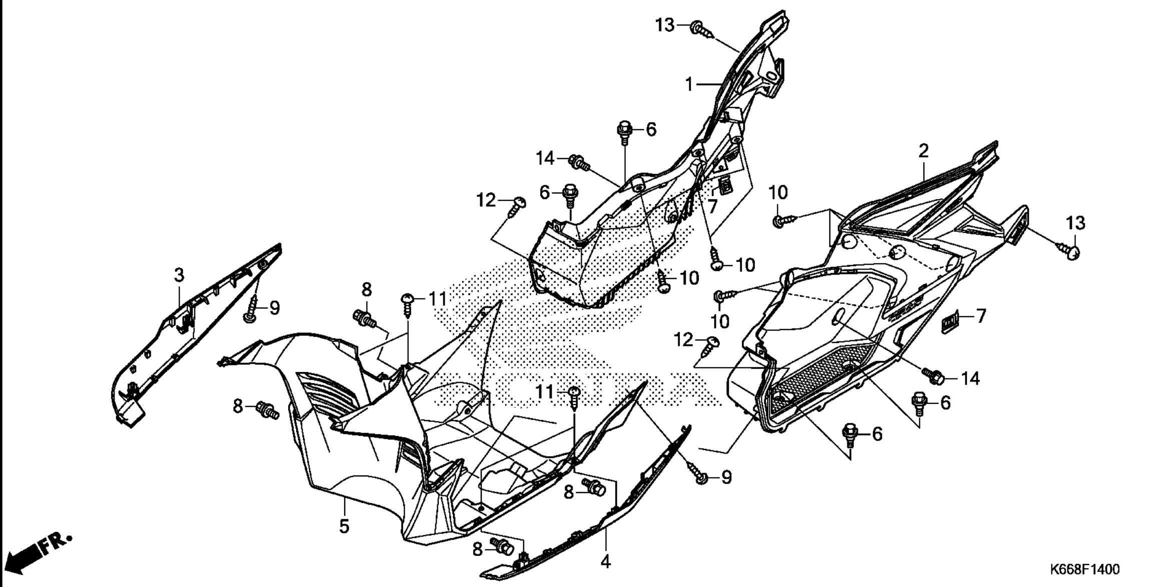
G15

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
(6)	64410-K66-V00ZD	COVER, R. MAIN PIPE SIDE			ỐP BÊN PHẢI ỐNG CHÍNH
		NHA62M			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
7	64420-K66-V00ZB	COVER, L. MAIN PIPE SIDE			ỐP BÊN TRÁI ỐNG CHÍNH
		NHB18M			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	
	64420-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64420-K66-V00ZC	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64420-K66-V00ZD	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
8	64451-K27-V00	SPRING, FUEL LID OPENER -----	1		LÒ XO MỞ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
9	64452-K27-V00	BAR COMP., FUEL LID LOCK ----	1		CỤM KHÓA TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
10	64455-K66-V01	CABLE, FUEL LID -------------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	DÂY MỞ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
	64455-K66-V12	--------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
11	64750-K66-V00ZC	LID COMP., FUEL			TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*R340C*
	64750-K66-V00ZG	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB35P*
	64750-K66-V00ZD	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	64750-K66-V00ZH	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	
	64750-K66-V00ZK	*NHB56M*			*NHB56M*
		PHANTOM SILVER METALLIC		3V,8V	
	64750-K66-V00ZL	*NHB83M*			*NHB83M*
		PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- --------	
	64750-K66-V00ZM	*Y221M*.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	64750-K66-V00ZB	*YR322C*...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	64750-K66-V00ZJ	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
12	77234-GN2-000	SPRING, SEAT LOCK -----------	1		LÒ XO KHÓA YÊN
13	90107-KAN-900	BOLT, BODY COVER SETTING(6X10)	1		BU LÔNG ĐỊNH VỊ ỐP THÂN(6X10)
14	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM -----------	6		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
15	90666-K59-A11	CLIP, SNAP FITTING(PO) ------	4		KẸP PHE CÀI (PO)
16	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5 ----------	2		VÍT NÓN CỤT 5X11,5
17	93903-24380	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	2		VÍT TỰ REN 4X12
18	93903-24410	SCREW, TAPPING, 4X16 --------	2		VÍT TỰ REN 4X16
19	93903-24480	SCREW, TAPPING, 4X16 --------	4		VÍT TỰ REN 4X16
20	93903-34380	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	2		VÍT TỰ REN 4X12
21	93903-35320	SCREW, TAPPING, 5X16 --------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	VÍT TỰ REN 5X16
22	95015-81000	PIN A, PILLION STEP ---------	1		CHỐT A CẦN ĐỂ CHÂN
23	95701-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	2		BU LÔNG 6X12

3

F-14 SÀN ĐỂ CHÂN/ỐP DƯỚI SÀN

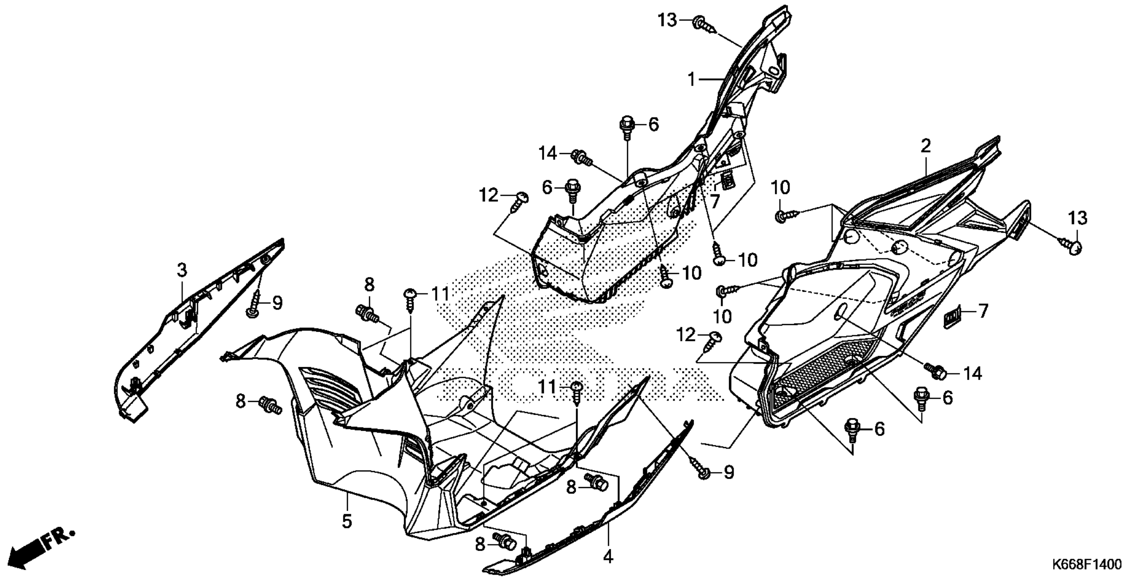
G16



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	4131V3	ÓP ĐỂ CHÂN: BÊN PHẢI	0.5
2	4131V2	ÓP ĐỂ CHÂN: BÊN TRÁI	0.5
	4131V4	ÓP ĐỂ CHÂN: HAI BÊN	0.7
3	4131J6	ÓP CẠNH SÀN: BÊN PHẢI	0.5
4	4131J5	ÓP CẠNH SÀN: BÊN TRÁI	0.5
	4131X0	ÓP CẠNH SÀN: HAI BÊN	0.6
5	4131B4	ÓP DƯỚI	0.7

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	64311-K66-V00	STEP, R. FLOOR	1		ÓP ĐỂ CHÂN BÊN PHẢI
2	64321-K66-V00	STEP, L. FLOOR	1		ÓP ĐỂ CHÂN BÊN TRÁI
3	64421-K66-V00ZC	COVER, R. UNDER SIDE			ÓP DƯỚI SÀN BÊN PHẢI
		NHB18M			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	
	64421-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64421-K66-V00ZD	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64421-K66-V00ZB	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
4	64431-K66-V00ZC	COVER, L. UNDER SIDE			ÓP DƯỚI SÀN BÊN TRÁI
		NHB18M			*NHB18M*
		MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	
	64431-K66-V00ZA	*Y224M*			*Y224M*
		MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64431-K66-V00ZD	*NHA76M*			*NHA76M*
		MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64431-K66-V00ZB	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
5	64530-K66-V00	COVER, UNDER	1		ÓP DƯỚI SÀN
6	90112-KVG-900	BOLT, FLANGE, 6MM	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM
7	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM	2		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
8	93404-06012-07	BOLT-WASHER, 6X12	4		BU LÔNG ĐỆM 6X12
9	93903-24480	SCREW, TAPPING, 4X16	2		VÍT TỰ REN 4X16
10	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12	10		VÍT TỰ REN 4X12

SÀN ĐỂ CHÂN/ỐP DƯỚI SÀN

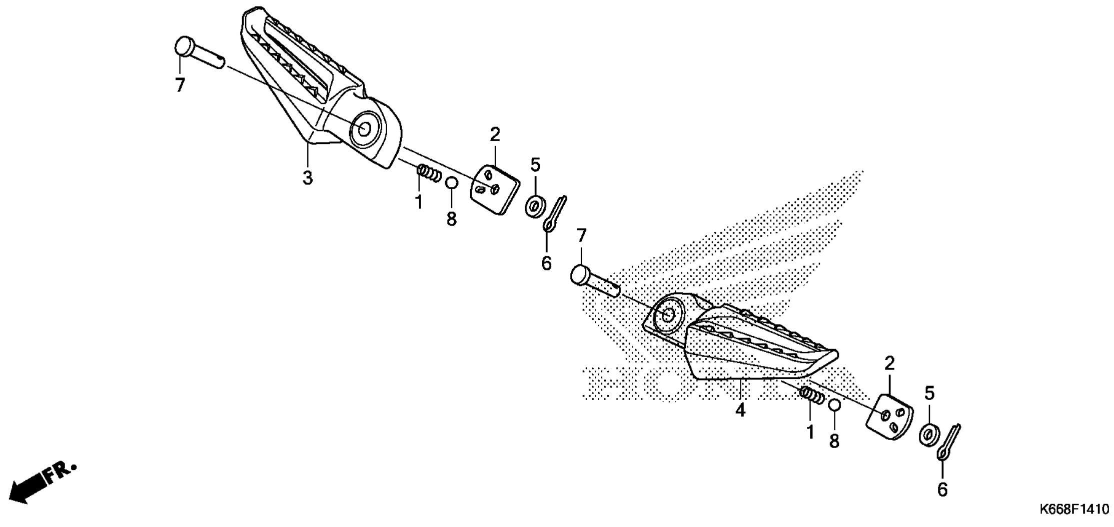


STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
11	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	4		VÍT TỰ REN 4X12
12	93903-34380	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	2		VÍT TỰ REN 4X12
13	93903-35280	SCREW, TAPPING, 5X12 --------	2		VÍT TỰ REN 5X12
14	95701-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	2		BU LÔNG 6X12

F-14-10 THANH GÁC CHÂN SAU

H 2

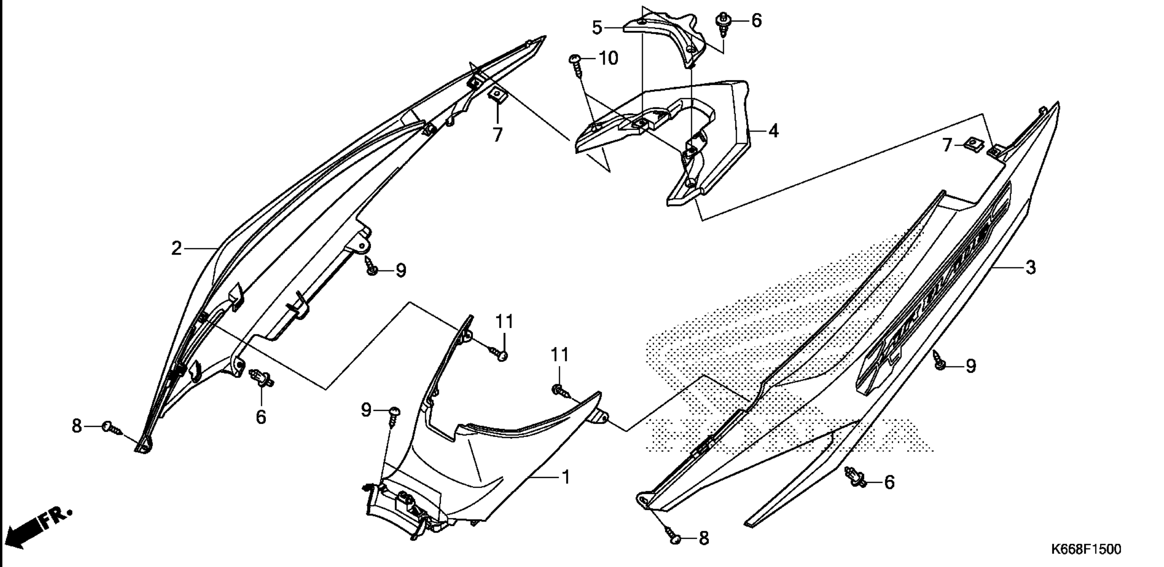
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
3	4101C8	THANH GÁC CHÂN SAU: BÊN PHẢI	0.1
4	4101C7	THANH GÁC CHÂN SAU: BÊN TRÁI	0.1
	4101P4	THANH GÁC CHÂN SAU: HAI BÊN	0.2



STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	28333-300-000	SPRING, KICK STARTER STOPPER	2		LÒ XO HÃM CẦN KHỞI ĐỘNG
2	50718-K27-V00	PLATE, PILLION STEP CLICK	2		TẤM CHÈN THANH GÁC CHÂN SAU
3	50720-K66-V00	ARM, R. PILLION STEP	1		THANH GÁC CHÂN SAU BÊN PHẢI
4	50730-K66-V00	ARM, L. PILLION STEP	1		THANH GÁC CHÂN SAU BÊN TRÁI
5	94101-06000	WASHER, PLAIN, 6MM	2		ĐỆM PHẲNG 6MM
6	94201-16150	PIN, SPLIT, 1.6X15	2		CHỐT CHẺ 1.6X15
7	95015-81000	PIN A, PILLION STEP	2		CHỐT A CẦN ĐỂ CHÂN
8	96211-08000	BALL, STEEL, #8(1/4)	2		BI THÉP #8(1/4)

3

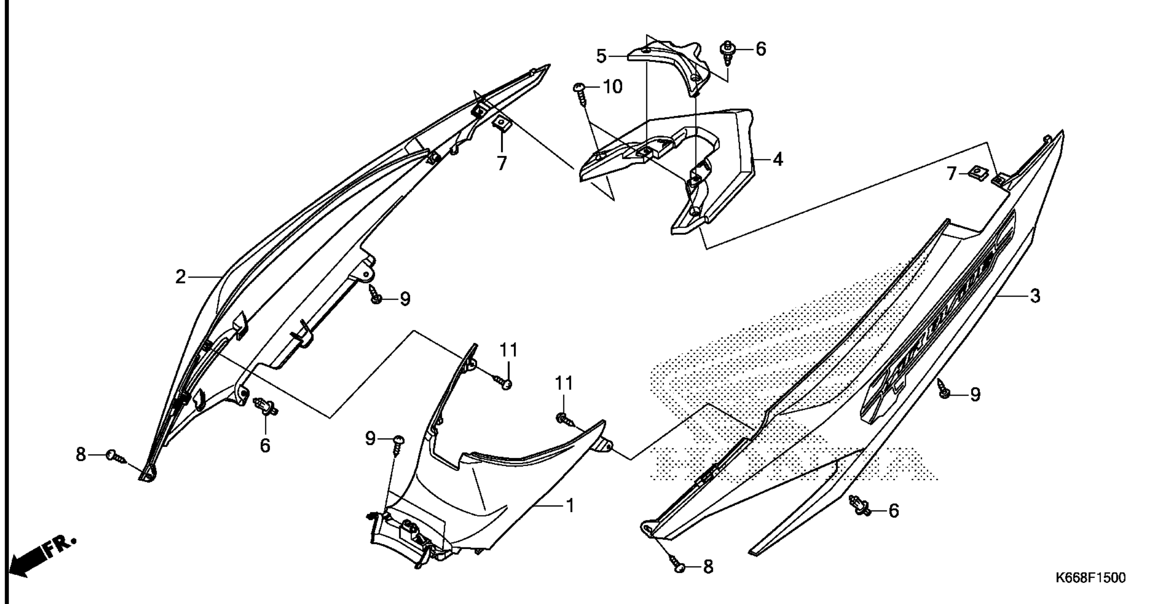
ỐP THÂN



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	4131R6	ỐP THÂN: GIỮA	0.3
2	4131J0	ỐP THÂN: BÊN PHẢI	0.4
3	4131H9	ỐP THÂN: BÊN TRÁI	0.4
	4131J1	ỐP THÂN: HAI BÊN	0.4
4	4131J2	ỐP THÂN: SAU	0.2
5	4131J8	ỐP GIỮA SAU	0.1

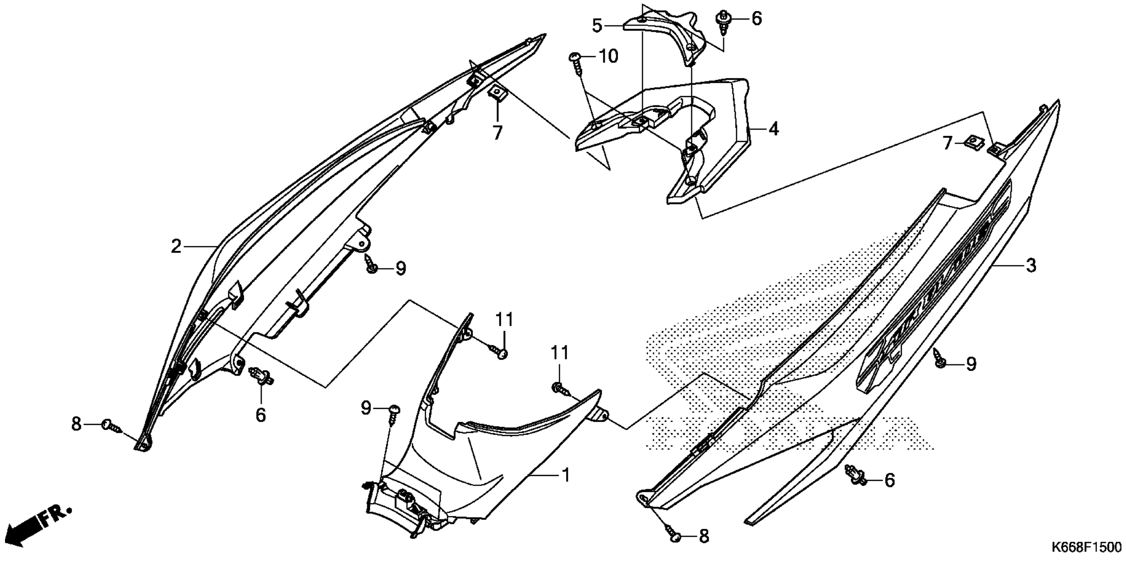
STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	64340-K66-V00ZC	COVER, CENTER			ỐP GIỮA
		R340C........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*R340C*
	64340-K66-V00ZG	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB35P*
	64340-K66-V00ZD	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	64340-K66-V00ZH	*NHB25M*			*NHB25M*
		POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	
	64340-K66-V00ZK	*Y221M*.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	64340-K66-V00ZL	*NHB83M*			*NHB83M*
		PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64340-K66-V00ZM	*NHB56M*			*NHB56M*
		PHANTOM SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	64340-K66-V00ZB	*YR322C*...CANDY BLOOM ORANGE	1	-------- -------- 6V,V	*YR322C*
	64340-K66-V00ZJ	*NHA62M*			*NHA62M*
		MAGNETITE SILVER METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	
2	83550-K66-V10ZA	COVER SET, R. BODY(WL)			BỘ ỐP THÂN BÊN PHẢI (CÓ TEM)
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	83550-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	83550-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	83550-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
	83550-K66-V20ZD	*Y219M*MAGNETIC GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y219M*
	83550-K66-V20ZE	*NHB74M*			*NHB74M*
		MAGNETIC DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	83550-K66-V20ZF	*NHB51M*			*NHB51M*
		MAGNETIC SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	
	83550-K66-V00ZA	*TYPE4*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	83550-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	83550-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	83550-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*

ỐP GIỮA



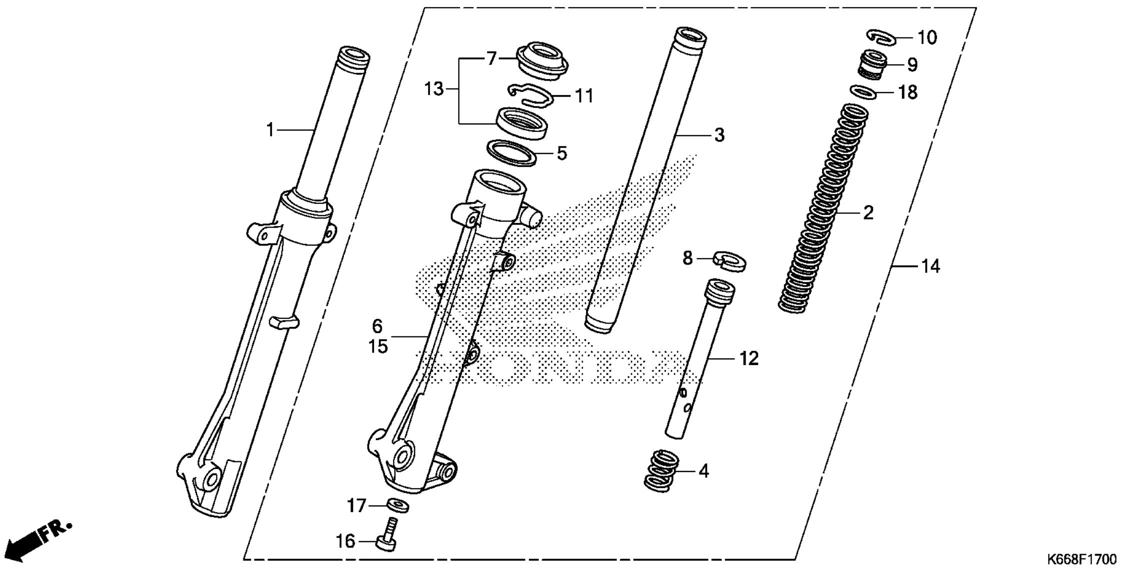
STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
3	83650-K66-V10ZA	COVER SET, L. BODY(WL)			BỘ ỐP THÂN BÊN TRÁI (CÓ TEM)
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	83650-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	83650-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	83650-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
	83650-K66-V20ZD	*Y219M*MAGNETIC GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y219M*
	83650-K66-V20ZE	*NHB74M* MAGNETIC DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB74M*
	83650-K66-V20ZF	*NHB51M* MAGNETIC SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB51M*
	83650-K66-V00ZA	*TYPE4*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	83650-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	83650-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	83650-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
4	83751-K66-V00ZG	COVER, TAILLIGHT UPPER			ỐP TRÊN ĐÈN HẬU
		NHB25M POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	*NHB25M*
	83751-K66-V00ZB	*R340C*........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,7V	*R340C*
	83751-K66-V00ZC	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	83751-K66-V00ZF	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,7V	*NHB35P*
	83751-K66-V00ZH	*Y221M*.PHANTOM GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y221M*
	83751-K66-V00ZJ	*NHB83M* PHANTOM DARK SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB83M*
	83751-K66-V00ZK	*NHB56M* PHANTOM SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHB56M*
5	84120-K66-V00	COVER, RR. GARB RAIL --------	1		ỐP TAY DẮT SAU
6	90116-SP0-003	CLIP, BUMPER SEAL -----------	4		KẸP PHỚT

ỐP THÂN



STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
7	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM ············	2		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
8	93903-24310	SCREW, TAPPING, 4X12 ········	2		VÍT TỰ REN 4X12
9	93903-24380	SCREW, TAPPING, 4X12 ········	4		VÍT TỰ REN 4X12
10	93903-24480	SCREW, TAPPING, 4X16 ········	2		VÍT TỰ REN 4X16
11	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12 ········	2		VÍT TỰ REN 4X12

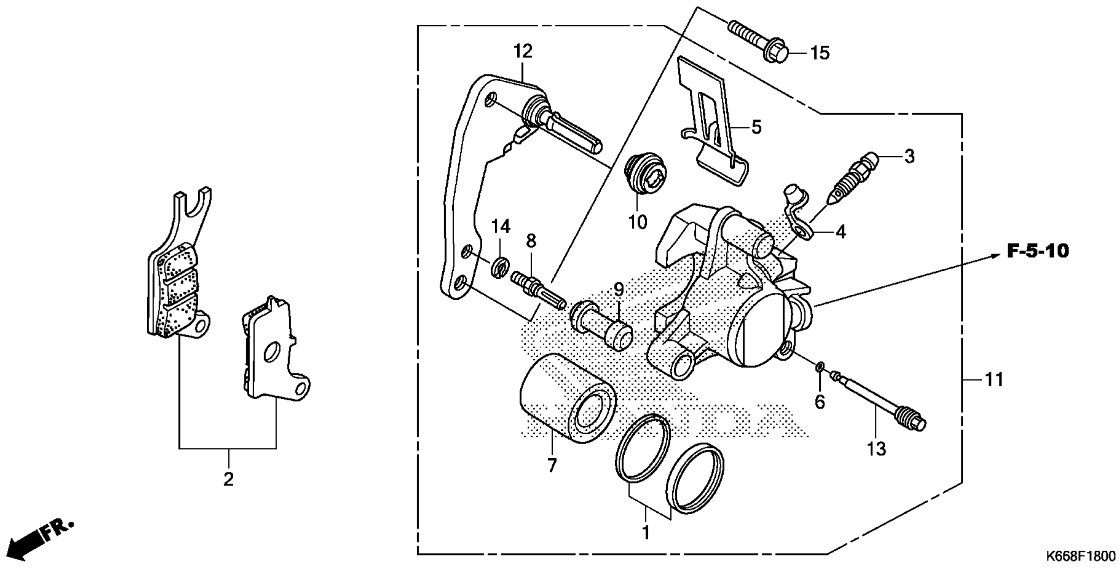
GIẢM XÓC TRƯỚC



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	5111C3	BỘ GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN PHẢI	0.4
2	5111C5	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN TRÁI	0.6
	5111C6	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN PHẢI	0.6
	5111C7	LÒ XO GIẢM XOC TRƯỚC: HAI BÊN	0.9
3		(4,8,12)	
	5111G2	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN TRÁI	0.7
	5111G3	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN PHẢI	0.7
	5111G4	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN	1.2
6	5111D2	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: BÊN PHẢI	0.8
13	5111E7	BỘ PHỚT GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN TRÁI....	0.8
	5111E8	BỘ PHỚT GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN PHẢI....	0.8
	5111E9	BỘ PHỚT GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN......	1.4
14	5111C2	BỘ GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN TRÁI...............	0.4
	5111C4	BỘ GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN................	0.5
15	5111D1	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: BÊN TRÁI.....................	0.8
	5111D3	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: HAI BÊN.......................	1.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	51400-K66-V01	FORK ASSY., R. FR.(SHOWA) ---	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI (SHOWA)
	51400-K66-V11	----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
2	51401-KZR-601	SPRING, FR. FORK(SHOWA) -----	2		LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC(SHOWA)
3	51410-KZL-A01	PIPE COMP., FR. FORK(SHOWA) -	2		CỤM ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC(SHOWA)
4	51412-GN5-901	SPRING, REBOUND(SHOWA) ------	2		LÒ XO HỒI VỊ(SHOWA)
5	51412-KWB-601	RING, BACK UP --------------	2		PHỚT CHẮN DẦU GIẢM XÓC
6	51420-K66-V01	CASE COMP., R. FR. BOTTOM ---	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	ỐNG VỎ GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI
	51420-K66-V11	----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
7	51425-GN5-901	SEAL, DUST(SHOWA) -----------	2		PHỚT CHẮN BỤI(SHOWA)
8	51437-KWB-601	RING, PISTON ---------------	2		XÉC MĂNG
9	51454-KEV-881	SEAT B, SPRING -------------	2		ĐẾ B LÒ XO
10	51456-KPH-901	RING, STOPPER --------------	2		VÒNG HÃM
11	51466-065-901	RING, OIL SEAL STOPPER(SHOWA)	2		VÒNG HÃM PHỚT DẦU(SHOWA)
12	51470-KZR-601	PIPE, SEAT -----------------	2		TY CON GIẢM XÓC TRƯỚC
13	51490-KGH-901	SEAL SET, FR. FORK(SHOWA) ---	2		BỘ PHỚT GIẢM XÓC TRƯỚC (SHOWA)
14	51500-K66-V01	FORK ASSY., L. FR.(SHOWA) ---	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	BỘ GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI (SHOWA)
	51500-K66-V11	----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
15	51520-K66-V01	CASE COMP., L. FR. BOTTOM ---	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	ỐNG VỎ GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI
	51520-K66-V11	----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
16	90116-KV3-701	BOLT, SOCKET, 8MM(SHOWA) ----	2		BU LÔNG GIÁC CHÌM 8MM(SHOWA)
17	90544-283-000	WASHER, SPECIAL, 8MM(SHOWA) -	2		VÒNG ĐỆM ĐẶC BIỆT 8MM(SHOWA)
18	91356-GM0-003	O-RING, 15.8X2.4(SHOWA) -----	2		PHỚT O,15,8X2,4(SHOWA)

NGÀM PHANH TRƯỚC

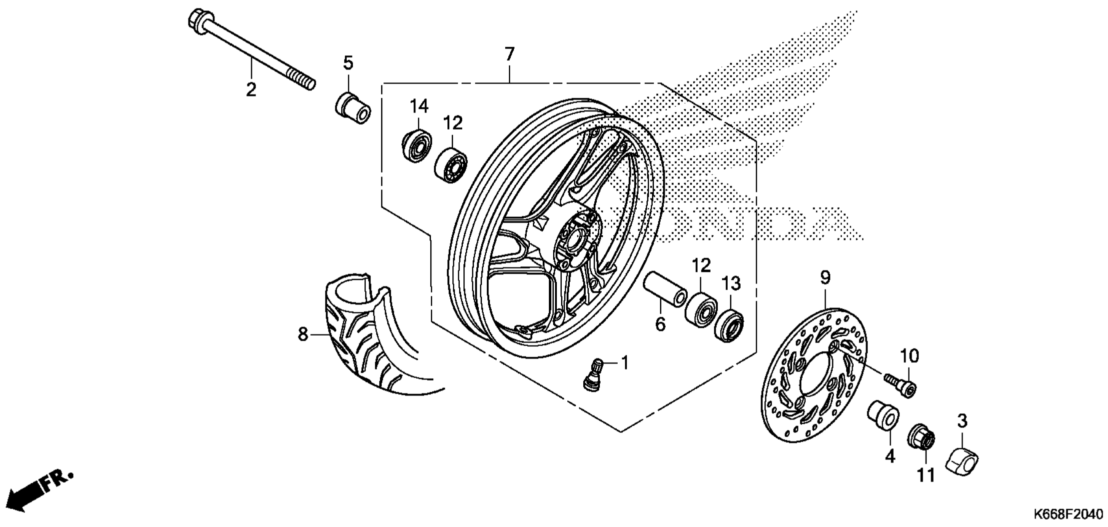


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2 7	711115	BỘ GUỐC (MÁ) PHANH TRƯỚC .... (1)	0.1
	7111D1	PISTON NGÀM PHANH TRƯỚC .... .BAO GỒM: xả khí phanh	0.5
11	711130	NGÀM PHANH TRƯỚC .... .BAO GỒM: xả khí phanh	0.4
12	7111G0	GIÁ NGÀM PHANH TRƯỚC	0.2

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	06451-MA7-405	SEAL SET, PISTON ------------	1		BỘ PHỚT PISTON NGÀM PHANH
2	06455-KVB-T01	PAD SET, FR. BRAKE ----------	1		CỤM MÁ PHANH TRƯỚC
3	43352-568-003	SCREW, BLEEDER(NISSIN) ------	1		VÍT XẢ KHÍ NGÀM PHANH(NISSIN)
4	43353-461-771	CAP, BLEEDER ----------------	1		CHỤP VÍT XẢ KHÍ NGÀM PHANH
5	45108-KVB-T01	SPRING, PAD -----------------	1		LÒ XO MÁ PHANH
6	45111-MAJ-G41	RING, STOPPER ---------------	1		VÒNG HÃM
7	45118-KVB-T01	PISTON ----------------------	1		PÍT TÔNG
8	45131-GZ0-006	BOLT, PIN -------------------	1		BU LÔNG CHỐT
9	45132-166-016	BOOT, PIN BUSH(NISSIN) ------	1		ĐỆM CHỐT TRƯỢT(NISSIN)
10	45133-MA3-006	BOOT B ----------------------	1		ĐỆM B
11	45150-KVB-T02	CALIPER SUB ASSY., L. FR. (NISSIN)	1		BỘ NGÀM PHANH TRƯỚC BÊN TRÁI (NISSIN)
12	45190-KVB-T01	BRACKET SUB ASSY., FR. CALIPER	1		CỤM GIÁ BẮT NGÀM PHANH TRƯỚC
13	45215-KPH-951	PIN, HANGER -----------------	1		CHỐT TREO MÁ PHANH
14	45216-166-006	WASHER, WAVE ----------------	1		VÒNG ĐỆM SÓNG
15	90131-KGH-900	BOLT, FLANGE, 8X25 ----------	2		BU LÔNG 8X25

F-20-40 BÁNH TRƯỚC

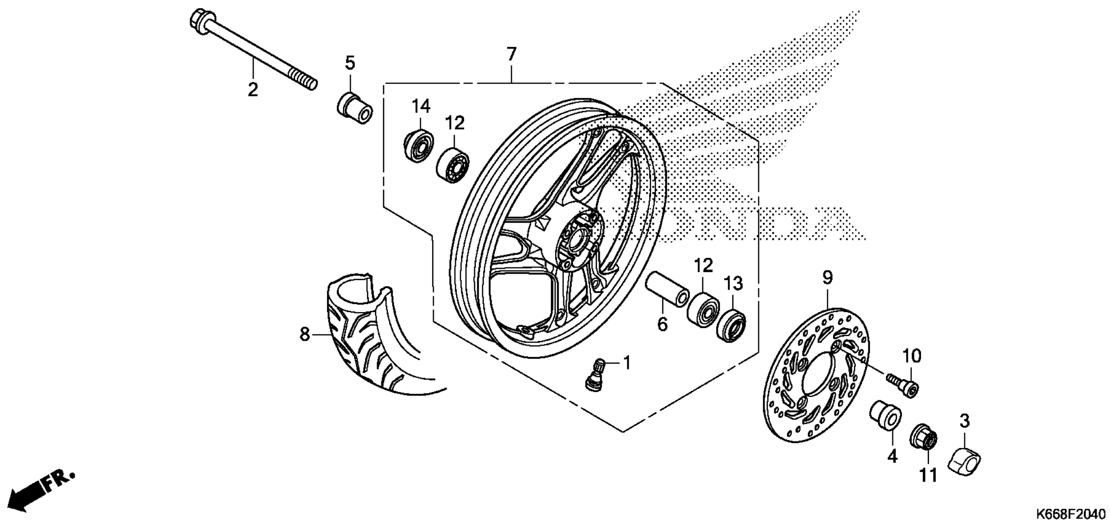
H 8



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2		(13,14)	
	710151	TRỤC BÁNH TRƯỚC	0.2
7	7101D4	BÁNH TRƯỚC	0.6
8	710139	LỐP TRƯỚC (MỘT CHIẾC)	0.5
9	711120	ĐĨA PHANH TRƯỚC	0.3
12	710115	VÒNG BI BÁNH TRƯỚC (MỘT CHIẾC)	0.4
	710115G	.Thay thế bổ sung một vòng bi	0.1

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	42753-KBN-902	VALVE, RIM(CHENG SHIN)	1		VAN BÁNH XE(CHENG SHIN)
	42753-GM9-743	VALVE, RIM(IRC)	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	VAN BÁNH XE(IRC)
2	44301-KVG-950	AXLE, FR. WHEEL	1		TRỤC BÁNH TRƯỚC
3	44302-383-610	CAP, AXLE NUT	1		CHỤP ĐAI ỐC TRỤC BÁNH TRƯỚC
4	44311-KVB-910	COLLAR, FR. WHEEL SIDE (L. SIDE)	1		VÒNG ĐỆM BÊN BÁNH TRƯỚC (BÊN TRÁI)
5	44312-KZR-600	COLLAR, FR. WHEEL SIDE (R. SIDE)	1		VÒNG ĐỆM BÊN BÁNH TRƯỚC (BÊN PHẢI)
6	44620-KVB-910	COLLAR, FR. DISTANCE	1		ỐNG CÁCH BI MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC
7	44650-K66-V00ZA	WHEEL SUB ASSY., FR. *NH364M*SHEEN SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM BÁNH TRƯỚC *NH364M*
	44650-K66-V00ZB	*NH303M* MAT AXIS GRAY METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	*NH303M*
8	44711-K27-V02	TIRE, FR.(CHENG SHIN) (80/90-14M/C 40P)	1		LỐP TRƯỚC (CHENG SHIN) (80/90-14M/C 40P)
	44711-KVG-V40	TIRE, FR.(IRC) (80/90-14M/C 40P)	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	LỐP TRƯỚC(IRC) (80/90-14M/C 40P)
9	45351-KVG-951	DISK, FR. BRAKE(NISSIN)	1		ĐĨA PHANH TRƯỚC(NISSIN)
	45351-K66-V01	DISK, FR. BRAKE(FUJI)	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	ĐĨA PHANH TRƯỚC (FUJI)
10	90105-KGH-900	BOLT, BRAKE DISK, 8X24	4		BU LÔNG ĐĨA PHANH 8X24
11	90306-KGH-901	NUT, U, 12MM(FUJI SEIMITSU)	1		ĐAI ỐC U 12MM(FUJI SEIMITSU)
12	91052-K24-901	BEARING, RADIAL BALL(6201U L) (NSK)	2		VÒNG BI (6201U L) (NSK)
	91052-K24-904	BEARING, RADIAL BALL(6201U L) (FAG)	2		VÒNG BI (6201U L) (FAG)

BÁNH TRƯỚC



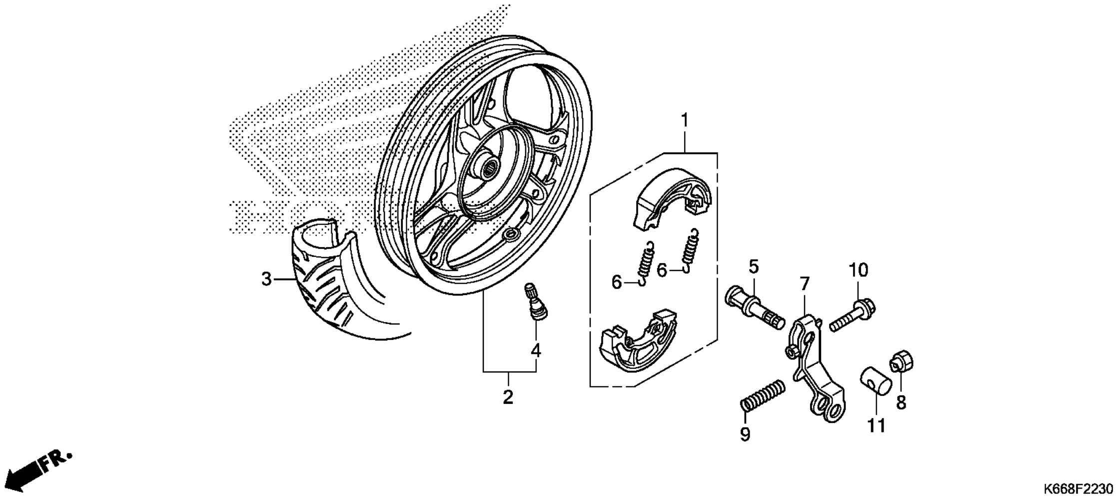
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
12	91052-K03-N41	BEARING, RADIAL BALL(6201U L) (SKF)	2	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	VÒNG BI (6201U L) (SKF)
	91052-K24-902	BEARING, RADIAL BALL(6201U L) (NTN)	2	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	#N/A VÒNG BI (6201U L) (NTN)
	91052-K24-903	BEARING, RADIAL BALL(6201U L) (FUJIKOSHI)	2	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	#N/A VÒNG BI (6201U L) (FUJIKOSHI)
13	91251-KPH-901	DUST SEAL, 21X37X7(ARAI) ····	1		PHỚT CHẮN BỤI 21X37X7(ARAI)
14	91251-KZR-601	DUST SEAL, 21X32X5(ARAI) ····	1		PHỚT CHẮN BỤI 21X32X5 (ARAI)

3

F-22-30 BÁNH SAU

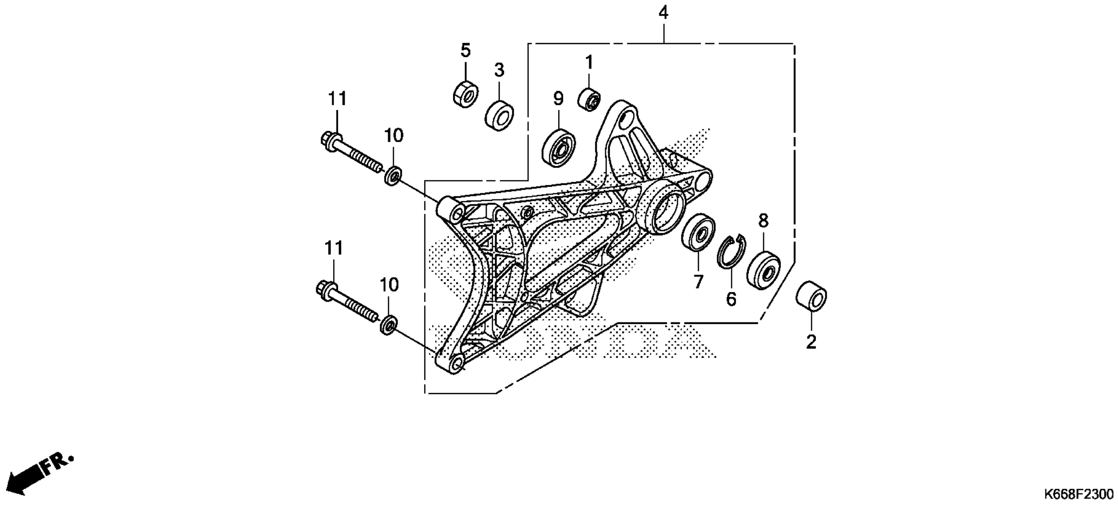
H10



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	711140	BỘ GUỐC (MÁ) PHANH SAU	0.7
2	710118	BÁNH SAU	0.9
3	710142	LỐP SAU (MỘT CHIẾC)	0.9
5	7111B4	CAM PHANH SAU	0.8
7	7111C4	CẦN PHANH SAU	0.8

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	06430-KWN-900	SHOE SET, BRAKE(JB)	1		CỤM GUỐC PHANH(JB)
2	42650-K27-V00ZC	WHEEL SUB ASSY., RR. *NH364M*SHEEN SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM BÁNH SAU *NH364M*
	42650-K27-V00ZA	*NH303M* MAT AXIS GRAY METALLIC	1	-------- -------- 6V,V	*NH303M*
3	42711-KVG-V40	TIRE, RR.(IRC) (90/90-14M/C 46P)	1	-------- -------- 2V,7V	LỐP SAU(IRC) (90/90-14M/C 46P)
	42711-K27-V02	TIRE, RR.(CHENG SHIN) (90/90-14M/C 46P)	1	-------- -------- 3V,6V,7V,8V,V	LỐP SAU (CHENG SHIN) (90/90-14M/C 46P)
4	42753-GM9-743	VALVE, RIM(IRC)	1	-------- -------- 2V,7V	VAN BÁNH XE(IRC)
	42753-KBN-902	VALVE, RIM(CHENG SHIN)	1	-------- -------- 3V,6V,7V,8V,V	VAN BÁNH XE(CHENG SHIN)
5	43141-KZR-600	CAM, RR. BRAKE	1		CAM PHANH SAU
6	43151-329-000	SPRING, BRAKE SHOE	2		LÒ XO GUỐC PHANH SAU
7	43410-KWN-900	ARM, RR. BRAKE	1		CẦN PHANH SAU
8	43459-GN5-760	NUT, BRAKE ROD ADJUSTING	1		ĐAI ỐC ĐIỀU CHỈNH PHANH
9	43472-KVB-900	SPRING, RR. BRAKE ARM	1		LÒ XO CẦN PHANH SAU
10	90112-KVB-900	BOLT, FLANGE, 6X32	1		BU LÔNG 6X32
11	95015-32001	JOINT B, BRAKE ARM	1		TRỤC CẦN PHANH B

F-23 CÀNG SAU H11



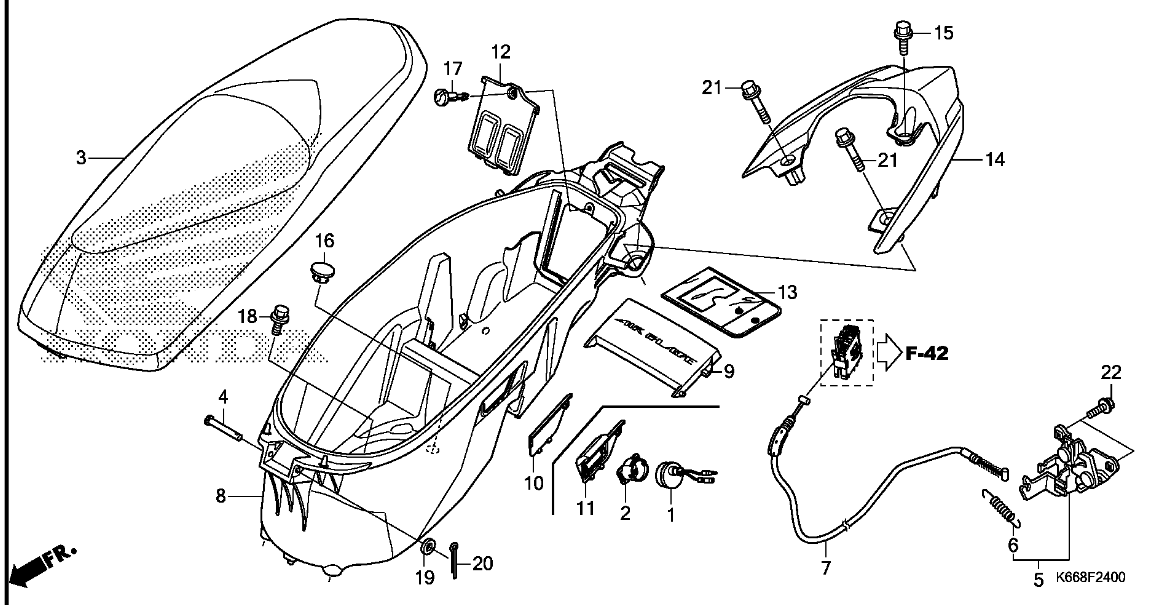
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
4		(8,9)	
	5121B0	CỤM CÀNG SAU	0.6
7	710133	VÒNG BI BÁNH SAU (MỘT CHIẾC)	0.8

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	11203-K35-J00	BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER	1		BẠC CAO SU PHÍA DƯỚI GIẢM XÓC SAU
2	42311-KVG-900	COLLAR, RR. WHEEL SIDE	1		VÒNG ĐỆM BÊN BÁNH SAU
3	42312-KVG-900	COLLAR B, RR. WHEEL SIDE	1		VÒNG ĐỆM BÊN BÁNH SAU B
4	52100-K27-V50	SWINGARM ASSY.	1		BỘ CÀNG SAU
5	90305-KVB-901	NUT, U, 16MM	1		ĐAI ỐC U 16MM
6	90651-KZR-601	CIRCLIP, INTERNAL, 40MM	1		PHANH CÀI TRONG 40MM
	94520-40000		1		
7	91051-K35-V01	BEARING, RADIAL BALL, 6203UU (NSK)	1		VÒNG BI 6203UU (NSK)
8	91252-KZR-601	DUST SEAL, 25X40X5	1		PHỚT CHẮN BỤI 25X40X5
9	91253-KZR-601	DUST SEAL, 25X35X6	1		PHỚT CHẮN BỤI 25X35X6
10	94101-10000	WASHER, PLAIN, 10MM	2		VÒNG ĐỆM 10MM
11	95701-10040-00	BOLT, FLANGE, 10X40	2		BU LÔNG 10X40

3

F-24 YÊN XE/HỘP ĐỰNG ĐỒ

H12

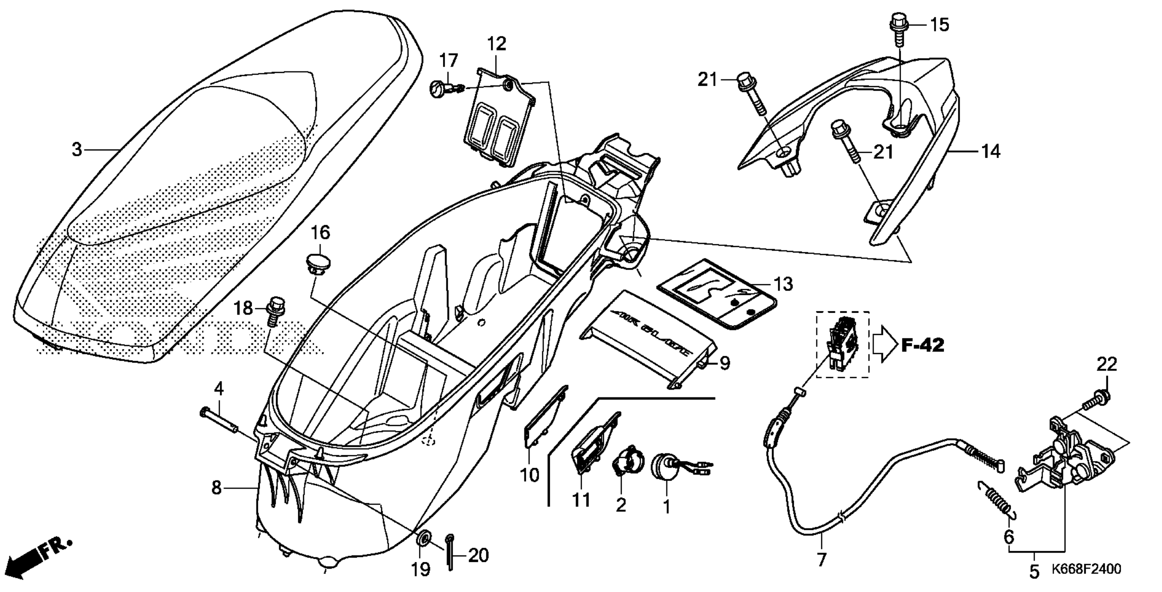


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6161F1	ĐÈN SOI HỘP ĐỰNG ĐỒ	0.3
3	4131E4	YÊN ĐÔI	0.3
5	4131E8	NGÀM YÊN PHÍA ĐUÔI XE	0.3
7	811175	DÂY KHÓA YÊN	0.1
8	412102	HỘP ĐỰNG ĐỒ	0.3
14	4131F6	TAY DẮT SAU	0.1

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	34260-KVG-V41	LIGHT ASSY., LUGGAGE BOX	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM ĐÈN SOI HỘP CHỨA ĐỒ
2	64335-KVG-V41	LENS ASSY., LIGHT	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM MẶT BÓNG ĐÈN
3	77200-K66-V00ZB	SEAT COMP., DOUBLE			BỘ YÊN ĐÔI
		TYPE2	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	77200-K66-V00ZC	*TYPE1*	1	-------- -------- 3V,8V	*KIỂU1*
	77200-K66-V00ZA	*TYPE3*	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
4	77215-KZL-930	PIN, SEAT HINGE	1		CHỐT BẢN LỀ YÊN
5	77230-K66-V00	CATCH COMP., SEAT	1		CỤM BẢN LỀ YÊN
6	77234-GN2-000	SPRING, SEAT LOCK	1		LÒ XO KHÓA YÊN
7	77240-K66-V01	CABLE COMP., SEAT LOCK	1		CỤM DÂY KHÓA YÊN
8	81250-K66-V00	BOX, LUGGAGE	1		HỘP ĐỰNG ĐỒ
9	81251-K27-V00	PLATE, LUGGAGE BOX	1		TẤM NGĂN HỘP ĐỰNG ĐỒ
10	81252-K27-V00	COVER, LUGGAGE HOLE	1	-------- -------- 6V,V	ỐP NGOÀI ĐÈN SOI HỘP ĐỰNG ĐỒ
11	81252-K27-V10	COVER, LUGGAGE BOX LAMP	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	ỐP TRONG ĐÈN SOI HỘP ĐỰNG ĐỒ
12	81252-K66-V00	LID, BOX	1		TẤM CHẮN HỘP ĐỰNG ĐỒ
13	83642-K12-900	BAG, OWNERS MANUAL	1		TÚI ĐỰNG SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
14	84100-K66-V00ZA	RAIL, RR. GRAB			TAY DẮT SAU
		*NH364M*SHEEN SILVER METALLIC	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	*NH364M*
	84100-K66-V00ZB	*NH1*....................BLACK	1	-------- -------- 6V,V	*NH1*
15	90103-KEZ-900	BOLT, SPECIAL FLANGE, 8X20	1		BU LÔNG ĐẶC BIỆT 8X20
16	90656-GCC-000ZC	PLUG, HOLE			NẮP LỖ HỘP ĐỰNG ĐỒ
		NH1....................BLACK	1		*NH1*
17	90683-GAZ-003	CLIP, TRIM	1		KẸP
18	93404-06012-00	BOLT-WASHER, 6X12	2		BU LÔNG ĐỆM 6X12
19	94101-08000	WASHER, PLAIN, 8MM	1		VÒNG ĐỆM PHẲNG 8MM

3

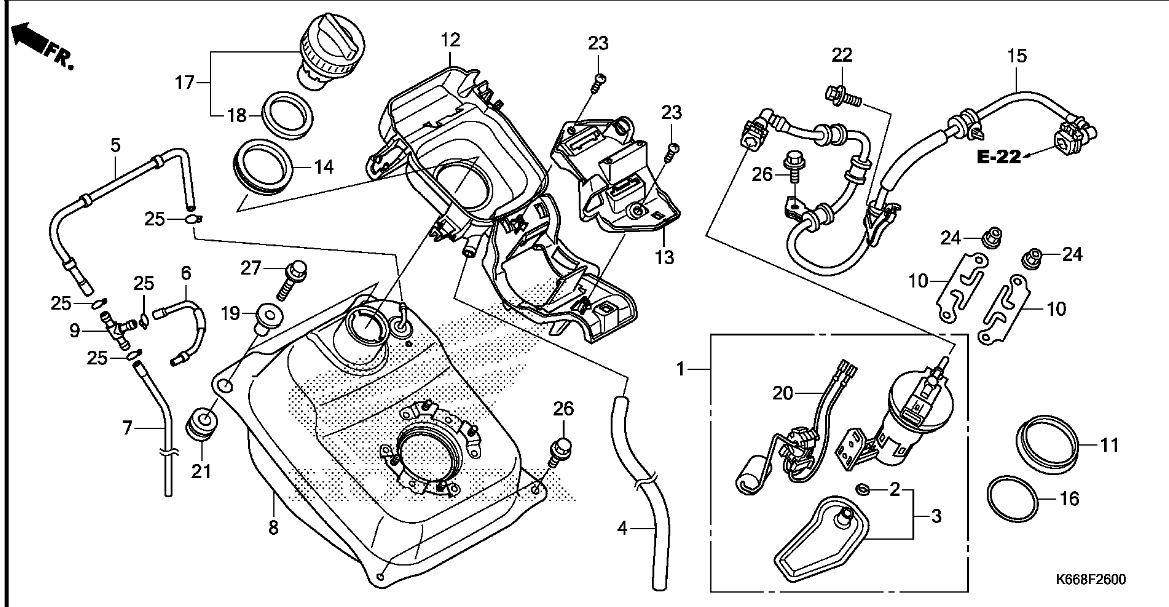
YÊN XE/HỘP ĐỰNG ĐỒ



STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
20	94201-16180	PIN, SPLIT, 1.6X18 ----------	1		CHỐT CHẺ 1,6X18
21	95701-08045-08	BOLT, FLANGE, 8X45 ----------	2		BU LÔNG 8X45
22	95801-06012-08	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	2		BU LÔNG 6X12

F-26 BÌNH XĂNG

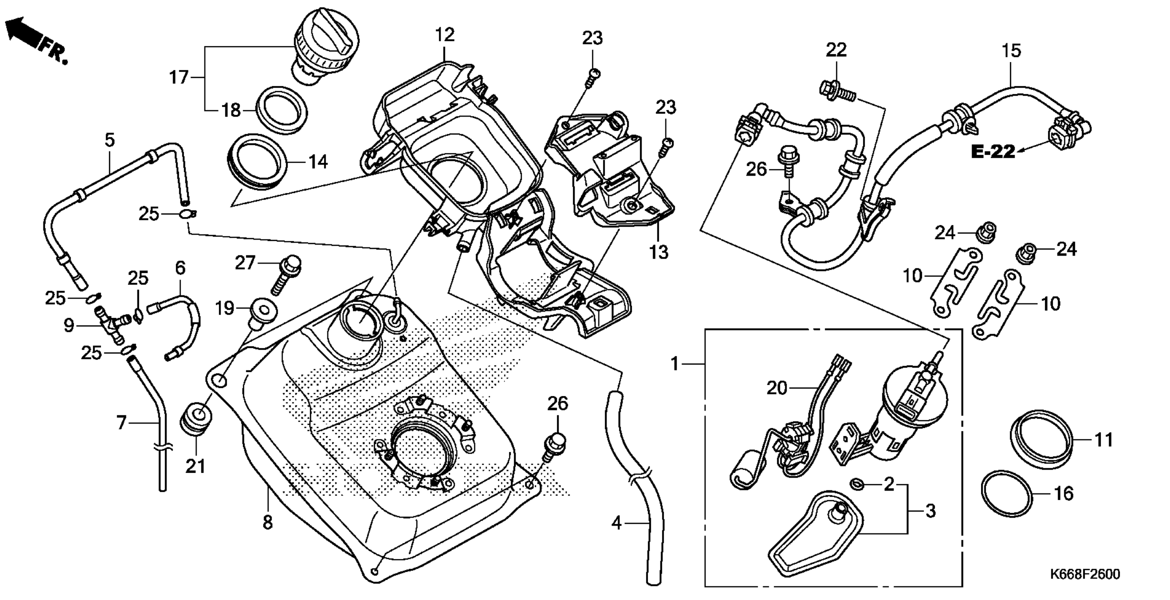
H14



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	310120	(11,16) BỘ BƠM XĂNG	1.2
3	3101C7	(2) LỌC XĂNG	1.3
8	310100	BÌNH XĂNG	1.3
15	310162	ỐNG CẤP XĂNG	1.1
20	617105	CỤM PHAO XĂNG	0.3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	16700-K27-V52	PUMP ASSY., FUEL	1		BỘ BƠM XĂNG
2	16706-KVB-S51	O-RING(P7)	1		PHỚT O (P7)
3	16707-KVG-V41	FILTER SET	1		BỘ LỌC XĂNG
4	17260-K66-V00	TUBE, DRAIN(9X13X380)	1		ỐNG XẢ (9X13X380)
5	17411-K66-V00	TUBE A, BREATHER	1		ỐNG THÔNG HƠI A
6	17412-K66-V00	TUBE B, BREATHER	1		ỐNG THÔNG HƠI B
7	17416-K66-V00	TUBE, DRAIN	1		ỐNG XẢ
8	17510-K66-V00	TANK COMP., FUEL	1		BÌNH XĂNG
9	17515-K12-900	JOINT, 3WAY	1		ỐNG BA CHẠC
10	17517-GGL-J00	RETAINER, FUEL PUMP	2		KẸP GIỮ BƠM XĂNG
11	17518-GGL-J00	DUST SEAL	1		PHỚT CHẮN BỤI
12	17524-K66-V00	TRAY, FUEL	1		KHAY XĂNG
13	17525-K66-V00	HOLDER, CANISTER	1		GIÁ GIỮ HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG
14	17527-K35-V00	RUBBER, FUEL SEAL	1		PHỚT CAO SU BẮT KHAY XĂNG
15	17531-K66-V01	HOSE COMP., FUEL FEED	1		CỤM ỐNG CẤP XĂNG
16	17572-GGL-J00	O-RING, FUEL PUMP	1		PHỚT O BƠM XĂNG
17	17620-K66-V01	CAP COMP., FUEL FILLER	1		NẮP BÌNH XĂNG
18	17632-383-831	PACKING, FUEL FILLER CAP	1		GIOĂNG NẮP BÌNH XĂNG
19	18357-K66-V00	COLLAR, SILENCER	2		BẠC GIẢM CHẤN
20	37800-K27-V51	FUEL UNIT	1		CỤM PHAO XĂNG
21	38119-MM8-000	GROMMET, HORN STAY	2		ĐỆM GIẢM CHẤN
22	93401-06016-08	BOLT-WASHER, 6X16	1		BU LÔNG ĐỆM 6X16
23	93903-34310	SCREW, TAPPING, 4X12	2		VÍT TỰ REN 4X12
24	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	4		ĐAI ỐC 6MM

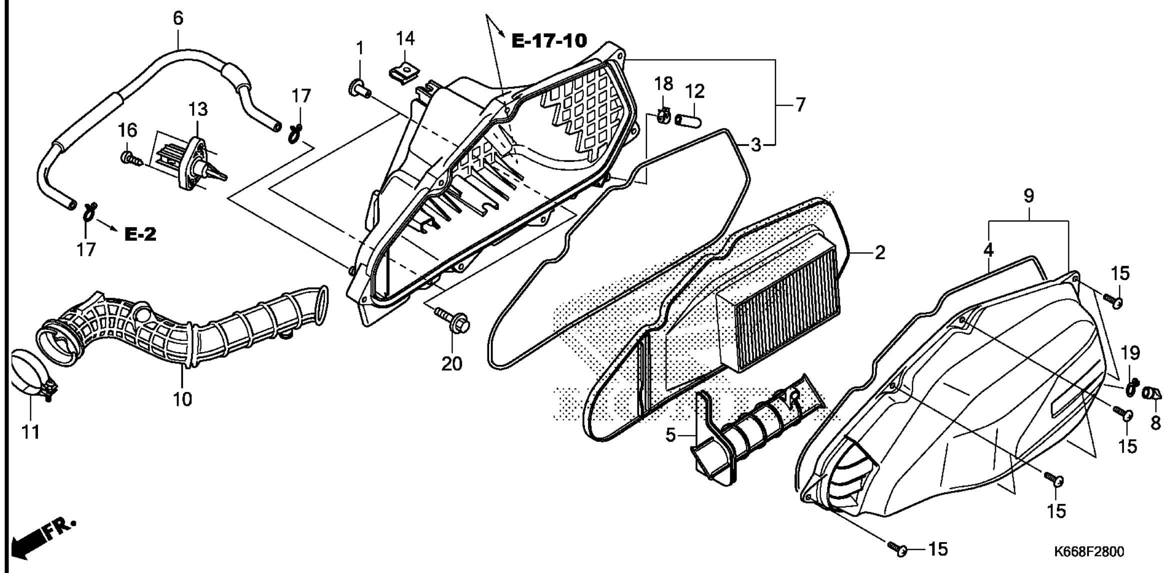
BÌNH XĂNG



STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
25	95002-02080	CLIP, TUBE(B8)	4		KẸP ỐNG(B8)
26	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
27	95701-06020-00	BOLT, FLANGE, 6X20	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X20

F-28 LỌC GIÓ

H16



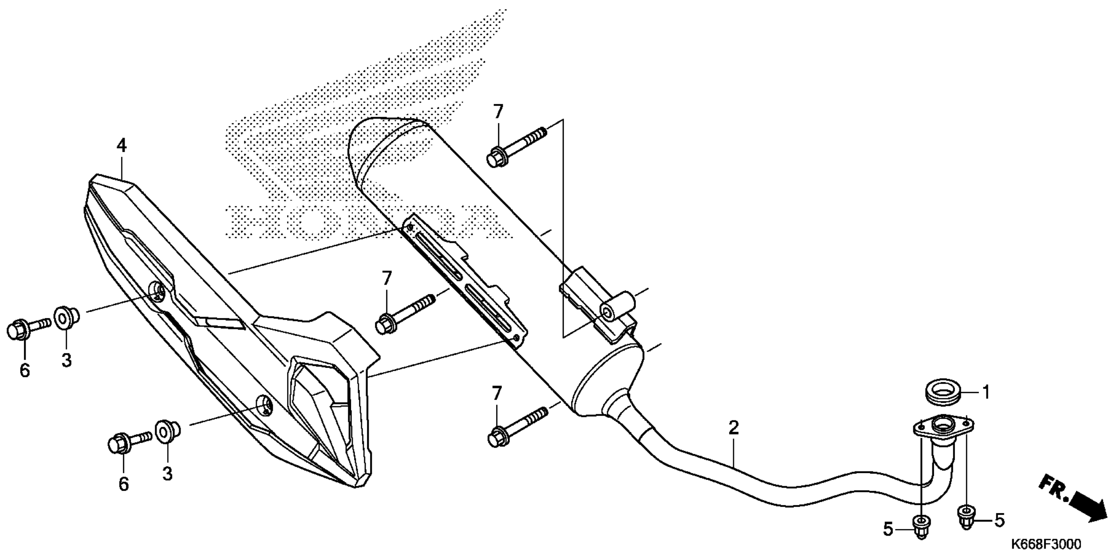
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2		(3,4)	
	312105	TẤM LỌC GIÓ	0.1
7	3121A5	~~HỘP LỌC GIÓ~~	0.5
9			
	312102	ỐP LỌC GIÓ	0.2
10	3121B6	ỐNG NỐI LỌC GIÓ	0.5
13	617120	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ DUNG DỊCH LÀM MÁT	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	17208-GR1-010	COLLAR, AIR CLEANER SETTING	2		BẠC ĐỊNH VỊ LỌC GIÓ
2	17210-K29-900	ELEMENT COMP., AIR CLEANER	1		TẤM LỌC GIÓ
3	17213-K36-J00	SEAL, AIR CLEANER	1		PHỚT LỌC GIÓ
4	17213-K36-J00	SEAL, AIR CLEANER	1		PHỚT LỌC GIÓ
5	17215-KWN-980	DUCT, AIR CLEANER	1		ỐNG NỐI LỌC GIÓ
6	17218-K66-V00	TUBE, BREATHER	1		ỐNG THÔNG HƠI
7	17225-K66-V00	CASE SUB ASSY., AIR CLEANER	1		ỐP LỌC GIÓ
8	17234-KCW-871	TUBE, AIR CLEANER DRAIN	1		ỐNG XẢ LỌC GIÓ
9	17245-K36-J00	COVER SUB ASSY., AIR CLEANER	1		ỐP LỌC GIÓ
10	17253-K60-B00	TUBE, AIR CLEANER CONNECTING	1		ỐNG NỐI LỌC GIÓ
11	17256-KWZ-900	BAND, AIR CLEANER CONNECTING TUBE(44)	1		ĐAI KẸP ỐNG NỐI LỌC GIÓ (44)
12	17261-K66-V00	TUBE, DRAIN	1		ỐNG XẢ
13	37880-KWW-C01	SENSOR ASSY., AIR TEMP	1		CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ KHÍ NẠP
14	90305-GEE-710	NUT, CLIP, 6MM	1		ĐAI ỐC KẸP 6MM
15	93903-25480	SCREW, TAPPING, 5X20	7		VÍT TỰ REN 5X20
16	93913-255J0	SCREW, TAPPING, 5X20	2		VÍT TỰ REN 5X20
17	95002-02130	CLIP, TUBE(B12.5)	2		KẸP ỐNG(B12,5)
18	95002-41200-08	CLAMP, TUBE(D12)	1		KẸP ỐNG(D12)
19	95002-80000	CLIP, TUBE(C12)	1		KẸP ỐNG (C12)
20	95701-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25

3

F-30 ỐNG XẢ

I 1

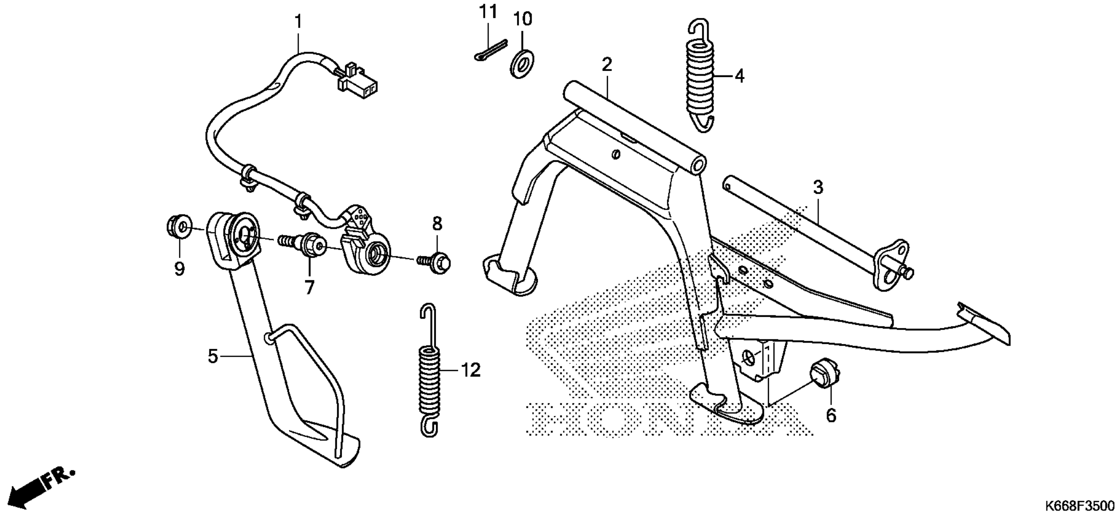


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	3131B4	GIOĂNG ỐNG XẢ	0.2
2	313120	ỐNG XẢ	0.2
4	313121	TẤM BẢO VỆ ỐNG XẢ	0.1

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	18291-GE2-921	GASKET, EX. PIPE	1		GIOĂNG ỐNG XẢ
2	18300-K66-V00	MUFFLER COMP., EX.	1		CỤM ỐNG XẢ
3	18316-K50-T00	COLLAR, MUFFLER PROTECTOR	2		BẠC LÓT ỐP BẢO VỆ ỐNG XẢ
4	18318-K66-V00	PROTECTOR, MUFFLER	1		ỐP BẢO VỆ ỐNG XẢ
5	90304-MJ0-920	NUT, CAP, 7MM	2		ĐAI ỐC 7MM
6	95701-06016-02	BOLT, FLANGE, 6X16	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16
7	95701-10065-07	BOLT, FLANGE, 10X65	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X65

3

CHÂN CHỐNG

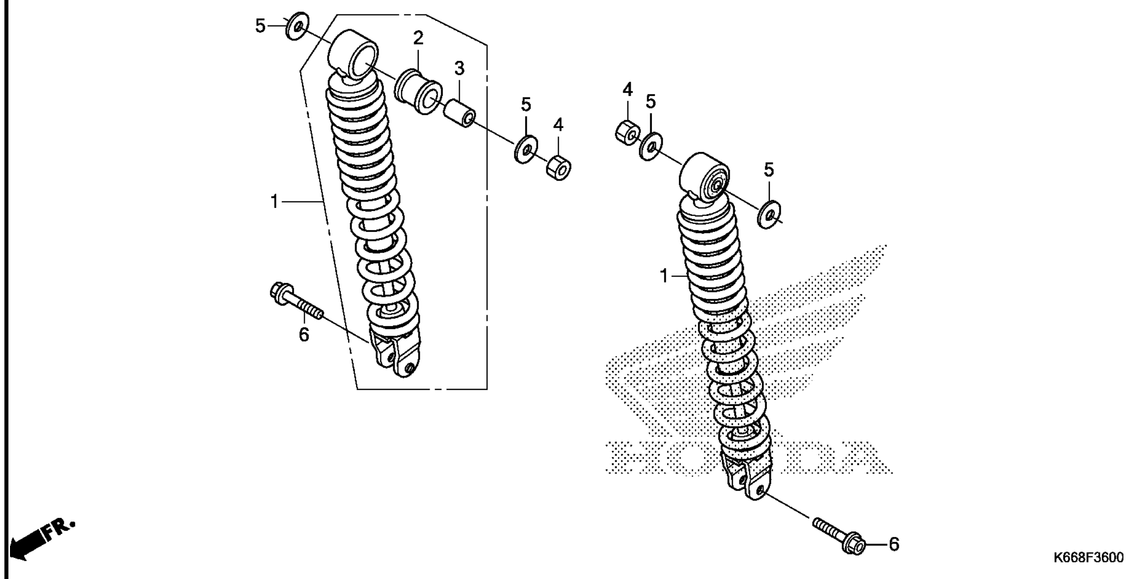


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	615195	CÔNG TẮC CHÂN CHỐNG NGHIÊNG	0.8
2		(3)	
	410175	CHÂN CHỐNG ĐỨNG	0.4
4	410176	LÒ XO CHÂN CHỐNG ĐỨNG	0.2
5	410180	CHÂN CHỐNG NGHIÊNG	0.2
12	410182	LÒ XO CHÂN CHỐNG NGHIÊNG	0.1

1	35700-K66-V01	SWITCH ASSY., SIDE STAND ----	1	CỤM CÔNG TẮC CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
2	50500-K66-V00	STAND COMP., MAIN -----------	1	CỤM CHÂN CHỐNG ĐỨNG
3	50503-K27-V00	SHAFT, MAIN STAND -----------	1	TRỤC CHÂN CHỐNG ĐỨNG
4	50520-KVB-900	SPRING, MAIN STAND ----------	1	LÒ XO CHÂN CHỐNG ĐỨNG
5	50530-K66-V10	BAR COMP., SIDE STAND -------	1	CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
6	77214-KPH-900	RUBBER B, SEAT SETTING ------	1	CAO SU B ĐỊNH VỊ YÊN XE
7	90108-KZL-860	BOLT, SIDE STAND PIVOT ------	1	BU LÔNG CHỐT CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
8	90147-KVB-900	BOLT, SPECIAL, 6X16 ---------	1	BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X16
9	90203-KVB-900	NUT, SIDE STAND -------------	1	ĐAI ỐC CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
10	94101-10800	WASHER, PLAIN, 10MM ---------	1	VÒNG ĐỆM PHẲNG 10MM
11	94201-30200	PIN, SPLIT, 3.0X20 ----------	1	CHỐT CHẺ 3,0X20
12	95014-72102	SPRING A, SIDE STAND --------	1	LÒ XO A,CHÂN CHỐNG NGHIÊNG

F-36 GIẢM XÓC SAU

I 3

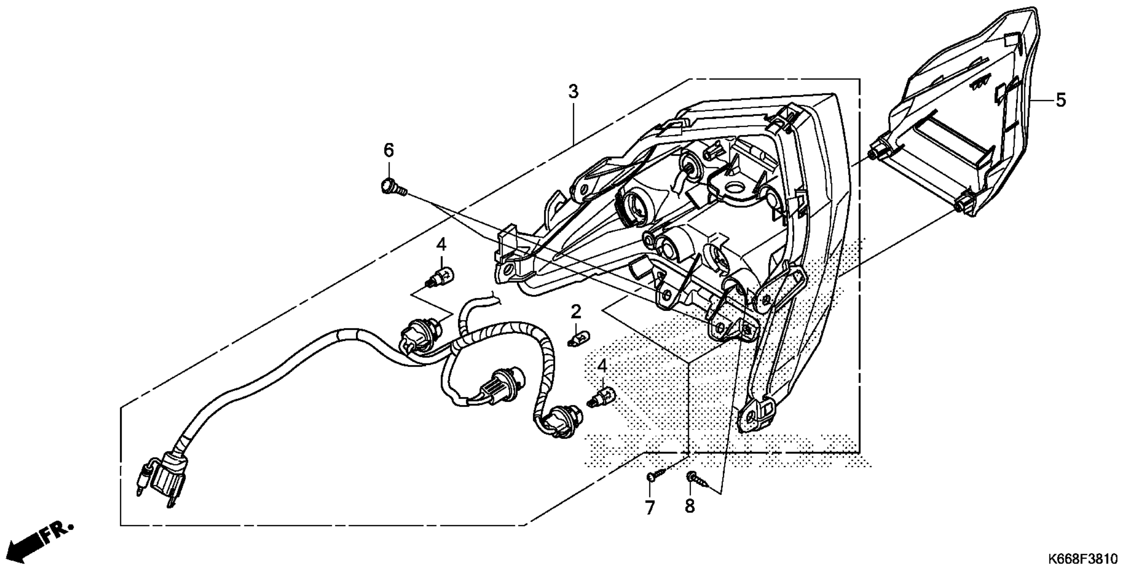


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	5121B6	BỘ GIẢM XÓC SAU: BÊN TRÁI	0.2
	5121B7	BỘ GIẢM XÓC SAU: BÊN PHẢI	0.2
	5121B8	BỘ GIẢM XÓC SAU: HAI BÊN	0.3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	52400-K66-V01	CUSHION ASSY., RR.(SHOWA)	2	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	BỘ GIẢM XÓC SAU (SHOWA)
	52400-K66-V11		2	-------- -------- 6V,V	
2	52485-KVY-901	BUSH, RUBBER(SHOWA)	2		BẠC LÓT CAO SU (SHOWA)
3	52486-GA7-003	COLLAR, RUBBER BUSH(SHOWA)	2		ỐNG LÓT (SHOWA)
4	94001-10000-0S	NUT, HEX., 10MM	2		ĐAI ỐC LỤC GIÁC 10MM
5	94101-10000	WASHER, PLAIN, 10MM	4		VÒNG ĐỆM PHẲNG 10MM
6	95801-08032-00	BOLT, FLANGE, 8X32	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X32

F-38-10 CỤM ĐÈN HẬU

I 4

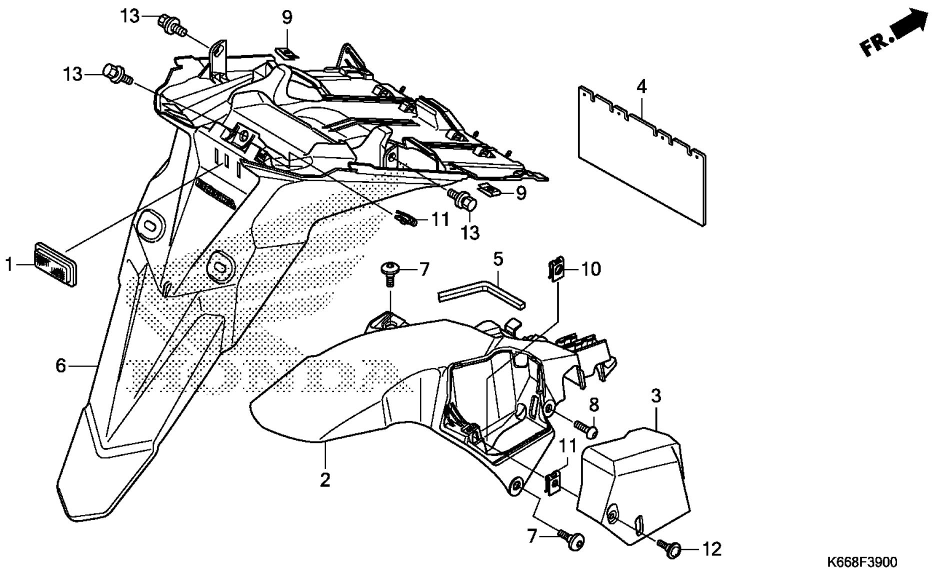


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	6161F3	BÓNG ĐÈN SOI BIỂN SỐ	0.1
3	6161D5	CỤM ĐÈN HẬU	0.5
4	616139	BÓNG ĐÈN BÁO RẼ: PHÍA SAU	0.1
		.LƯU Ý: thời gian tương tự đối với cả hai xe	
	6161G0	BÓNG ĐÈN BÁO RẼ: ĐỐI VỚI 1 XE	0.2
5	6161G8	ÓP ĐÈN HẬU	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
2	33301-SA0-741	BULB(12V 5W)(STANLEY)	1		BÓNG ĐÈN(12V-5W)(STANLEY)
3	33700-K66-V01	LIGHT ASSY., RR. COMBINATION	1		CỤM ĐÈN HẬU
4	34905-KAN-W01	BULB, WINKER(12V 10W)(AMBER) (STANLEY)	2		BÓNG ĐÈN XI NHAN (12V 10W)(AMBER) (STANLEY)
5	83760-K66-V00ZE	COVER, TAILLIGHT LOWER *NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	ỐP DƯỚI ĐÈN HẬU *NHB25M*
	83760-K66-V00ZB	*R340C*........CANDY ROSY RED	1	-------- -------- 2V,7V	*R340C*
	83760-K66-V00ZC	*PB390M*EXALTED BLUE METALLIC	1	-------- -------- 2V,7V	*PB390M*
	83760-K66-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	-------- -------- 2V,7V	*NHB35P*
	83760-K66-V00ZA	*Y224M* MAT VALUABLE GOLD METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*Y224M*
	83760-K66-V00ZF	*NHB18M* MAT TECHNO SILVER METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	NHB18M*
	83760-K66-V00ZG	*NHA76M* MAT GALAXY BLACK METALLIC	1	-------- -------- 3V,8V	*NHA76M*
6	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5	2		VÍT NÓN CỤT 5X11,5
7	93903-34380	SCREW, TAPPING, 4X12	2		VÍT TỰ REN 4X12
8	93903-35210	SCREW, TAPPING, 5X12	4		VÍT TỰ REN 5X12

3

CHẮN BÙN SAU

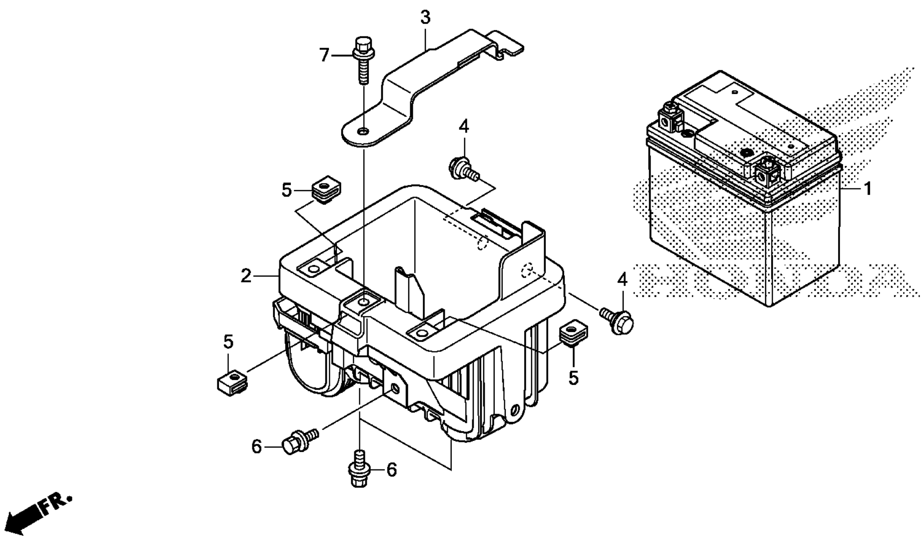


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	4131N4	CHẮN BÙN TRONG PHÍA SAU	0.4
3	1151H8	ỐP BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT...	0.1
6	413102	CHẮN BÙN SAU	0.5

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	33741-KAN-961	REFLECTOR, RR. REFLEX(STANLEY)	1		TẤM PHẢN QUANG PHÍA SAU (STANLEY)
2	80101-K66-V00	FENDER, RR. INNER ----------	1		CHẮN BÙN SAU BÊN TRONG
3	80102-K27-V00	COVER, RESERVE TANK ---------	1		ỐP BÌNH DỰ TRỮ
4	80103-K27-V00	GUARD, SPLASH ---------------	1		CHẮN BÙN
5	80108-KZR-600	SEAL, RR. INNER FENDER ------	1		PHỚT CHẮN BÙN TRONG PHÍA SAU
6	80110-K66-V00ZA	FENDER SET, RR.(WL) *TYPE1*.......................	1		BỘ CHẮN BÙN PHÍA SAU (CÓ TEM) *KIỂU 1*
7	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18 ---------	2		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
8	90085-MZ1-000	BOLT, SPECIAL, 6X17 ---------	1		BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X17
9	90303-K66-V00	NUT, SPRING, 4MM -----------	2		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
10	90677-GBG-850	NUT, CLIP, 5MM -------------	1		ĐAI ỐC KẸP 5MM
11	90677-KAN-T00	NUT, CLIP, 5MM -------------	3		ĐAI ỐC KẸP 5MM
12	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5 ---------	1		VÍT 5X11,5
13	93404-06012-00	BOLT-WASHER, 6X12 ----------	3		BU LÔNG-ĐỆM 6X12

F-40 BÌNH ĐIỆN

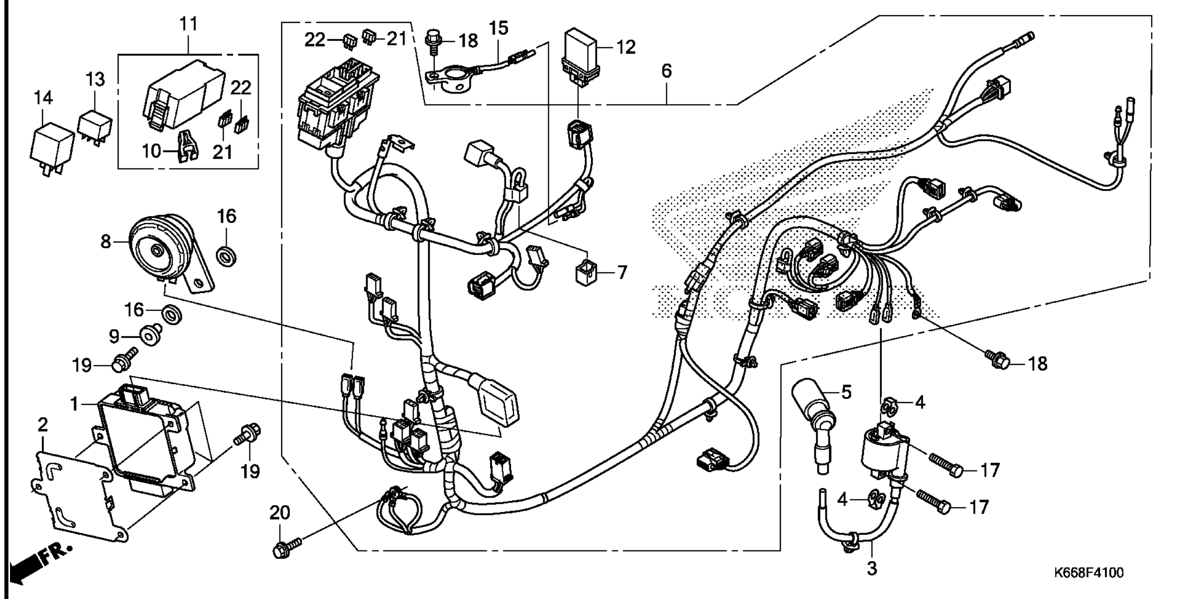
I 6



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	610100	BÌNH ĐIỆN	0.2
2	410185	HỘP ĐỰNG BÌNH ĐIỆN	0.4

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	31500-K66-V01	BATTERY(WTZ6V) (LE LONG VIETNAM)	1		BÌNH ĐIỆN (WTZ6V) (LE LONG VIETNAM)
	31500-K01-901	BATTERY(GTZ6V)(GS YUASA)	1	-------- -------- 2V,6V,7V,V	BÌNH ĐIỆN(GTZ6V)(GS YUASA)
2	50381-K66-V00	BOX, BATTERY	1		HỘP ĐỰNG BÌNH ĐIỆN
3	50382-K66-V00	BAND, BATTERY	1		ĐAI KẸP BÌNH ĐIỆN
4	90116-KVB-900	BOLT, FLANGE, 6MM	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM
5	90311-K66-V00	NUT, CLIP, 6MM	3		ĐAI ỐC KẸP 6MM
6	93404-06012-00	BOLT-WASHER, 6X12	3		BU LÔNG ĐỆM 6X12
7	93404-06020-00	BOLT-WASHER, 6X20	1		BU LÔNG ĐỆM 6X20

BÓ DÂY

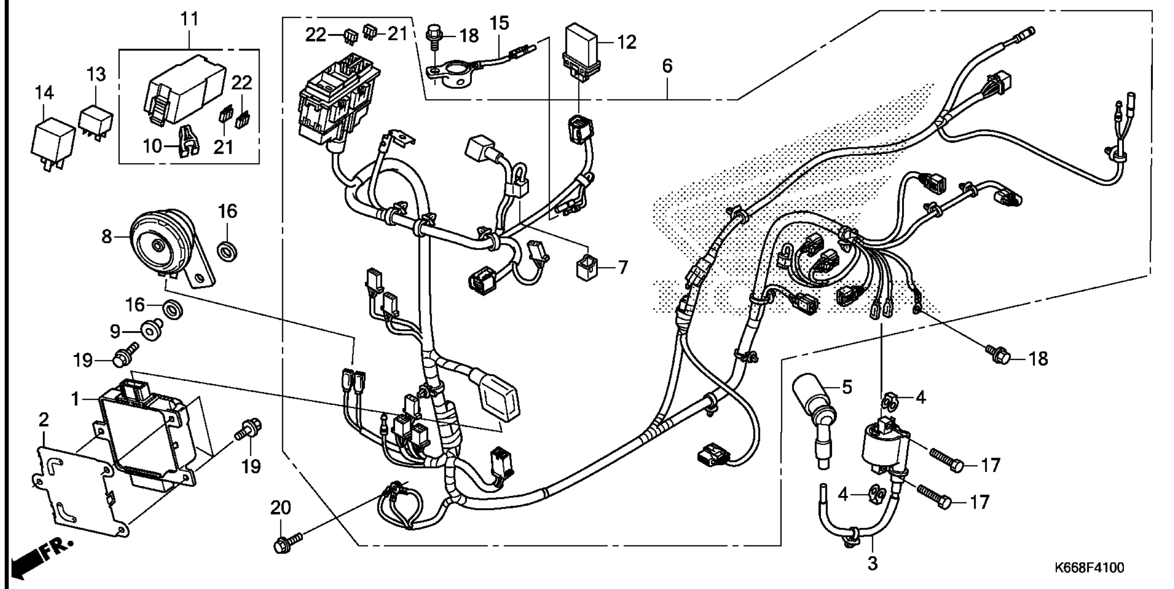


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	618135	MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECM)	1.1
3	614105	CUỘN ĐÁNH LỬA	0.7
5	6141E3	NẮP CHỤP BUGI	0.6
6	611100	BÓ DÂY	1.4
8	616169	CÒI	0.4
12	6181C8	BỘ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ XE	0.4
13	611155	RƠ LE CHÍNH	0.2
14	6111C5	RƠ LE ĐỀ	0.2
15	6161AB	CÒI ĐIỆN TỬ	0.4

1	30400-K66-V01	CONTROL UNIT, ENGINE --------	1		BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ
2	30401-K59-A10	COVER, ENGINE CONTROL UNIT --	1		ỐP BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ
3	30510-K66-V01	COIL COMP., IGNITION --------	1		CUỘN ĐÁNH LỬA
4	30520-GFM-900	SPACER, IGNITION COIL -------	2		ĐẦU CỰC MÔ BIN CAO ÁP
5	30700-K01-901	CAP ASSY., NOISE SUPPRESSOR -	1		BUGI
6	32100-K66-V10	HARNESS, WIRE ---------------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	BÓ DÂY
	32100-K66-V00	-----------------------------	1	-------- -------- 6V,V	
7	32606-GEV-761	CAP, DUMMY(4P)(RED) ---------	1		CHỤP ĐẦU GIẮC 4P(ĐỎ)
8	38110-KZV-V31	HORN COMP.(HIGH) ------------	1		CỤM CÒI (HIGH)
9	38112-K27-M00	COLLAR, HORN SETTING --------	1		BẠC BẮT CỤM CÒI
10	38235-SNA-A01	PULLER, MINI FUSE -----------	1		DỤNG CỤ THÁO CẦU CHÌ MINI
11	38255-K66-V01	COVER COMP., FUSE & RELAY BOX UPPER	1		CỤM NẮP HỘP TRÊN CẦU CHÌ & RƠ LE
12	38385-K66-V11	CONTROL UNIT, ANSWER BACK ---	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	BỘ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ XE
13	38501-KVZ-631	RELAY ASSY., POWER (MICRO ISO 4P)(MITSUBA)	1		CỤM RƠ LE NGUỒN (MICRO ISO 4P) (MITSUBA)
14	38502-K59-A11	RELAY COMP., POWER(HONDA LOCK)	1		CỤM RƠ LE NGUỒN (HONDA LOCK)
15	38720-K66-V11	BUZZER ASSY. ----------------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	CỤM CÒI ĐIỆN TỬ
16	61106-KW6-840	RUBBER B, MOUNTING ----------	2		ĐỆM CAO SU B
17	92101-06020-4J	BOLT, HEX., 6X20 ------------	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X20
18	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12 ----------	2	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
			1	-------- -------- 6V,V	
19	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14 ----------	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14
20	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16 ----------	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16

F-41 BÓ DÂY

I 8

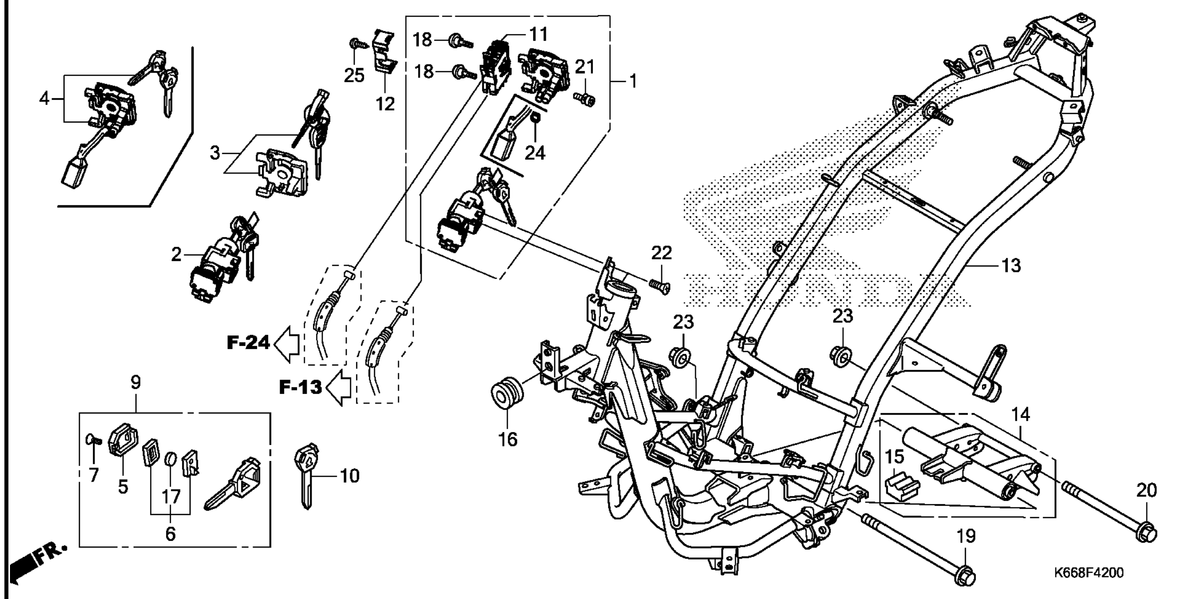


~~KHÔNG CÓ THÔNG TIN~~

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
21	98200-41000	FUSE, MINI(10A)	5		CẦU CHÌ MINI(10A)
22	98200-42500	FUSE, MINI(25A)	2		CẦU CHÌ MINI(25A)

3

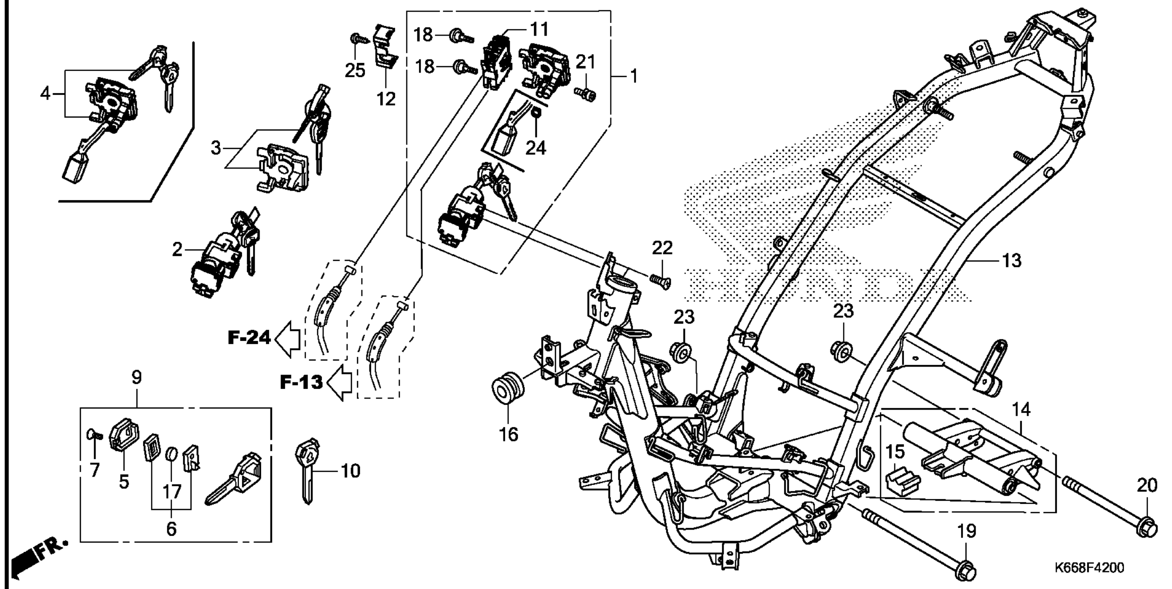
KHUNG XE



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6151A1	BỘ CHÌA KHÓA	2.0
2	615145	CÔNG TẮC MÁY	2.0
3	6151A2	CHÌA KHÓA AN TOÀN .NGOẠI TRỪ: Cắt khóa	1.9
4	6151F4	CHÌA KHÓA AN TOÀN (A) .NGOẠI TRỪ: Cắt khóa	2.0
11	6151C3	CÔNG TẮC MỞ YÊN	0.9
13	410100	THÂN XE .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4.0
14	4101B5	GIÁ TREO ĐỘNG CƠ .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	1.8

1	35100-K66-V11	SWITCH ASSY., COMBINATION & LOCK	1	--------	--------	2V,3V,7V,8V	CÔNG TẮC MÁY
	35100-K66-V01	....	1	--------	--------	6V,V	
2	35101-K35-V01	SWITCH COMP., COMBINATION & LOCK	1				CÔNG TẮC MÁY
3	35110-K35-V01	SHUTTER, KEY	1	--------	--------	6V,V	CHÌA KHÓA AN TOÀN
4	35110-K66-V11	SHUTTER, KEY	1	--------	--------	2V,3V,7V,8V	CHÌA KHÓA AN TOÀN
5	35112-KVG-V41	CASE, BOTTOM	(1)	--------	--------	2V,3V,7V,8V	CỤM NẮP KHÓA DƯỚI
6	35113-K27-V51	MODULE ASSY., ANSWER BACK ...	(1)	--------	--------	2V,3V,7V,8V	CỤM MÔ ĐUN HỆ THỐNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ XE
7	35114-KVG-V41	SCREW, FLAT	(1)	--------	--------	2V,3V,7V,8V	VÍT DẸT
9	35121-K66-V10	KEY, BLANK .... (V1KEYTOP2REPORDER)	(1)	--------	--------	2V,3V,7V,8V	CHÌA KHÓA XE (V1KEYTOP2REPORDER)
10	35121-KVY-900	KEY, BLANK .... (90KEYTOP2REPORDER)	(1)				CHÌA KHÓA XE (90KEYTOP2REPORDER)
11	35190-K35-V01	SWITCH ASSY., FUEL LID & SEAT OPENER	1				CỤM CÔNG TẮC MỞ YÊN VÀ TẤM CHẮN BÌNH XĂNG
12	35191-K27-V01	COVER, CABLE	1				ỐP GIỮ DÂY
13	50100-K66-V00	BODY COMP., FRAME	1				CỤM THÂN XE
14	50350-K66-V00	LINK ASSY., ENGINE HANGER ...	1				CỤM GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
15	50352-K66-V00	RUBBER, LINK STOPPER	1				CAO SU HÃM GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
16	64216-GJ2-730	RUBBER, SCREEN SETTING	1				BẠC LÓT
17	72148-SEA-900	BATTERY COMP.(CR1220)	(1)	--------	--------	2V,3V,7V,8V	PIN (CR1220)
18	90101-KZR-C00	SCREW, SCREEN SETTING	2				VÍT ĐỊNH VỊ CỤM CÔNG TẮC
19	90105-KVY-900	BOLT, FLANGE, 10X270	1				BU LÔNG MẶT BÍCH 10 X270
20	90106-GCC-C50	BOLT, FLANGE, 10X238	1				BU LÔNG MẶT BÍCH 10X238

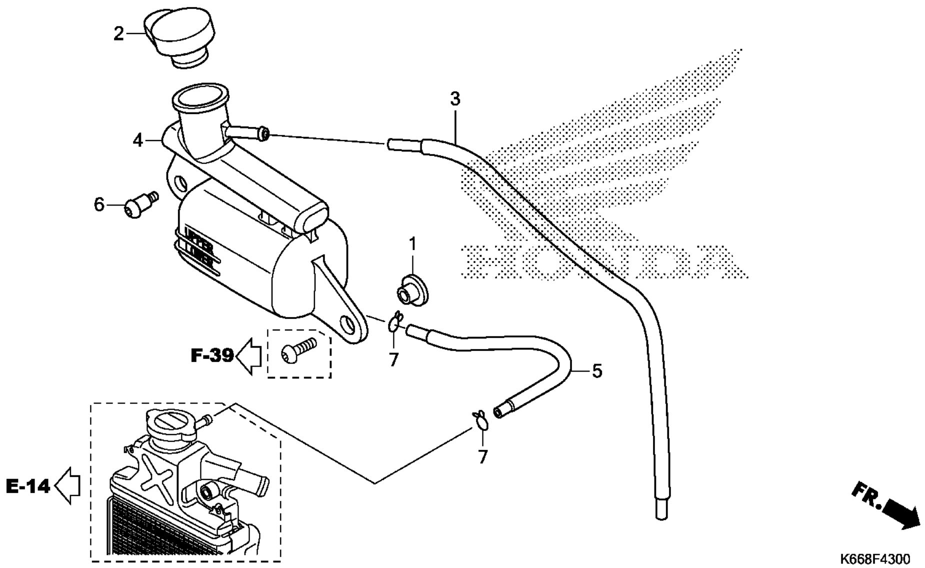
KHUNG XE



~~KHÔNG CÓ THÔNG TIN~~

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
21	90111-MR5-000	BOLT, SOCKET, 5X9 -----------	1		BU LÔNG GIÁC CHÌM 5X9
22	90164-KZL-A00	SCREW, U-LOCK FLAT, 6X12 ----	2		VÍT DẸT KHÓA U 6X12
23	90304-KGH-901	NUT, U, 10MM ---------------	2		ĐAI ỐC U 10MM
24	90651-K35-V00	BAND, WIRE ------------------	1	-------- -------- 2V,3V,7V,8V	ĐAI GIỮ DÂY
25	93901-24320	SCREW, TAPPING, 4X12 --------	1		VÍT TỰ REN 4X12

BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT

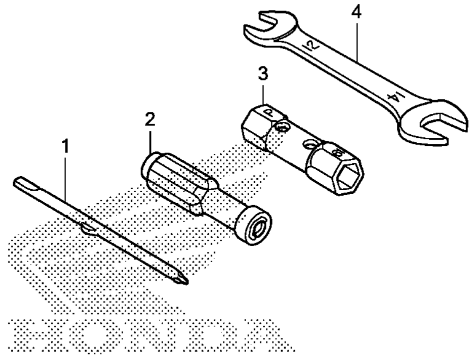


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
4	115110	BÌNH DỰ TRỮ KÉT TẢN NHIỆT	0.2
5	1151E5	ỐNG NỐI BÌNH DỰ TRỮ KÉT TẢN NHIỆT	0.2

1	18316-KVB-900	COLLAR, MUFFLER PROTECTOR ---	1	VÒNG ĐỆM ỐP ỐNG XẢ
2	19104-KVB-900	CAP, RESERVE TANK ----------	1	NẮP BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT
3	19110-K27-V00	TUBE, RESERVE DRAIN --------	1	ỐNG XẢ BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT
4	19111-K66-V00	TANK, RESERVE --------------	1	BÌNH DỰ TRỮ DUNG DỊCH LÀM MÁT
5	19118-K27-V00	HOSE, RESERVE TANK ---------	1	ỐNG DẪN DUNG DỊCH LÀM MÁT
6	90102-K27-V00	SCREW, SPECIAL, 5X13 -------	1	VÍT ĐẶC BIỆT 5X13
7	95002-02100	CLIP, TUBE(B10) ------------	2	KẸP ỐNG(B10)

F-46 DỤNG CỤ

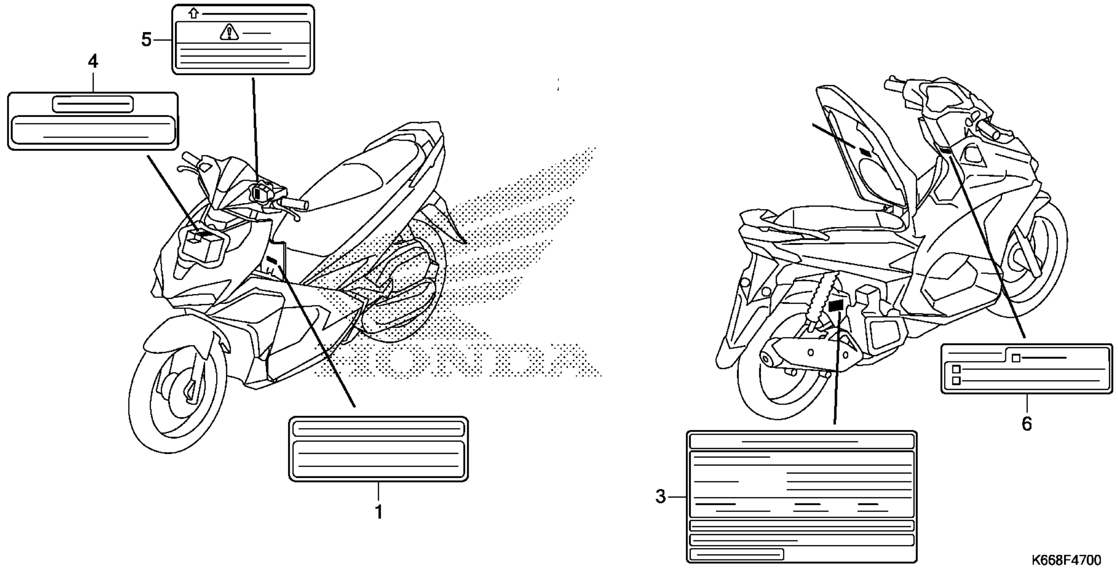
I12



KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	89102-538-000	DRIVER, SCREW(NO.2 + -) -----	1		
2	89103-538-000	GRIP ------------------------	1		CẦN TUA VÍT
3	89216-GBG-770	WRENCH, SPARK PLUG ----------	1		DỤNG CỤ THÁO BUGI
4	89216-KB7-000	SPANNER, 12X14 --------------	1		CỜ LÊ 12X14

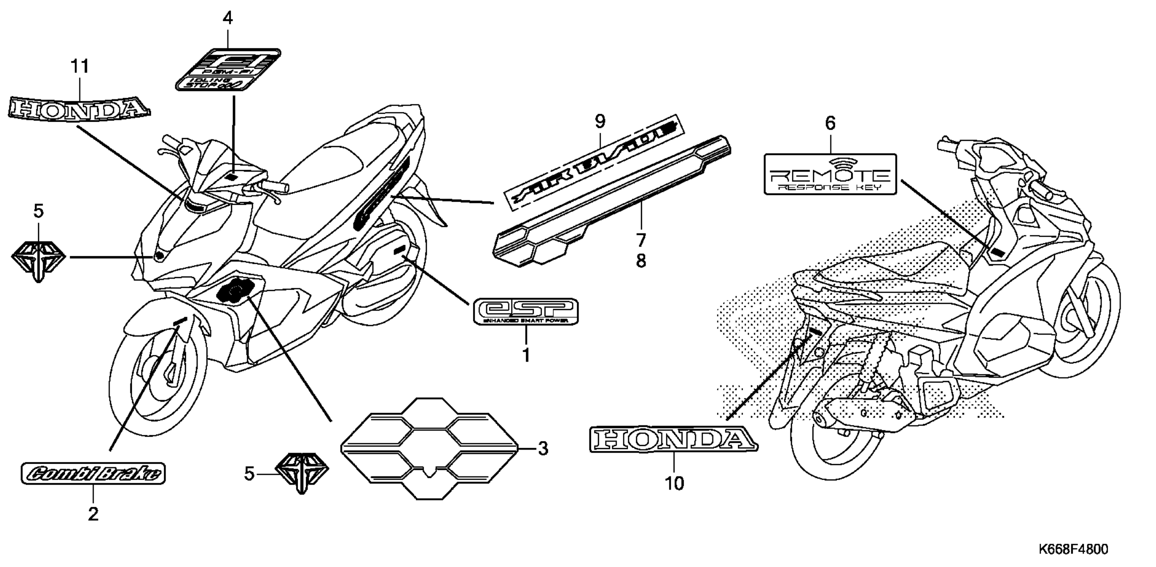
NHÃN CẢNH BÁO



KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	87502-KVG-950	LABEL, GASOLINE INFORMATION (VIETNAM)	1		NHÃN THÔNG TIN NHIÊN LIỆU (VIETNAM)
3	87505-K27-V00	LABEL, TIRE(VIETNAM) --------	1		NHÃN LỐP (VIETNAM)
4	87506-KTM-900	MARK, BATTERY CAUTION(VIETNAM)	1		TEM CẢNH BÁO BÌNH ĐIỆN (VIETNAM)
5	87514-K44-V00	LABEL, CBS CAUTION(VIETNAM) -	1		NHÃN CẢNH BÁO CBS (VIETNAM)
6	87560-KVB-950	LABEL, DRIVE CAUTION(VIETNAM)	1		NHÃN CẢNH BÁO LÁI XE (VIETNAM)

TEM/MÁC XE (ACA125CBF-2V,7V)

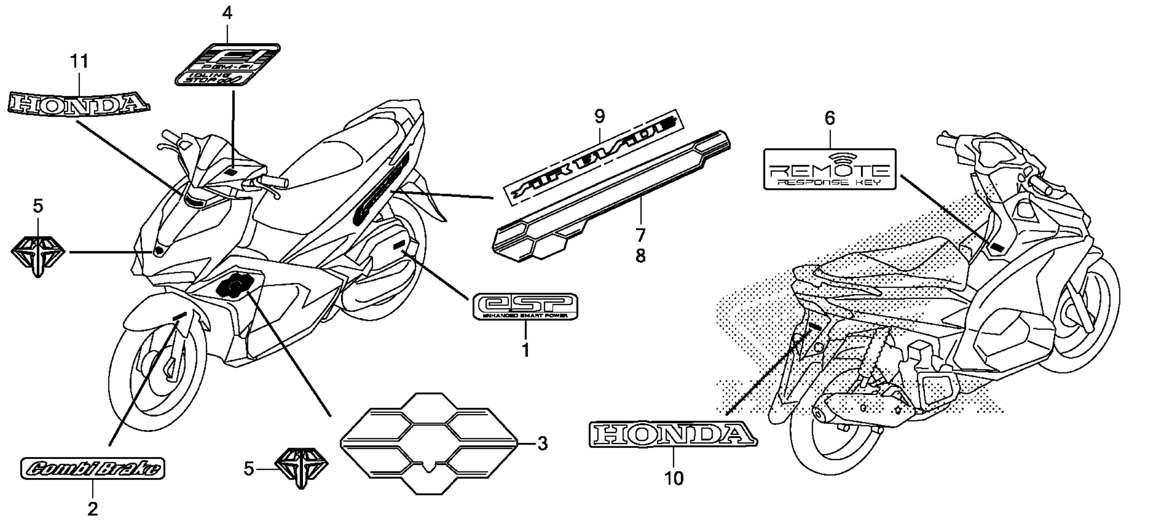


STT L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
	KHÔNG CÓ THÔNG TIN	

3

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	86170-KZR-600	MARK, ENGINE	1	-------- -------- 2V,7V	TEM ĐỘNG CƠ
2	86611-K27-V00ZA	MARK, COMBINATION BRAKE(75MM)			TEM PHANH KẾT HỢP (75MM)
		TYPE1......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
3	86641-K66-V10ZA	STRIPE, FR. COVER			TEM ỐP TRƯỚC
		TYPE4......................	2	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	86641-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	2	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	86641-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	2	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	86641-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	2	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
4	86644-KZR-770ZA	MARK, FI IDLING STOP			TEM FI IDLING STOP
		TYPE1......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
5	86644-K66-V10ZA	EMBLEM, AB			TEM AB
		TYPE1......................	3	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
6	86645-K27-V10ZA	MARK(RESPONSE KEY)			TEM(RESPONSE KEY)
		TYPE1......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
7	86831-K66-V10ZA	STRIPE, R. BODY COVER			TEM ỐP THÂN BÊN PHẢI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	86831-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	86831-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	86831-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
8	86832-K66-V10ZA	STRIPE, L. BODY COVER			TEM ỐP THÂN BÊN TRÁI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU4*
	86832-K66-V10ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU3*
	86832-K66-V10ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU2*
	86832-K66-V10ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*
9	86835-K66-V00ZA	EMBLEM, BODY COVER(AIR BLADE)			TEM ỐP THÂN (AIR BLADE)
		TYPE1......................	2	-------- -------- 2V,7V	*KIỂU1*

TEM/MÁC XE (ACA125CBF-2V,7V)

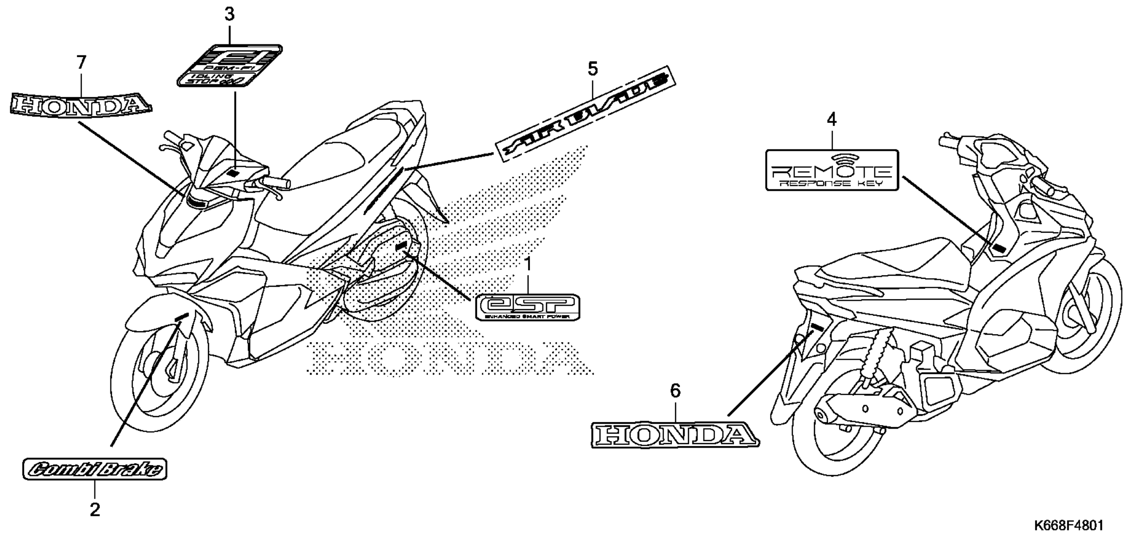


KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri			Tên phụ tùng tiếng Việt
10	87110-KVB-900ZA	MARK, HONDA(60MM) *TYPE1*......................	1	--------	--------	2V,7V	TEM HONDA (60MM) *KIỂU1*
11	87120-KTM-970	EMBLEM(HONDA)	1	--------	--------	2V,7V	TEM (HONDA)

F-48-1 TEM/MÁC XE(ACA125CBF-3V,8V)

I16

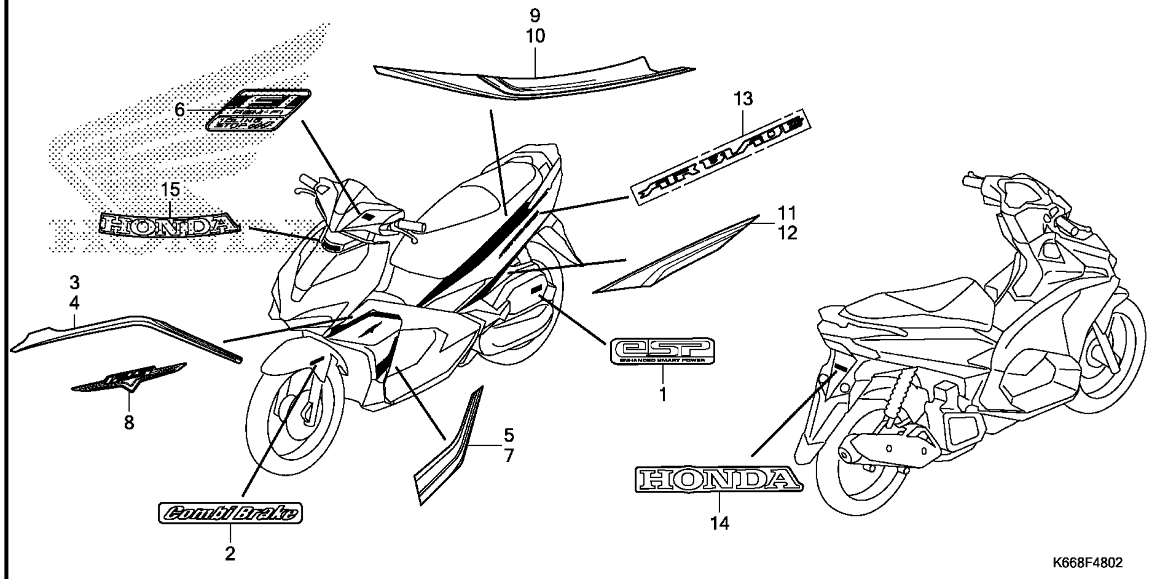


KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	86170-KZR-600	MARK, ENGINE	1	-------- -------- 3V,8V	TEM ĐỘNG CƠ
2	86611-K27-V00ZA	MARK, COMBINATION BRAKE(75MM) *TYPE1*......................	1	-------- -------- 3V,8V	TEM PHANH KẾT HỢP (75MM) *KIỂU1*
3	86644-KZR-770ZA	MARK, FI IDLING STOP *TYPE1*......................	1	-------- -------- 3V,8V	TEM FI IDLING STOP *KIỂU1*
4	86645-K27-V10ZA	MARK(RESPONSE KEY) *TYPE1*......................	1	-------- -------- 3V,8V	TEM(~~RESPONSE KEY)~~ *KIỂU1*
5	86835-K66-V00ZA	EMBLEM, BODY COVER(AIR BLADE) *TYPE1*......................	2	-------- -------- 3V,8V	TEM ỐP THÂN (AIR BLADE) *KIỂU1*
6	87110-KVB-900ZA	MARK, HONDA(60MM) *TYPE1*......................	1	-------- -------- 3V,8V	TEM HONDA (60MM) *KIỂU1*
7	87120-KTM-970	EMBLEM(HONDA)	1	-------- -------- 3V,8V	TEM (HONDA)

4

TEM/MÁC XE(ACA125CBF-6V,V)

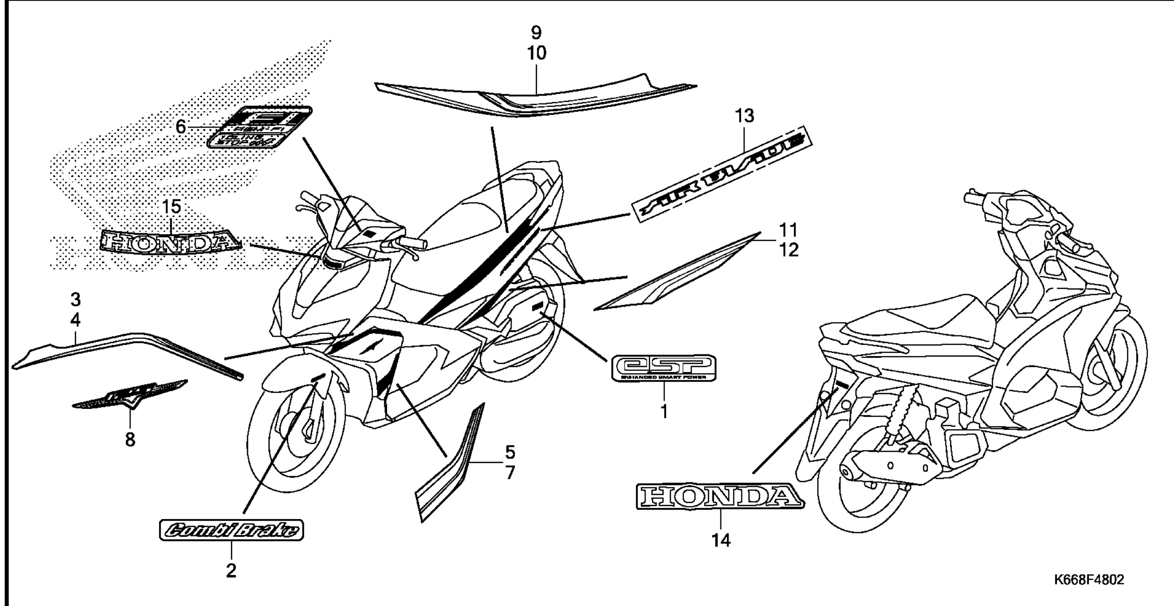


KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
1	86170-KZR-600	MARK, ENGINE	1	-------- -------- 6V,V	TEM ĐỘNG CƠ
2	86611-K27-V00ZA	MARK, COMBINATION BRAKE(75MM)			TEM PHANH KẾT HỢP (75MM)
		TYPE1......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
3	86641-K66-V00ZA	STRIPE A, R. FR. COVER			TEM A ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86641-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86641-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86641-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
4	86642-K66-V00ZA	STRIPE A, L. FR. COVER			TEM A ỐP TRƯỚC BÊN TRÁI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86642-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86642-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86642-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
5	86643-K66-V00ZA	STRIPE B, R. FR. COVER			TEM B ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86643-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86643-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86643-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
6	86644-KZR-770ZA	MARK, FI IDLING STOP			TEM FI IDLING STOP
		TYPE1......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
7	86644-K66-V00ZA	STRIPE B, L. FR. COVER			TEM B ỐP TRƯỚC BÊN TRÁI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86644-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86644-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86644-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
8	86645-K66-V00ZA	STRIPE C, FR. COVER			TEM C ỐP TRƯỚC
		TYPE3......................	2	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*

4

TEM/MÁC XE(ACA125CBF-6V,V)



KHÔNG CÓ THÔNG TIN.

STT	Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Số lượng yêu cầu ACA 125 CBF G	Số seri	Tên phụ tùng tiếng Việt
8)	86645-K66-V00ZB	STRIPE C, FR. COVER			TEM C ỐP TRƯỚC
		TYPE2......................	2	-------- -------- 6V,V	**KIỂU2*
	86645-K66-V00ZC	*TYPE1*......................	2	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
9	86831-K66-V00ZA	STRIPE A, R. BODY COVER			TEM A ỐP THÂN BÊN PHẢI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86831-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86831-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86831-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
10	86832-K66-V00ZA	STRIPE A, L. BODY COVER			TEM A ỐP THÂN BÊN TRÁI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86832-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86832-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86832-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
11	86833-K66-V00ZA	STRIPE B, R. BODY COVER			TEM B ỐP THÂN BÊN PHẢI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86833-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86833-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86833-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
12	86834-K66-V00ZA	STRIPE B, L. BODY COVER			TEM B ỐP THÂN BÊN TRÁI
		TYPE4......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU4*
	86834-K66-V00ZB	*TYPE3*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU3*
	86834-K66-V00ZC	*TYPE2*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU2*
	86834-K66-V00ZD	*TYPE1*......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
13	86835-K66-V00ZA	EMBLEM, BODY COVER(AIR BLADE)			TEM ỐP THÂN (AIR BLADE)
		TYPE1......................	2	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
14	87110-KVB-900ZA	MARK, HONDA(60MM)			TEM HONDA (60MM)
		TYPE1......................	1	-------- -------- 6V,V	*KIỂU1*
15	87120-KTM-970	EMBLEM(HONDA)	1	-------- -------- 6V,V	TEM (HONDA)

PHỤ LỤC VỀ MÃ SỐ PHỤ TÙNG

PHỤ LỤC VỀ MÃ SỐ PHỤ TÙNG

K 2

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
35110-K66-V11	I9	99	4
35112-KVG-V41	I9	99	5
35113-K27-V51	I9	99	6
35114-KVG-V41	I9	99	7
35121-K66-V10	I9	99	9
35121-KVY-900	I9	99	10
35150-K66-V01	G4	62	4
35150-K66-V11	G4	62	4
35160-K20-T21	G4	62	5
35160-K27-V01	G4	62	5
35170-K59-A11	G4	62	6
35170-K60-B01	G4	62	6
35180-K20-T21	G4	62	7
35180-K47-N01	G4	62	7
35190-K35-V01	I9	99	11
35190-K50-T01	G4	62	8
35190-K66-V11	G4	62	8
35191-K27-V01	I9	99	12
35200-K03-N31	G4	62	9
35200-K66-V11	G4	62	9
35340-K27-V01	G4	62	10
35340-MGS-D31	G6	64	2
35700-K66-V01	I2	92	1
36000			
36532-K66-V01	E2	36	8
37000			
37100-K66-V01	G2	60	2
37112-K66-V01	G2	60	3
37202-K66-V01	G2	60	4
37210-K66-V01	G2	60	5
37211-K66-V01	G2	60	6
37212-K66-V01	G2	60	7
37700-K66-V01	F5	55	11
37800-K27-V51	H14	88	20
37870-KZR-601	E2	36	9
37880-KWW-C01	H16	90	13
38000			
38110-KZV-V31	I7	97	8
38112-K27-M00	I7	97	9
38119-MM8-000	H14	88	21
38235-SNA-A01	I7	97	10
38255-K66-V01	I7	97	11
38300-K31-901	G2	60	8
38300-K66-V01	G2	60	8
38385-K66-V11	I7	97	12
38501-KVZ-631	I7	97	13
38502-K59-A11	I7	97	14
38720-K66-V11	I7	97	15
42000			
42311-KVG-900	H11	85	2
42312-KVG-900	H11	85	3

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
42650-K27-V00ZA	H10	84	2
42650-K27-V00ZC	H10	84	2
42711-K27-V02	H10	84	3
42711-KVG-V40	H10	84	3
42753-GM9-743	H8	82	1
	H10	84	4
42753-KBN-902	H8	82	1
	H10	84	4
43000			
43141-KZR-600	H10	84	5
43151-329-000	H10	84	6
43352-568-003	H7	81	3
43353-461-771	H7	81	4
43410-KWN-900	H10	84	7
43440-K50-T01	G4	62	11
43450-K66-V01	G4	62	12
43455-KWN-900	G4	62	13
43459-GN5-760	H10	84	8
43472-KVB-900	H10	84	9
44000			
44301-KVG-950	H8	82	2
44302-383-610	H8	82	3
44311-KVB-910	H8	82	4
44312-KZR-600	H8	82	5
44620-KVB-910	H8	82	6
44650-K66-V00ZA	H8	82	7
44650-K66-V00ZB	H8	82	7
44711-K27-V02	H8	82	8
44711-KVG-V40	H8	82	8
45000			
45108-KVB-T01	H7	81	5
45111-MAJ-G41	H7	81	6
45118-KVB-T01	H7	81	7
45126-K27-V01	G6	64	3
45131-GZ0-006	H7	81	8
45132-166-016	H7	81	9
45133-MA3-006	H7	81	10
45150-KVB-T02	H7	81	11
45156-KYT-900	G6	64	4
45157-K66-V00	G6	64	5
45190-KVB-T01	H7	81	12
45215-KPH-951	H7	81	13
45216-166-006	H7	81	14
45351-K66-V01	H8	82	9
45351-KVG-951	H8	82	9
45500-K66-V01	G6	64	6
45504-410-003	G6	64	7
45512-MA6-006	G6	64	8
45513-GW0-911	G6	64	9
45517-GW0-751	G6	64	10
45520-GW0-911	G6	64	11
45521-GW0-911	G6	64	12
45530-KVY-911	G6	64	13

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
50000			
50100-K66-V00	I9	99	13
50301-GN5-901	G10	68	1
50302-GN5-900	G10	68	2
50306-GN5-900	G10	68	3
50350-K66-V00	I9	99	14
50352-K66-V00	I9	99	15
50381-K66-V00	I6	96	2
50382-K66-V00	I6	96	3
50500-K66-V00	I2	92	2
50503-K27-V00	I2	92	3
50520-KVB-900	I2	92	4
50530-K66-V10	I2	92	5
50718-K27-V00	H2	76	2
50720-K66-V00	H2	76	3
50730-K66-V00	H2	76	4
51000			
51400-K66-V01	H6	80	1
51400-K66-V11	H6	80	1
51401-KZR-601	H6	80	2
51410-KZL-A01	H6	80	3
51412-GN5-901	H6	80	4
51412-KWB-601	H6	80	5
51420-K66-V01	H6	80	6
51420-K66-V11	H6	80	6
51425-GN5-901	H6	80	7
51437-KWB-601	H6	80	8
51454-KEV-881	H6	80	9
51456-KPH-901	H6	80	10
51466-065-901	H6	80	11
51470-KZR-601	H6	80	12
51490-KGH-901	H6	80	13
51500-K66-V01	H6	80	14
51500-K66-V11	H6	80	14
51520-K66-V01	H6	80	15
51520-K66-V11	H6	80	15
52000			
52100-K27-V50	H11	85	4
52400-K66-V01	I3	93	1
52400-K66-V11	I3	93	1
52485-KVY-901	I3	93	2
52486-GA7-003	I3	93	3
53000			
53100-K66-V00	G8	66	1
53102-K66-V00	G8	66	2
53115-K66-V00ZB	G8	66	3
53115-K66-V00ZC	G8	66	3
53115-K66-V00ZD	G8	66	3
53115-K66-V00ZG	G8	66	3
53115-K66-V00ZH	G8	66	3
53115-K66-V00ZJ	G8	66	3
53115-K66-V00ZK	G8	66	3

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
53115-K66-V00ZL	G8	66	3
53115-K66-V00ZM	G8	66	3
53140-K66-V00	G4	62	14
53166-K29-900	G4	62	15
53167-K44-V00	G4	62	16
53168-K44-V00	G4	62	17
53172-K27-V00	G4	62	18
53173-KVB-920	G5	63	19
53174-KVB-970	G5	63	20
53175-KVB-921	G6	64	14
53176-GBL-870	G5	63	21
53178-KVB-920	G5	63	22
53180-K27-V00	G5	63	23
53185-KVB-920	G5	63	24
53186-GBL-870	G5	63	25
53188-KVB-920	G5	63	26
53198-GBL-870	G6	64	15
53199-KVG-910	G6	64	16
53204-K66-V00ZA	G8	66	4
53204-K66-V00ZB	G8	66	4
53204-K66-V00ZC	G8	66	4
53204-K66-V00ZD	G8	66	4
53205-K66-V00ZD	G8	66	5
53205-K66-V00ZE	G9	67	5
53205-K66-V00ZF	G9	67	5
53205-K66-V00ZG	G9	67	5
53210-KVR-C00	G10	68	4
53211-GN5-900	G10	68	5
53212-GN5-900	G10	68	6
53214-GN5-900	G10	68	7
53215-KVR-C00	G10	68	8
53219-K27-V00	G10	68	9
53220-GN5-850	G10	68	10
53225-K66-V00ZK	G9	67	6
53225-K66-V00ZL	G9	67	6
53225-K66-V00ZM	G9	67	6
53225-K66-V00ZN	G9	67	6
53225-K66-V00ZP	G9	67	6
53225-K66-V00ZQ	G9	67	6
53225-K66-V00ZR	G9	67	6
53225-K66-V00ZS	G9	67	6
53225-K66-V00ZT	G9	67	6
60000			
60180-K16-A20	G14	72	2
61000			
61104-KCC-940	G11	69	1
61106-KW6-840	I7	97	16
61110-K66-V00ZA	G11	69	2
61110-K66-V00ZD	G11	69	2
61110-K66-V00ZE	G11	69	2
61110-K66-V00ZL	G11	69	2
61110-K66-V00ZM	G11	69	2
61110-K66-V00ZN	G11	69	2
61110-K66-V00ZP	G11	69	2

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
64000			
64216-GJ2-730	I9	99	16
64300-K66-V00ZK	G12	70	1
64300-K66-V00ZL	G12	70	1
64300-K66-V00ZM	G12	70	1
64300-K66-V00ZN	G12	70	1
64300-K66-V00ZP	G12	70	1
64300-K66-V00ZQ	G12	70	1
64300-K66-V00ZR	G12	70	1
64300-K66-V00ZS	G12	70	1
64300-K66-V00ZT	G12	70	1
64303-K66-V00ZD	G12	70	2
64303-K66-V20ZA	G12	70	2
64303-K66-V20ZB	G12	70	2
64303-K66-V20ZC	G12	70	2
64304-K66-V00	G12	70	3
64305-K66-V00	G12	70	4
64305-K66-V10ZA	G12	70	5
64305-K66-V10ZB	G12	70	5
64305-K66-V10ZC	G13	71	5
64305-K66-V10ZD	G13	71	5
64311-K66-V00	G16	74	1
64320-K66-V10ZH	G14	72	3
64320-K66-V10ZJ	G14	72	3
64320-K66-V10ZK	G14	72	3
64320-K66-V10ZL	G14	72	3
64320-K66-V10ZM	G14	72	3
64320-K66-V10ZN	G14	72	3
64320-K66-V10ZP	G14	72	3
64321-K66-V00	G16	74	2
64330-K66-V00ZB	G14	72	4
64330-K66-V00ZC	G14	72	4
64330-K66-V00ZG	G14	72	4
64330-K66-V00ZJ	G14	72	4
64335-KVG-V41	H12	86	2
64340-K66-V00ZB	H3	77	1
64340-K66-V00ZC	H3	77	1
64340-K66-V00ZD	H3	77	1
64340-K66-V00ZG	H3	77	1
64340-K66-V00ZH	H3	77	1
64340-K66-V00ZJ	H3	77	1
64340-K66-V00ZK	H3	77	1
64340-K66-V00ZL	H3	77	1
64340-K66-V00ZM	H3	77	1
64406-K66-V00	G14	72	5
64410-K66-V00ZA	G14	72	6
64410-K66-V00ZB	G14	72	6
64410-K66-V00ZC	G14	72	6
64410-K66-V00ZD	G15	73	6
64420-K66-V00ZA	G15	73	7
64420-K66-V00ZB	G15	73	7
64420-K66-V00ZC	G15	73	7
64420-K66-V00ZD	G15	73	7
64421-K66-V00ZA	G16	74	3
64421-K66-V00ZB	G16	74	3
64421-K66-V00ZC	G16	74	3
64421-K66-V00ZD	G16	74	3
64431-K66-V00ZA	G16	74	4

4

PHỤ LỤC VỀ MÃ SỐ PHỤ TÙNG

K 3

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
64431-K66-V00ZB	G16	74	4
64431-K66-V00ZC	G16	74	4
64431-K66-V00ZD	G16	74	4
64451-K27-V00	G15	73	8
64452-K27-V00	G15	73	9
64455-K66-V01	G15	73	10
64455-K66-V12	G15	73	10
64500-K66-V00ZA	G13	71	6
64500-K66-V00ZB	G13	71	6
64500-K66-V00ZC	G13	71	6
64500-K66-V00ZD	G13	71	6
64500-K66-V10ZA	G13	71	6
64500-K66-V10ZB	G13	71	6
64500-K66-V10ZC	G13	71	6
64500-K66-V10ZD	G13	71	6
64501-K66-V20ZA	G13	71	7
64501-K66-V20ZB	G13	71	7
64501-K66-V20ZC	G13	71	7
64502-K66-V20ZA	G13	71	8
64502-K66-V20ZB	G13	71	8
64502-K66-V20ZC	G13	71	8
64530-K66-V00	G16	74	5
64600-K66-V00ZA	G13	71	9
64600-K66-V00ZB	G13	71	9
64600-K66-V00ZC	G13	71	9
64600-K66-V00ZD	G13	71	9
64600-K66-V10ZA	G13	71	9
64600-K66-V10ZB	G13	71	9
64600-K66-V10ZC	G13	71	9
64600-K66-V10ZD	G13	71	9
64750-K66-V00ZB	G15	73	11
64750-K66-V00ZC	G15	73	11
64750-K66-V00ZD	G15	73	11
64750-K66-V00ZG	G15	73	11
64750-K66-V00ZH	G15	73	11
64750-K66-V00ZJ	G15	73	11
64750-K66-V00ZK	G15	73	11
64750-K66-V00ZL	G15	73	11
64750-K66-V00ZM	G15	73	11
72000			
72148-SEA-900	I9	99	17
77000			
77200-K66-V00ZA	H12	86	3
77200-K66-V00ZB	H12	86	3
77200-K66-V00ZC	H12	86	3
77214-KPH-900	I2	92	6
77215-KZL-930	H12	86	4
77230-K66-V00	H12	86	5
77234-GN2-000	G15	73	12
	H12	86	6
77240-K66-V01	H12	86	7
80000			
80101-K66-V00	I5	95	2

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
80102-K27-V00	I5	95	3
80103-K27-V00	I5	95	4
80108-KZR-600	I5	95	5
80110-K66-V00ZA	I5	95	6
81000			
81250-K66-V00	H12	86	8
81251-K27-V00	H12	86	9
81252-K27-V00	H12	86	10
81252-K27-V10	H12	86	11
81252-K66-V00	H12	86	12
83000			
83550-K66-V00ZA	H3	77	2
83550-K66-V00ZB	H3	77	2
83550-K66-V00ZC	H3	77	2
83550-K66-V00ZD	H3	77	2
83550-K66-V10ZA	H3	77	2
83550-K66-V10ZB	H3	77	2
83550-K66-V10ZC	H3	77	2
83550-K66-V10ZD	H3	77	2
83550-K66-V20ZD	H3	77	2
83550-K66-V20ZE	H3	77	2
83550-K66-V20ZF	H3	77	2
83642-K12-900	H12	86	13
83650-K66-V00ZA	H4	78	3
83650-K66-V00ZB	H4	78	3
83650-K66-V00ZC	H4	78	3
83650-K66-V00ZD	H4	78	3
83650-K66-V10ZA	H4	78	3
83650-K66-V10ZB	H4	78	3
83650-K66-V10ZC	H4	78	3
83650-K66-V10ZD	H4	78	3
83650-K66-V20ZD	H4	78	3
83650-K66-V20ZE	H4	78	3
83650-K66-V20ZF	H4	78	3
83751-K66-V00ZB	H4	78	4
83751-K66-V00ZC	H4	78	4
83751-K66-V00ZF	H4	78	4
83751-K66-V00ZG	H4	78	4
83751-K66-V00ZH	H4	78	4
83751-K66-V00ZJ	H4	78	4
83751-K66-V00ZK	H4	78	4
83760-K66-V00ZA	I4	94	5
83760-K66-V00ZB	I4	94	5
83760-K66-V00ZC	I4	94	5
83760-K66-V00ZD	I4	94	5
83760-K66-V00ZE	I4	94	5
83760-K66-V00ZF	I4	94	5
83760-K66-V00ZG	I4	94	5
84000			
84100-K66-V00ZA	H12	86	14
84100-K66-V00ZB	H12	86	14
84120-K66-V00	H4	78	5
84601-HA7-670	E12	46	17

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
86000			
86150-KTJ-C60	G9	67	7
86170-KZR-600	I14	104	1
	I16	106	1
	J1	107	1
86611-K27-V00ZA	I14	104	2
	I16	106	2
	J1	107	2
86641-K66-V00ZA	J1	107	3
86641-K66-V00ZB	J1	107	3
86641-K66-V00ZC	J1	107	3
86641-K66-V00ZD	J1	107	3
86641-K66-V10ZA	I14	104	3
86641-K66-V10ZB	I14	104	3
86641-K66-V10ZC	I14	104	3
86641-K66-V10ZD	I14	104	3
86642-K66-V00ZA	J1	107	4
86642-K66-V00ZB	J1	107	4
86642-K66-V00ZC	J1	107	4
86642-K66-V00ZD	J1	107	4
86643-K66-V00ZA	J1	107	5
86643-K66-V00ZB	J1	107	5
86643-K66-V00ZC	J1	107	5
86643-K66-V00ZD	J1	107	5
86644-K66-V00ZA	J1	107	7
86644-K66-V00ZB	J1	107	7
86644-K66-V00ZC	J1	107	7
86644-K66-V00ZD	J1	107	7
86644-K66-V10ZA	I14	104	5
86644-KZR-770ZA	I14	104	4
	I16	106	3
	J1	107	6
86645-K27-V10ZA	I14	104	6
	I16	106	4
86645-K66-V00ZA	J1	107	8
86645-K66-V00ZB	J2	108	8
86645-K66-V00ZC	J2	108	8
86831-K66-V00ZA	J2	108	9
86831-K66-V00ZB	J2	108	9
86831-K66-V00ZC	J2	108	9
86831-K66-V00ZD	J2	108	9
86831-K66-V10ZA	I14	104	7
86831-K66-V10ZB	I14	104	7
86831-K66-V10ZC	I14	104	7
86831-K66-V10ZD	I14	104	7
86832-K66-V00ZA	J2	108	10
86832-K66-V00ZB	J2	108	10
86832-K66-V00ZC	J2	108	10
86832-K66-V00ZD	J2	108	10
86832-K66-V10ZA	I14	104	8
86832-K66-V10ZB	I14	104	8
86832-K66-V10ZC	I14	104	8
86832-K66-V10ZD	I14	104	8
86833-K66-V00ZA	J2	108	11
86833-K66-V00ZB	J2	108	11
86833-K66-V00ZC	J2	108	11
86833-K66-V00ZD	J2	108	11
86834-K66-V00ZA	J2	108	12

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
86834-K66-V00ZB	J2	108	12
86834-K66-V00ZC	J2	108	12
86834-K66-V00ZD	J2	108	12
86835-K66-V00ZA	I14	104	9
	I16	106	5
	J2	108	13
87000			
87110-KVB-900ZA	I15	105	10
	I16	106	6
	J2	108	14
87120-KTM-970	I15	105	11
	I16	106	7
	J2	108	15
87502-KVG-950	I13	103	1
87504-K66-V00	I13	103	2
87505-K27-V00	I13	103	3
87506-KTM-900	I13	103	4
87514-K44-V00	I13	103	5
87560-KVB-950	I13	103	6
88000			
88114-KVB-900	G3	61	1
88210-K66-V01	G3	61	2
88220-K66-V01	G3	61	3
89000			
89102-538-000	I12	102	1
89103-538-000	I12	102	2
89216-GBG-770	I12	102	3
89216-KB7-000	I12	102	4
90000			
90001-KWR-000	E9	43	3
	E11	45	7
	F5	55	12
	I5	95	7
90002-KWB-600	E4	38	13
90003-KFL-710	G3	61	4
90003-KWN-900	E10	44	3
90003-MY5-720	G3	61	5
90004-GHB-660	E12	46	18
90004-KGF-910	E2	36	10
90005-KY7-000	E6	40	7
90012-KWB-600	E4	38	14
90013-K66-V00	E1	35	3
90031-KWN-900	F3	53	12
90032-KWN-900	F5	55	13
90036-KZR-600	F3	53	13
90083-KVB-900	E4	38	15
90085-MZ1-000	I5	95	8
90101-KY6-008	G2	60	9
90101-KZR-C00	I9	99	18
90102-K27-V00	I11	101	6
90102-KZL-930	G9	67	8

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
90103-GET-003	E12	46	19
90103-KEZ-900	H12	86	15
90105-KGH-900	H8	82	10
90105-KVY-900	I9	99	19
90105-MG9-000	G9	67	9
90106-GCC-C50	I9	99	20
90106-MM9-000	G1	59	4
90107-KAN-900	G15	73	13
90108-KZL-860	I2	92	7
90111-MR5-000	I10	100	21
90112-KVB-900	H10	84	10
90112-KVG-900	G16	74	6
90114-K44-V01	G6	64	17
90115-147-000	G5	63	28
90115-KWN-900	G5	63	27
90116-KV3-701	H6	80	16
90116-KVB-900	I6	96	4
90116-SP0-003	H4	78	6
90117-MN5-000	G5	63	29
90131-883-000	F3	53	14
90131-KGH-900	H7	81	15
90145-KPH-B30	G6	64	18
90147-KVB-900	I2	92	8
90164-K66-V00	G9	67	10
90164-KZL-A00	I10	100	22
90202-KN7-670	E16	50	15
90203-KVB-900	I2	92	9
90206-001-000	E4	38	16
90301-KZR-600	G3	61	6
90302-435-761	G5	63	30
90303-K66-V00	G9	67	11
	G13	71	10
	G15	73	14
	G16	74	7
	H5	79	7
	I5	95	9
90304-KGH-901	G9	67	12
	I10	100	23
90304-MJ0-920	I1	91	5
90305-GEE-710	H16	90	14
90305-KVB-901	H11	85	5
90306-KGH-901	H8	82	11
90311-K66-V00	I6	96	5
90401-KWN-900	E14	48	7
90439-KWZ-900	E9	43	4
90441-GY6-940	E16	50	16
90463-ML7-000	E7	41	4
90464-K27-V02	E16	50	17
90483-KWN-900	E2	36	11
90495-MN5-000	F1	51	9
	F5	55	14
90501-KPH-880	G9	67	13
90505-KPH-880	G9	67	14
90544-283-000	H6	80	17
90545-300-000	G6	64	19
90601-K27-V01	E12	46	20
90602-K27-V01	E12	46	21
90605-166-720	E16	50	18
90651-K35-V00	I10	100	24

4

PHỤ LỤC VỀ MÃ SỐ PHỤ TÙNG

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
90651-KZR-601	H11	85	6
90651-MA5-671	G6	64	20
90652-KVB-900	E11	45	8
90656-GCC-000ZC	H12	86	16
90666-K59-A11	G9	67	15
	G13	71	11
	G15	73	15
90677-GBG-850	I5	95	10
90677-KAN-T00	G1	59	5
	G13	71	12
	I5	95	11
90683-GAZ-003	H12	86	17
90701-KWN-901	E8	42	7
	E12	46	22
90702-KWN-900	F3	53	15
90741-003-010	F7	57	6
91000			
91001-KCW-003	E16	50	19
91002-GA7-701	E16	50	20
91002-KZR-602	F5	55	15
91003-KZR-602	F5	55	16
91004-KZR-601	F1	51	10
91004-KZR-602	F1	51	10
91005-KVB-900	E11	45	9
91005-KZR-601	F5	55	17
91005-KZR-602	F6	56	17
91006-KAB-004	F1	51	11
91006-KZR-601	F1	51	12
91006-KZR-602	F1	51	12
91008-KZR-601	F6	56	18
91008-KZR-602	F6	56	18
91009-KVY-961	E16	50	20
91009-KWN-901	F1	51	11
91051-K35-V01	H11	85	7
91052-K03-N41	H9	83	12
91052-K24-901	H8	82	12
91052-K24-902	H9	83	12
91052-K24-903	H9	83	12
91052-K24-904	H8	82	12
91109-KVY-902	E16	50	19
91201-434-003	F1	51	13
91201-K59-A11	F3	53	16
91202-KWN-901	F6	56	19
91203-K50-T01	F6	56	20
91204-K59-A11	F1	51	14
91211-KN7-671	E16	50	21
91251-KPH-901	H9	83	13
91251-KZR-601	H9	83	14
91252-KZR-601	H11	85	8
91253-KZR-601	H11	85	9
91301-GGL-J01	F8	58	13
91301-KRJ-901	E2	36	12
91302-001-020	F6	56	21
91302-KWN-900	E8	42	8
91303-K27-V01	F6	56	22
91306-MG3-000	E6	40	8
91307-035-000	F3	53	17
91307-PLC-004	E2	36	13
91351-642-000	E16	50	22
91351-GR1-000	E16	50	23
91356-GM0-003	H6	80	18
91384-KVB-900	E16	50	22
			23
91509-GE2-760	G1	59	6
	G13	71	13
	G15	73	16
	I4	94	6
	I5	95	12
92000			
92101-06020-4J	I7	97	17
93000			
93401-06016-08	H14	88	22
93401-06020-00	G5	63	31
93401-06025-08	E12	46	23
93404-06012-00	E2	36	14
	H12	86	18
	I5	95	13
	I6	96	6
93404-06012-07	G16	74	8
93404-06020-00	I6	96	7
93500-05012-0H	G5	63	32
93500-05020-0G	G5	63	33
93600-04012-1G	G6	64	21
93892-05012-18	F8	58	14
93893-04012-17	G6	64	22
93901-24320	I10	100	25
93903-22420	G2	60	10
93903-24310	H5	79	8
93903-24380	G9	67	16
	G15	73	17
	H5	79	9
93903-24410	G15	73	18
93903-24480	G13	71	14
	G15	73	19
	G16	74	9
	H5	79	10
93903-25480	H16	90	15
93903-34220	E11	45	10
93903-34310	G9	67	17
	G13	71	15
	G16	74	10
	H1	75	11
	H5	79	11
	H14	88	23
93903-34380	G9	67	18
	G15	73	20
	H1	75	12
	I4	94	7
93903-35210	G2	60	11
	G9	67	19
	I4	94	8
93903-35280	H1	75	13
93903-35320	G15	73	21
93913-255J0	H16	90	16
94000			
94001-10000-0S	I3	93	4
94002-08000-0S	G5	63	34
94002-08080-0S	G5	63	34
94030-08280	E2	36	15
94030-12200	E16	50	24
94030-14200	E14	48	8
94050-06000	G6	64	23
	H14	88	24
94050-12000	E9	43	5
94101-06000	H2	76	5
94101-08000	H12	86	19
94101-10000	H11	85	10
	I3	93	5
94101-10800	I2	92	10
94109-12000	F3	53	18
94201-16150	H2	76	6
94201-16180	H13	87	20
94201-30200	I2	92	11
94301-08100	E8	42	9
	E10	44	4
	F3	53	19
94301-08140	E11	45	11
94301-10120	F1	51	15
94301-10160	E2	36	16
	E7	41	5
94520-28000	E16	50	17
94520-40000	H11	85	6
95000			
95002-02080	H15	89	25
95002-02100	I11	101	7
95002-02130	H16	90	17
95002-41050-08	E12	46	24
95002-41200-08	H16	90	18
95002-50000	F1	51	16
95002-80000	F6	56	23
	H16	90	19
95014-72102	I2	92	12
95015-32001	H10	84	11
95015-81000	G15	73	22
	H2	76	7
95701-06012-00	G5	63	35
	H15	89	26
	I7	97	18
95701-06012-07	G15	73	23
	H1	75	14
95701-06014-00	E2	36	17
	E7	41	6
	F3	53	20
	I7	97	19
95701-06016-00	E13	47	25
	F6	56	24
	G11	69	3
	I7	97	20
95701-06016-02	I1	91	6
95701-06020-00	H15	89	27
95701-06022-00	E6	40	9
	E8	42	10
	F8	58	15
95701-06025-00	F3	53	21
	H16	90	20
95701-06040-00	E2	36	18
	E8	42	11
95701-06065-00	F3	53	22
95701-06080-00	F4	54	23
95701-06095-00	E2	36	19
95701-06130-00	F4	54	24
95701-08016-00	F6	56	25
95701-08045-00	F2	52	17
95701-08045-08	H13	87	21
95701-08055-00	F2	52	18
95701-10040-00	H11	85	11
95701-10065-07	I1	91	7
95801-06012-08	H13	87	22
95801-08032-00	I3	93	6
95801-10040-08	G10	68	11
96000			
96001-06012-00	G7	65	24
96001-06016-00	E8	42	12
	F4	54	25
96001-06016-07	E13	47	26
96001-06022-00	G7	65	25
96001-06025-00	F8	58	16
96001-06028-00	E11	45	12
96001-06040-00	E11	45	13
96001-06065-00	E11	45	14
96211-08000	H2	76	8
96700-06025-00	E9	43	6
98000			
98200-41000	I8	98	21
98200-42500	I8	98	22

PHỤ LỤC VỀ TÊN PHỤ TÙNG

PHỤ LỤC VỀ TÊN PHỤ TÙNG

L 2

5

PHỤ LỤC VỀ TÊN PHỤ TÙNG

PHỤ LỤC VỀ TÊN PHỤ TÙNG

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
PIN, ROLLER GUIDE	E15	49	10
PIN, SEAT HINGE	H12	86	4
PIN, SPLIT, 1.6X15	H2	76	6
PIN, SPLIT, 1.6X18	H13	87	20
PIN, SPLIT, 3.0X20	I2	92	11
PIPE COMP., FR. FORK	H6	80	3
PIPE COMP., STEERING HANDLE	G8	66	1
PIPE, IN.	E2	36	4
PIPE, SEAT	H6	80	12
PISTON	F7	57	3
	H7	81	7
PIVOT, CAM CHAIN TENSIONER	E6	40	4
PLATE ASSY., REFLECTING	G2	60	7
PLATE COMP., DRIVE	E15	49	2
PLATE, BEARING PUSH	F3	53	5
PLATE, CLUTCH SIDE	E15	49	3
PLATE, DIAPHRAGM	G6	64	12
PLATE, LUGGAGE BOX	H12	86	9
PLATE, PILLION STEP CLICK	H2	76	2
PLATE, RAMP	E14	48	6
PLUG, BEARING PUSH	F3	53	3
PLUG, HOLE	H12	86	16
PLUG, SPARK	E2	36	7
PROTECTOR	G6	64	8
PROTECTOR, MUFFLER	I1	91	4
PROTECTOR, SPEED SENSOR	F5	55	9
PULLER, MINI FUSE	I7	97	10
PUMP ASSY., FUEL	H14	88	1
PUMP COMP., WATER	E8	42	1
PUMP SET, OIL	E10	44	1
[R]			
RACE, STEERING BOTTOM BALL	G10	68	2
RACE, STEERING BOTTOM CONE	G10	68	6
RACE, STEERING TOP BALL	G10	68	1
RACE, STEERING TOP CONE	G10	68	5
RADIATOR ASSY.	E12	46	8
RAIL, RR. GRAB	H12	86	14
REFLECTOR, RR. REFLEX	I5	95	1
RELAY ASSY., POWER	I7	97	13
RELAY ASSY., WINKER	G2	60	8
RELAY COMP., POWER	I7	97	14
RETAINER, FUEL PUMP	H14	88	10
RETAINER, VALVE SPRING	E4	38	10
RING SET, PISTON	F7	57	2
RING, BACK UP	H6	80	5
RING, OIL SEAL STOPPER	H6	80	11
RING, PISTON	H6	80	8
RING, SEAL	F8	58	9
RING, STOPPER	H6	80	10
	H7	81	6
ROD, SWITCH EXTENSION	G2	60	4
ROLLER SET, WEIGHT	E14	48	5
ROLLER, GUIDE	E15	49	11
RUBBER B, MOUNTING	I7	97	16
RUBBER B, SEAT SETTING	I2	92	6
RUBBER, CLUTCH DAMPER	E15	49	6
RUBBER, FUEL SEAL	H14	88	14

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
RUBBER, LINK STOPPER	I9	99	15
RUBBER, SCREEN SETTING	I9	99	16
[S]			
SCREEN, OIL FILTER	F5	55	7
SCREW-WASHER, 4X12	G6	64	22
SCREW-WASHER, 5X12	F8	58	14
SCREW SET	F8	58	1
SCREW, BLEEDER	H7	81	3
SCREW, FLAT	I9	99	7
SCREW, FLAT, 4X12	G6	64	21
SCREW, HANDLE LEVER PIVOT	G5	63	27
SCREW, HANDLE LEVER PIVOT, 5X26	G5	63	28
SCREW, PAN, 5X11.5	G1	59	6
	G13	71	13
	G15	73	16
	I4	94	6
	I5	95	12
SCREW, PAN, 5X12	G5	63	32
SCREW, PAN, 5X13	G5	63	29
SCREW, PAN, 5X17	G9	67	9
SCREW, PAN, 5X20	G5	63	33
SCREW, PAN, 6X6	E6	40	7
SCREW, SCREEN SETTING	I9	99	18
SCREW, SPECIAL, 5X13	I11	101	6
SCREW, SPECIAL, 6MM	G9	67	10
SCREW, TAPPET ADJUSTING	E4	38	14
SCREW, TAPPING, 3X14	G2	60	9
SCREW, TAPPING, 3X16	G2	60	10
SCREW, TAPPING, 4X10	E11	45	10
SCREW, TAPPING, 4X12	G9	67	16
			17
			18
	G13	71	15
	G15	73	17
			20
	G16	74	10
	H1	75	11
			12
	H5	79	8
			9
			11
	H14	88	23
	I4	94	7
	I10	100	25
SCREW, TAPPING, 4X16	G13	71	14
	G15	73	18
			19
	G16	74	9
	H5	79	10
SCREW, TAPPING, 5X12	G2	60	11
	G9	67	19
	H1	75	13
	I4	94	8
SCREW, TAPPING, 5X16	G15	73	21
SCREW, TAPPING, 5X20	H16	90	15
			16

Mã số phụ tùng	Địa chỉ	Trang	Số tham chiếu
SCREW, TORX, 5X8.7	F8	58	4
SCREW, U-LOCK FLAT, 6X12	I10	100	22
SEAL SET, FR. FORK	H6	80	13
SEAL SET, PISTON	H7	81	1
SEAL, AIR CLEANER	H16	90	3
			4
SEAL, BELT COVER DUCT	E11	45	5
SEAL, DRAIN	E12	46	9
SEAL, DRIVEN FACE, 34X41X4	E16	50	21
SEAL, DUCT	E11	45	6
SEAL, DUST	H6	80	7
SEAL, LID	G14	72	5
SEAL, RR. INNER FENDER	I5	95	5
SEAL, VALVE STEM	E4	38	1
SEAT B, SPRING	H6	80	9
SEAT COMP., DOUBLE	H12	86	3
SEAT SET	F8	58	11
SEAT, VALVE SPRING	E4	38	11
SENSOR ASSY., AIR TEMP	H16	90	13
SENSOR ASSY., SPEED	F5	55	11
SENSOR ASSY., WATER TEMP	E2	36	9
SENSOR, OXYGEN	E2	36	8
SHAFT, DRIVE	F1	51	5
SHAFT, MAIN STAND	I2	92	3
SHAFT, ROCKER ARM	E4	38	6
SHOE SET, BRAKE	H10	84	1
SHUTTER, KEY	I9	99	3
			4
SLEEVE, RR. BRAKE CAM	F1	51	1
SOCKET ASSY., FR. WINKER	G1	59	2
SOLENOID	F8	58	10
SPACER, IGNITION COIL	I7	97	4
SPANNER, 12X14	I12	102	4
SPEEDOMETER COMP.	G2	60	5
SPRING A, SIDE STAND	I2	92	12
SPRING, BEARING PUSH	F3	53	4
SPRING, BRAKE LEVER RETURN	G6	64	16
SPRING, BRAKE LOCK ARM RETURN	G5	63	26
SPRING, BRAKE SHOE	H10	84	6
SPRING, CLUTCH	E15	49	4
SPRING, DRIVEN FACE	E15	49	12
SPRING, FR. FORK	H6	80	2
SPRING, FUEL LID OPENER	G15	73	8
SPRING, KICK STARTER STOPPER	H2	76	1
SPRING, MAIN STAND	I2	92	4
SPRING, OIL FILTER SCREEN	F5	55	8
SPRING, PAD	H7	81	5
SPRING, REBOUND	H6	80	4
SPRING, RETURN	G6	64	15
SPRING, RR. BRAKE ARM	H10	84	9
SPRING, SEAT LOCK	G15	73	12
	H12	86	6
SPRING, VALVE	E4	38	9
SPROCKET, CAM	E4	38	3
STAND COMP., MAIN	I2	92	2
STATOR COMP.	E9	43	2
STAY COMP., FUEL HOSE	E2	36	6
STAY COMP., IGNITION COIL	E7	41	3
STAY, ENGINE HARNESS	F3	53	11

PHỤ LỤC VỀ TÊN PHỤ TÙNG